



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

CHUYỂN ĐỔI SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

ACADEMY OF JOURNALISM & COMMUNICATION

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội



THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

TRUNG TÂM THÔNG TIN KHOA HỌC - HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



BAN CHỈ ĐẠO

PGS, TS Phạm Minh Sơn
PGS, TS Lưu Văn Quảng
TS Nguyễn Đức Toàn

BAN BIÊN TẬP

TS Vũ Thanh Vân
ThS Vũ Thị Hồng Luyến
ThS Nguyễn Việt Hà
Phạm Thị Hằng
Nguyễn Thị Kiều Trinh

Địa chỉ: 36 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội
Điện thoại: 024 38340041

PHẦN I - CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

• CAO THỊ DUNG

Quan điểm của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số và đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh chuyển đổi số

3

• TRẦN QUANG DIỆU

Chuyển đổi số và phát triển bền vững ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay

14

• TRƯƠNG THỊ THU TRANG

Chính sách chuyển đổi số của Singapore và một số gợi ý cho Việt Nam

30

• BÙI NGỌC HIỀN

Kinh nghiệm của một số quốc gia trong chuyển đổi số và hàm ý chính sách cho Việt Nam

45

• NGUYỄN VĂN THẠO

Đẩy mạnh chuyển đổi số phát triển kinh tế số

56

• HÀ HUY PHƯỢNG

Đổi mới hoạt động đào tạo báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay **68**

• NGUYỄN THỊ HÀ

Những yêu cầu đặt ra với cơ quan nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số **82**

• NGÔ ĐÌNH XÂY

Chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo **92**

• NGUYỄN MẠNH HẢI

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch **100**

• PHẠM QUẾ HẰNG

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay **108**

PHẦN II – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

• NGUYỄN TUẤN ANH

Đẩy mạnh chuyển đổi số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng **118**

• NGUYỄN THỊ LAN ANH

Chuyển đổi số và xây dựng văn hóa thông tin trong các cơ quan, tổ chức nhà nước **129**

• NGUYỄN THỊ THU VÂN

Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học **138**

• NGUYỄN VĂN THỦY

Chuyển đổi số trong ngành giáo dục: Thực trạng và một số đề xuất trong thời gian tới **152**

• NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực báo chí - truyền thông **164**

• PHẠM ĐỨC CHÍNH

Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số ở Việt Nam hiện nay **180**

• DƯƠNG VĂN KHÁM-NGUYỄN KIM DUNG

Lưu trữ trực tuyến và chuyển đổi số trong ngành lưu trữ **192**

• HÀ VĂN HẬU

Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản ở Việt Nam **201**

• VŨ VĂN HÀ

Báo chí truyền thông trong xu thế chuyển đổi số **216**

• NGUYỄN THÀNH LỢI

Vấn đề xây dựng tòa soạn hội tụ qua phân tích chiến lược chuyển đổi số báo chí hiện nay **226**

LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, tạo nên những thay đổi mang tính bước ngoặt trong cách con người sống, làm việc và tương tác với thế giới xung quanh. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số (digital transformation) nổi lên như một quá trình tất yếu, góp phần tái cấu trúc toàn diện các mô hình hoạt động và bộ máy quản lý của nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp. Chuyển đổi số không đơn thuần là ứng dụng công nghệ thông tin, mà là sự tích hợp giữa công nghệ số, dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT) và các công nghệ tiên tiến khác nhằm thay đổi căn bản phương thức hoạt động, cung cấp dịch vụ và ra quyết định.

Đối với Việt Nam, chuyển đổi số được xác định là một trong những trụ cột quan trọng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Từ Nghị quyết Đại hội XIII đến Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, các văn kiện chiến lược đều thể hiện rõ quan điểm nhất quán về vai trò của chuyển đổi số trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, trong quá trình triển khai chuyển đổi số, Việt Nam cũng đang đối diện với nhiều thách thức về thể chế, nguồn lực, công nghệ, nhận thức xã hội... Là xu hướng và yêu cầu khách quan nhưng mức độ chuyển đổi số giữa các bộ, ngành, địa phương chưa đồng đều và chưa toàn diện.

Để giúp bạn đọc có tài liệu nghiên cứu về những vấn đề đặt ra đối với quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi sưu tầm, tuyển chọn một số bài viết của các học giả, nhà nghiên cứu uy tín trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, biên soạn ấn phẩm Thông tin chuyên đề số 2/2025 với chủ đề ***“Chuyển đổi số: Cơ sở lý luận và thực tiễn ở Việt Nam”***. Kết cấu thông tin chuyên đề gồm hai phần:

Phần I: *Cơ sở lý luận về chuyển đổi số trong bối cảnh hiện nay*

Phần II: *Chuyển đổi số ở Việt Nam - Từ chủ trương đến thực tiễn*

Trong quá trình biên soạn ấn phẩm, chúng tôi có sử dụng một số tài liệu từ các tạp chí và internet mà chưa có điều kiện xin phép trực tiếp tác giả. Ấn phẩm chỉ sử dụng với mục đích làm tài liệu tham khảo nội bộ, không vì mục đích kinh doanh. Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các tác giả. Mặc dù Ban Biên tập đã hết sức cố gắng, song trong quá trình biên tập, không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Trân trọng cảm ơn!

BAN BIÊN TẬP

PHẦN I
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ
TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐẤU TRANH,
BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

TS CAO THỊ DUNG
Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Ngày nhận: 18/11/2024; Ngày biên tập: 02/01/2025; Ngày duyệt đăng: 20/01/2025.

Tóm tắt: Chuyển đổi số trong sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ thời đại 4.0 với điện toán đám mây, dữ liệu lớn, internet vạn vật và trí tuệ nhân tạo đang đem đến cơ hội phát triển vượt bậc cho xã hội, tuy nhiên cũng có nhiều thách thức đối với việc quản lý, điều hành, bảo đảm an ninh quốc gia. Chuyển đổi số cũng có những tác động sâu sắc đến công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn cách mạng hiện nay, bởi vậy việc triển khai tốt các giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong thời kỳ chuyển đổi số là yêu cầu cấp thiết.

Từ khóa: Bảo vệ nền tảng tư tưởng; chuyển đổi số; đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng.

Abstract: Digital transformation in the strong development of science and technology in era 4.0 together with cloud computing, big data, Internet of Things and artificial intelligence is bringing great development opportunities to the society, but there are also many challenges on the management, operation and assurance of the national security. Digital transformation also has profound impacts on the struggle to protect the Party's ideological foundation in the existing revolutionary period, so it is urgent to ensure effective implementation of solutions to improve the effectiveness of the struggle to protect the Party's ideological foundation in the digital transformation period.

Keywords: Protecting the ideological foundation; digital transformation; fighting to protect the ideological foundation.

1. Quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số

Nghị quyết Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị đã nêu rõ sự cần thiết phải thúc đẩy chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, ngày 03/6/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng tới năm 2030 nhằm xây dựng Chính phủ số và phát triển kinh tế số thông qua việc ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Trong Báo cáo chính trị tại Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII, Đảng ta đã xác định định hướng phát triển quốc gia trong giai đoạn 2021-2030, trong đó nhấn mạnh: cần bảo đảm sự ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, đồng thời thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước... Tăng cường chuyển đổi số quốc gia và phát triển kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đã đề ra 05 quan điểm phát triển, trong đó có 02 quan điểm tập trung vào chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Cụ thể, quan điểm đầu tiên nhấn mạnh: “Phát triển nhanh và bền vững phải dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ số. Cần phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt và tận dụng hiệu quả các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kết hợp với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế số và xã hội số, coi đây là yếu tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”⁽¹⁾. Quan điểm thứ hai liên quan đến việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: “Hệ thống pháp luật cần phải tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và sự phát triển của các sản phẩm, dịch vụ cũng như mô hình kinh tế mới”⁽²⁾.

Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cũng chỉ rõ các quan điểm về chuyển đổi số, cụ thể:

Một là, nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trước tiên là sự thay đổi trong nhận thức, do đó các cơ quan và tổ chức có thể thực hiện chuyển đổi số bằng cách tận dụng các nguồn lực và hệ thống kỹ thuật hiện có của mình. Họ nên chủ động số hóa toàn bộ tài sản thông tin, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cơ cấu tổ chức và chuyển đổi các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số, nhằm tối ưu hóa cơ hội để phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Để đạt được mục tiêu này, các cơ quan và tổ chức cần xác định rõ lộ trình và thúc đẩy nhanh chóng quá trình chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Thực tế đã chỉ ra rằng, những cơ quan và tổ chức đi đầu trong chuyển đổi số sẽ dễ dàng thu hút nguồn lực, trong khi những đơn vị chậm trễ sẽ đối mặt với tình trạng khan hiếm nguồn lực, hạn chế cơ hội phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số ngày càng trở nên phổ biến.

Hai là, người dân là trung tâm của chuyển đổi số.

Chuyển đổi số là xu thế chung của xã hội, là công việc của các cơ quan, tổ chức, quốc gia. Đảng và Nhà nước chủ trương trong quá trình chuyển đổi số phải lấy người dân là trung tâm, bởi vậy khi văn hóa số được xây dựng và hình thành cần quan tâm đến việc bảo vệ các giá trị văn hóa, giá trị đạo đức căn bản của con người và chủ quyền của quốc gia trong chuyển đổi số. Chuyển đổi số hiện nay được coi là phương thức thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia nói riêng, của Liên hợp quốc nói chung. Trong quá trình chuyển đổi số, thiết bị di động thông minh là phương tiện chính của người dân, thông qua việc sử dụng các thiết bị di động thông

minh này, cần xác định những lĩnh vực có tác động xã hội lớn, liên quan hàng ngày tới người dân để tập trung ưu tiên tiến hành chuyển đổi số trước.

Ba là, thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số.

Chính phủ kiến tạo thể chế chính sách, nhất là thể chế chính sách thúc đẩy chuyển đổi số nhằm sẵn sàng chấp nhận và thử nghiệm những chính sách mới một cách có kiểm soát, hình thành văn hóa đổi mới; thử nghiệm nhanh, đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp sáng tạo. Thời gian tới, Chính phủ cần tiếp tục đẩy nhanh quá trình phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số trong xu hướng chung của chuyển đổi số quốc gia. Các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đóng vai trò chủ chốt trong việc phát triển hạ tầng, nền tảng, dịch vụ, tư vấn và cung cấp giải pháp chuyển đổi số; từ ứng dụng, sản phẩm, dịch vụ đến làm chủ công nghệ lõi và vươn ra thị trường toàn cầu để hướng tới mục tiêu dài hạn của đất nước về chuyển đổi số trong các lĩnh vực.

Bốn là, giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả là phát triển nền tảng số.

Hợp tác quốc tế là yếu tố quan trọng để thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội, tạo động lực cho các cơ quan nhà nước. Trong quá trình chuyển đổi số, các tổ chức và doanh nghiệp Việt Nam cần hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và tiên phong áp dụng công nghệ mới cùng mô hình mới vào Việt Nam hướng tới

đẩy nhanh, mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực.

Năm là, bảo đảm an toàn, an ninh mạng là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững.

An toàn và an ninh mạng là phần không thể tách rời của chuyển đổi số, đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo sự thành công và bền vững của quá trình này. Mọi thiết bị, sản phẩm, phần mềm, hệ thống thông tin và dự án đầu tư về công nghệ thông tin trong quá trình chuyển đổi số ở Việt Nam đều cần phải có cấu phần bắt buộc về an toàn và an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

Sáu là, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và hành động đồng bộ của toàn dân là yếu tố bảo đảm sự thành công của chuyển đổi số.

Sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân là yếu tố quan trọng để đảm bảo sự thành công của chuyển đổi số trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các chủ thể trong quá trình chuyển đổi số. Để thực hiện hiệu quả chuyển đổi số, Chương trình chuyển đổi số quốc gia phải có tính động, mở, bao trùm, tạo nền móng và làm cơ sở cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội khác thực hiện đồng bộ. Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và doanh nghiệp trên cả nước cần coi chuyển đổi số quốc gia là nhiệm vụ quan trọng, trên cơ sở Chương trình chuyển đổi số quốc gia, cần phải xây dựng đề án, chương trình, chiến lược, kế hoạch lồng ghép nội dung về chuyển đổi số trong hoạt động của mình dựa trên tình hình cụ thể và cần được chỉ đạo, giám sát và đánh giá định kỳ theo quy định⁽³⁾.

2. Nhận diện thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng các phương tiện kỹ thuật số tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng

Tận dụng ưu thế của không gian mạng, các phương tiện truyền thông cũng như các đặc điểm về người sử dụng của nước ta, các thế lực thù địch xác định đây là địa hạt quan trọng để tấn công nền tảng tư tưởng của Đảng. Trong khi đó, một số nơi, lực lượng và cơ sở vật chất của chúng ta còn yếu, một số cán bộ, đảng viên còn coi nhẹ trách nhiệm trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái nên các thế lực thù địch đã đẩy mạnh sử dụng hàng loạt website, thư điện tử, zalo, messenger, các đài phát thanh tiếng Việt,... để phát tán những ấn phẩm, tin tức độc hại, các nội dung xuyên tạc nhằm mục đích làm suy giảm niềm tin, gây chia rẽ nội bộ và làm mất ổn định chính trị, cũng như an ninh tư tưởng ở nước ta.

Lợi dụng sự phát triển của internet, mạng xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng... trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phần tử chống đối ngày càng tinh vi, phức tạp nhằm phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước và những thành tựu mà Nhân dân đạt được trong thời gian qua. Đặc biệt, để thực hiện mưu đồ gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Các thế lực thù địch, phần tử chống đối thường sử dụng mạng xã hội, trang web, ứng dụng di động và các kênh truyền thông trực tuyến để lan truyền thông tin sai lệch, xuyên tạc lịch sử, bôi nhọ lãnh đạo,

làm suy giảm niềm tin của Nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Một trong những thủ đoạn phổ biến là sử dụng các tài khoản ẩn danh hoặc giả mạo để phát tán các nội dung mang tính chất kích động, chia rẽ nội bộ, gây hoang mang dư luận. Bên cạnh đó, chúng còn khai thác các lỗ hổng trong nhận thức và tâm lý của một bộ phận người dân, đặc biệt là giới trẻ, để gieo rắc tư tưởng phản động, cổ xúy lối sống lệch lạc và suy thoái về đạo đức. Thủ đoạn “tấn công mềm” này không chỉ nhằm mục tiêu làm suy yếu niềm tin chính trị mà còn phá vỡ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhận diện và đấu tranh với những thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng sự phát triển của các phương tiện kỹ thuật số tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng là yêu cầu then chốt trong kiến tạo nền móng chuyển đổi số để phát triển đất nước.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng trong bối cảnh chuyển đổi số

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền với cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc, bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia với các biện pháp sau: xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến việc bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh các hành vi phát tán thông tin sai trái, thù địch, xuyên tạc; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia. Chú trọng tổ chức các chương trình đào tạo, tập huấn cho cán bộ, đảng

viên và Nhân dân về các vấn đề liên quan đến an ninh tư tưởng, cách nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; phát triển các kênh thông tin chính thống mạnh mẽ, đa dạng, hiện đại để kịp thời cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ đến người dân; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ năng lực, trình độ, bản lĩnh để đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch; khuyến khích và tạo điều kiện để các chuyên gia, nhà khoa học tham gia phản biện, đưa ra các luận cứ khoa học để phản bác các quan điểm sai trái.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan chức năng trong công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phát hiện, ngăn chặn và phản bác các thông tin sai trái, thù địch, phát triển các công cụ, phần mềm hỗ trợ công tác kiểm duyệt, phát hiện và xử lý thông tin trên mạng. Thường xuyên tổ chức các phong trào, chiến dịch vận động toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia. Phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm của mỗi công dân trong việc bảo vệ Tổ quốc, chống lại các quan điểm sai trái, thù địch.

Hai là, xây dựng và nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách chuyển đổi số của Đảng và Nhà nước với sự nghiệp phát triển đất nước, trong đó có đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Theo đó, cần sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí,

truyền hình, phát thanh và mạng xã hội để tuyên truyền về chủ trương, chính sách chuyển đổi số; tổ chức các chương trình giáo dục, hội thảo, diễn đàn, tọa đàm về chuyển đổi số và vai trò của nó trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức và kỹ năng chuyển đổi số. Đưa các nội dung về chuyển đổi số vào chương trình đào tạo của các trường học, đặc biệt là các trường đào tạo cán bộ Đảng và chính quyền; biên soạn và phát hành các tài liệu, cẩm nang hướng dẫn về chuyển đổi số, về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, sử dụng các phương tiện truyền thông trực quan như video, infographics để giải thích một cách dễ hiểu và thu hút; triển khai các dự án thí điểm về chuyển đổi số trong một số lĩnh vực cụ thể và đánh giá kết quả để rút kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình thành công ra toàn quốc, tạo điều kiện cho các địa phương học hỏi và áp dụng.

Chuyển đổi số không chỉ đảm bảo an ninh quốc gia và duy trì an ninh tư tưởng mà còn kịp thời ngăn chặn các nguy cơ xâm phạm đến nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như quyền riêng tư của mỗi người dân. Đồng thời, chuyển đổi số cũng là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Để nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân về an ninh tư tưởng trong quá trình tham gia vào chuyển đổi số cần tuân thủ các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và giá trị đạo đức căn bản của nhân loại, nhằm nâng cao trách nhiệm, tinh thần thượng tôn pháp luật và ý thức đấu tranh với những thủ đoạn xâm phạm an ninh tư tưởng.

Ba là, cần tăng cường quản lý không gian mạng xã hội, nhanh chóng phát hiện và xác định chính xác các thông tin sai lệch, xuyên tạc để kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn và gỡ bỏ. Phát huy tối đa lợi thế của công nghệ thông tin và mạng lưới báo chí chính thống, chủ động đưa tin kịp thời để phản biện thông tin sai lệch, xấu, độc, góp phần định hướng dư luận xã hội. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nắm bắt tư tưởng và dư luận xã hội thông qua các fanpage, nhóm, blog...; xây dựng các trang Facebook, Twitter, Zalo với nội dung đề cao tinh thần đoàn kết, “tương thân, tương ái”, người tốt, việc tốt, lan tỏa những điều tích cực, góp phần loại bỏ thông tin xấu, độc và xuyên tạc sự thật.

Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch giúp củng cố và tăng cường niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước□

Ghi chú:

(1), (2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.214, tr.215

(3) Chính phủ, *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, tr.4 - 5

Nguồn: Tạp chí Tổ chức nhà nước.- 2025.- Số 01.- Tr.17-20.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS TRẦN QUANG DIỆU

Phó Giám đốc điều hành

Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin,

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS HÀ THỊ THU HẰNG

Đại học Thủ đô Hà Nội

Ngày nhận: 5-1-2023 Ngày thẩm định, đánh giá: 30-1-2023 Ngày duyệt đăng: 13-2-2023.

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, sự bùng nổ của khoa học và công nghệ đã có những ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội và đời sống con người trên toàn thế giới. Việt Nam trước ngưỡng cửa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng công nghiệp 4.0) đã và đang có các bước chuyển mình mạnh mẽ. Việt Nam đã chủ động nắm bắt thời cơ, tìm được hướng đi, giải pháp riêng phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn của mình phát triển bền vững nền kinh tế-xã hội. Bài viết tập trung làm rõ nội dung, sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự chủ động phát triển bền vững của Việt Nam.

Từ khóa: *Chuyển đổi số; phát triển bền vững; Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Việt Nam*

1. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tác động tới Việt Nam

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) là một cuộc cách mạng sản xuất mới, gắn liền với những đột phá chưa từng có về công nghệ, liên quan đến kết nối Internet, điện toán đám mây, in 3D, công

nghệ cảm biến, thực tế ảo... Cuộc cách mạng sản xuất mới này được dự đoán sẽ tác động mạnh mẽ đến mọi quốc gia, chính phủ, doanh nghiệp và người dân khắp toàn cầu, cũng như làm thay đổi căn bản cách con người sống, làm việc và sản xuất. Bản chất của CMCN 4.0 là dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất. Kỷ nguyên mới của đầu tư, năng suất và mức sống gia tăng tất cả là nhờ vào sự sáng tạo của con người và sẽ tác động sâu sắc đối với các hệ thống chính trị, xã hội, kinh tế của các quốc gia trên thế giới.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ và như vũ bão của Khoa học công nghệ, CMCN 4.0 như một làn gió mới mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội để đẩy nhanh CNH, HĐH; đồng thời cũng là cơ hội và thách thức đối với quá trình phát triển của đất nước. Việt Nam cần tận dụng những thế mạnh sẵn có và nắm lấy cơ hội để tham gia vào cuộc cách mạng này. Đây cũng là cơ sở để chúng ta có thể hoạch định và định hình lại tầm nhìn một cách toàn diện chiến lược phát triển đất nước trong thời gian tới. Đó là các vấn đề: 1) Đối với công tác quản lý nhà nước, cần tập trung xây dựng và phát triển, triển khai các mô hình thành phố thông minh nhằm tăng hiệu quả quản lý điều hành, tác nghiệp cũng như hiệu quả quản lý nhà nước; 2) Đối với các ngành nghề sản xuất, cần tập trung ứng dụng KHCN trong đổi mới sáng tạo và hoạt động tổ chức, kinh doanh, sản xuất của mình; 3) Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ có hàm lượng tri thức cao vào thực tiễn, thực tế quốc gia; 4) Đối với hoạt động giáo dục, đào tạo, cuộc CMCN 4.0 đặt ra các yêu cầu mới cao hơn đối với người lao động; yêu cầu người lao động phải có đủ kiến thức và kỹ năng để làm

chủ công nghệ mới; 5) Các vấn đề liên quan đến chính sách và ban hành chính sách nhằm tạo điều kiện cho việc ứng dụng và triển khai các kỹ thuật và công nghệ mới cũng ngày càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu sẽ phát triển mạnh mẽ do nhu cầu tìm kiếm phương thức sản xuất mới hiệu quả, bền vững hơn trước những thách thức như biến đổi khí hậu, già hóa dân số hay các vấn đề an ninh khác ngày càng tăng lên. Cuộc cách mạng này sẽ mang tới nhiều cơ hội phát triển và hội nhập, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức với các nước đang phát triển như Việt Nam.

Thứ nhất, tác động đối với chính phủ. Khi thế giới vật lý, thế giới số và thế giới sinh học đang tiếp tục xích lại gần nhau hơn thì công nghệ và thiết bị sẽ ngày càng cho phép người dân tiếp cận gần hơn tới chính phủ để nêu ý kiến, đề cùng phối hợp hoạt động. Đồng thời, các chính phủ cũng sở hữu sức mạnh về công nghệ để tăng cường sự lãnh đạo của mình đối với người dân dựa trên những hệ thống giám sát rộng rãi và khả năng điều khiển hạ tầng số. Tuy nhiên, xét về tổng thể, các chính phủ sẽ ngày càng phải đối mặt với áp lực phải thay đổi cách thức tiếp cận hiện nay của họ đối với sự tham gia của công chúng và quy trình đưa ra quyết định khi vai trò trung tâm của họ trong việc thực thi chính sách suy giảm trước sự xuất hiện của các nguồn cạnh tranh mới, sự phân phối lại và phân bổ quyền lực dưới sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ. Khả năng các cơ quan chính phủ và tổ chức xã hội có thể thích ứng sẽ quyết định sự tồn tại của họ. Nếu

chứng minh được khả năng có thể bắt kịp một thế giới với những thay đổi đột phá, cải thiện cơ cấu để đạt mức minh bạch và hiệu quả để cho phép họ duy trì được lợi thế cạnh tranh của mình, họ sẽ tồn tại. Ngược lại, nếu không thể cải thiện, họ sẽ phải đối mặt với ngày càng nhiều vấn đề. Điều này đặc biệt đúng trong hệ thống điều hành. Trước tốc độ thay đổi nhanh chóng và tác động sâu rộng của cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu, các nhà lập pháp và điều hành đang bị thử thách ở một mức độ chưa từng có tiền lệ và phần lớn trong số đó chưa cho thấy khả năng ứng phó tốt. Để có thể vừa bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và công chúng nói chung lại vừa tiếp tục hỗ trợ cho sáng tạo và phát triển công nghệ, các nhà lập pháp phải không ngừng thích nghi với môi trường mới và biến đổi nhanh chóng, đồng thời phải trau dồi bản thân để thực sự hiểu rõ họ đang điều hành cái gì. Để làm được như vậy, các chính phủ và cơ quan lập pháp cần có sự hợp tác chặt chẽ với các doanh nghiệp và công dân của mình.

Thứ hai, tác động đối với thị trường lao động. Khi tự động hóa thay thế cho người lao động trong toàn bộ nền kinh tế, sự thay thế người lao động bằng máy móc có thể làm trầm trọng thêm sự chênh lệch giữa lợi nhuận so với vốn đầu tư và lợi nhuận so với sức lao động. Mặt khác, quá trình con người được thay thế bằng công nghệ này cũng có thể sẽ dẫn đến sự gia tăng các việc làm an toàn và thu nhập cao hơn. Điều đó cho thấy tri thức, chứ không phải vốn là yếu tố quan trọng của sản xuất. Điều này sẽ làm phát sinh một thị trường việc làm ngày càng tách biệt thành các mảng “kỹ năng thấp/lương thấp” và “kỹ năng cao/lương cao”, do đó sẽ dẫn đến sự gia tăng bức xúc xã hội.

Tự động hóa ban đầu sẽ ảnh hưởng đến công việc văn phòng, bán hàng, dịch vụ khách hàng và các ngành hỗ trợ. Quá trình robot tự động hóa, báo cáo tự động và trợ lý ảo sẽ trở nên phổ biến.

Thứ ba, tác động đối với kinh doanh. Cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu có bốn tác động chính đối với doanh nghiệp: 1) Về kỳ vọng của khách hàng, 2) Về nâng cao chất lượng sản phẩm, 3) Về đổi mới hợp tác, 4) Về các hình thức tổ chức. Cho dù là người tiêu dùng hay doanh nghiệp, thì khách hàng đang ngày càng trở thành trung tâm của nền kinh tế, tất cả đều nhằm làm thế nào cải thiện cách thức phục vụ khách hàng. Hơn nữa, các sản phẩm vật chất và dịch vụ đều có thể được tăng cường với công nghệ số hóa để làm tăng giá trị của chúng. Các công nghệ mới làm cho tài sản bền và linh hoạt hơn. Trong khi đó, trong một thế giới mà khách hàng có thể trải nghiệm nhiều hơn, các dịch vụ dựa trên phân tích dữ liệu người dùng đòi hỏi phải có các hình thức hợp tác mới. Sự xuất hiện của các nền tảng toàn cầu trong một thế giới phẳng và các mô hình kinh doanh mới dẫn tới hình thức tổ chức và văn hóa phát triển của các doanh nghiệp cũng sẽ phải được xem xét lại. Kinh tế chia sẻ và kinh tế tri thức ngày càng có vai trò chủ đạo

Thứ tư, tác động đối với người dân. Cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu sẽ thay đổi không chỉ những gì chúng ta làm mà cả ngay chính con người chúng ta. Đó là sự riêng tư, ý thức về sự sở hữu, phương thức tiêu dùng, thời gian dành cho công việc, giải trí, cách thức phát triển sự nghiệp, trau dồi kỹ năng, gặp gỡ mọi người và củng cố các mối quan hệ... Một trong những thách thức mang tính

cá nhân lớn nhất là sự riêng tư, thông tin về cá nhân sẽ dễ dàng tra cứu và tìm kiếm. Tương tự, các cuộc cách mạng diễn ra trong lĩnh vực công nghệ sinh học và trí thông minh nhân tạo giúp định nghĩa lại con người là gì bằng cách hạ thấp những giới hạn hiện tại về tuổi thọ, sức khỏe, nhận thức và năng lực. Chúng buộc chúng ta phải định hình lại những ranh giới về đạo đức xã hội.

Thứ năm, tác động đối với giáo dục, đào tạo. Cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu đặt ra những yêu cầu mới về kỹ năng của người lao động. Những kỹ năng của người lao động có thể được phân thành 3 nhóm: Các kỹ năng liên quan đến nhận thức; Các kỹ năng về thể chất; Các kỹ năng về xã hội. Các kỹ năng liên quan đến nhận thức bao gồm: Tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tự phê bình (self-reflection); khả năng sáng tạo tri thức, hay chiến lược học tập. Các kỹ năng về thể chất bao gồm: Kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng về cuộc sống, kỹ năng số. Các kỹ năng về xã hội bao gồm: Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ, ứng xử. Trong cuộc cách mạng sản xuất mới, khi tri thức tồn tại khắp nơi, xuất hiện trong mọi mặt của cuộc sống và hoạt động sản xuất, việc áp dụng những kiến thức chúng ta được học trở nên quan trọng hơn rất nhiều so với bản thân những kiến thức đó. Ngoài ra, khi hằng ngày hằng giờ đều có những thay đổi về mặt công nghệ, ảnh hưởng đến đời sống thì khả năng thích ứng và khả năng giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo là những chìa khóa để người lao động thành công trong thời đại mới. Hơn nữa, xu thế hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu cũng yêu cầu người lao động có những kỹ năng mang tính toàn cầu

hơn. Cụ thể, để cạnh tranh trong thời đại mới, người lao động cần sử dụng được nhiều hơn một ngôn ngữ, những kỹ năng xúc cảm cũng cần được phát triển để người lao động có thể làm việc trong môi trường đa quốc gia với các đồng nghiệp đến từ nhiều nơi trên thế giới.

Trước sự tác động mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại, mô hình giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học cũng dần bị thay đổi, trong đó sự liên kết giữa nhà trường - nhà quản lý và doanh nghiệp trở thành tác nhân quan trọng nhất, các chương trình đào tạo sẽ dần chuyển dịch sang mô hình đổi mới và sáng tạo kết hợp với khởi nghiệp, đào tạo gắn với nhu cầu thị trường. Theo đó, giáo dục, đào tạo trong bối cảnh CMCN 4.0 được hỗ trợ thông qua việc thực hành bằng các ứng dụng, đặc biệt là các ứng dụng ảo dựa trên công nghệ thông tin. Việc ứng dụng thực tại ảo hay thực tại tăng cường trong giáo dục, đào tạo đã và đang mang lại hiệu quả cụ thể, người học có thể trực quan hóa các ứng dụng cũng như kiến thức một cách dễ dàng hơn. Người học cũng có thể tiếp cận trực tiếp các môi trường hoạt động thực tế của cơ quan, tổ chức. Các chương trình được xây dựng dạng này cho phép các cơ quan hay tổ chức tự xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp với hoạt động của mình. Ngoài ra, ứng dụng trí thông minh nhân tạo đã và đang ngày càng có vai trò quan trọng trong các bài toán thực tế. Trong kỷ nguyên của kết nối vạn vật (IoT) và trí thông minh nhân tạo, việc đào tạo các vấn đề thuộc lĩnh vực này đang ngày càng trở nên cần thiết hơn lúc nào hết. Phạm vi của kết nối vạn vật và trí thông minh nhân tạo đang ngày càng rộng. Dựa trên các kỹ thuật này, trí thông minh nhân tạo giúp con người kiểm soát vạn vật

dễ dàng và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, việc dạy và học được thực hiện không phân biệt thời gian, không gian và khoảng cách địa lý. Mọi người đều có thể sử dụng các công cụ kỹ thuật để học tập từ xa, học tập thông minh để tự thực hiện việc học tập mọi lúc, mọi nơi. Người học sẽ tự xây dựng các chương trình học phù hợp với nhu cầu và khả năng của mình. Điều này cho phép cả người học và người dạy có thể chủ động đưa ra các tiến trình học tập phù hợp với nhu cầu và khả năng. Vấn đề thi và đánh giá người học được hiện đại hóa theo hướng các kết quả học tập cần tiếp cận với nhu cầu thực tế của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Các mô hình đánh giá không cần thi cuối khóa đã và đang trở nên phổ biến. Các yêu cầu về năng lực của cơ quan, đơn vị đào tạo sẽ là tiêu chí đánh giá người học. Giáo dục, đào tạo trong bối cảnh CMCN 4.0 đánh dấu sự thay đổi lớn kể cả về nền tảng lẫn cách thức thực hiện. Chuyển dần từ đào tạo đại trà sang đào tạo có chủ đích và đào tạo cho từng cá nhân dựa trên cơ sở sáng tạo và giải phóng tiềm lực, năng lực hay động lực của người học.

Thứ sáu, vấn đề an ninh, quốc phòng. Cuộc CMCN 4.0 và tiến trình chuyển đổi số toàn cầu cũng sẽ ảnh hưởng sâu sắc tới vấn đề an ninh quốc gia và quốc tế, tác động tới cả bản chất và khả năng xảy ra xung đột. Các cuộc xung đột hiện nay giữa các quốc gia đang ngày càng “lai tạp” về bản chất, kết hợp các kỹ năng chiến đấu truyền thống với các yếu tố có liên quan trước đó với các đối tượng phi nhà nước. Ranh giới giữa chiến tranh và hòa bình, giữa chiến binh và dân thường, thậm chí là giữa bạo lực và phi bạo lực (chẳng hạn như chiến tranh mạng) đang trở nên ngày càng mong manh. Khi quá trình này

diễn ra và các công nghệ mới như vũ khí tự động và vũ khí sinh học trở nên dễ dàng sử dụng hơn, từng cá nhân và các nhóm nhỏ sẽ sở hữu khả năng gây ra những tổn thương hàng loạt không thua kém các quốc gia. Nguy cơ đó sẽ dẫn tới những nỗi sợ hãi mới. Tuy vậy, những tiến bộ về công nghệ cũng đồng thời tạo ra tiềm năng giúp làm giảm quy mô và tác động của bạo lực bằng cách phát triển các phương thức bảo vệ mới.

Thứ bảy, vấn đề an ninh và an toàn thông tin. Bước vào thế kỷ XXI, khái niệm xã hội thông tin dưới tác động của công nghệ số được xem xét như là một ánh xạ của xã hội thực trên thế giới ảo. Qua đó, về mặt bản chất, Internet đã tạo nên một xã hội trên thế giới ảo, ở đó con người có thể tương tác, giao tiếp, chia sẻ thông tin hàng ngày với nhau. Giống như xã hội thực, xã hội trên thế giới ảo cũng có những mặt đối lập, có mặt tích cực và có mặt tiêu cực. Tuy nhiên, các chính phủ trên thế giới đã quen thuộc với việc tổ chức, quản lý nhà nước trong thế giới thực đang gặp phải các khó khăn, thách thức đối với việc quản lý thông tin và xã hội ảo trên Internet. Một trong các vấn đề quan trọng của an ninh, an toàn thông tin trên không gian mạng là chủ quyền, đảm bảo an ninh quốc gia trên không gian mạng đang là các vấn đề cấp thiết hiện nay. Trong đó, không gian mạng (cyberspaces) là một không gian ảo, nơi các máy tính có thể trao đổi thông tin với nhau. Một cách hiểu khác, không gian mạng là một mạng lưới toàn cầu của các hạ tầng công nghệ thông tin phụ thuộc lẫn nhau dựa trên các kỹ thuật và công nghệ kết nối, trên đó các máy tính có thể chia sẻ, trao đổi thông tin với nhau. Chủ quyền không gian mạng là các thuộc

tính chính trị - pháp lý không thể tách rời của quốc gia với không gian mạng. Chủ quyền này bao gồm quyền tối cao của quốc gia trong phạm vi lãnh thổ của mình (lãnh thổ ảo) và quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ quốc tế.

Đối với bất cứ quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới có chủ quyền đều xác lập dựa trên các yếu tố: lãnh thổ, công dân, tài nguyên và luật pháp. Trong đó, lãnh thổ là các vấn đề liên quan đến đất đai, biên giới, biển và hải đảo (nếu có). Quyền liên quan đến lãnh thổ tập trung vào quyền toàn vẹn lãnh thổ đối với quốc gia đó. Bên cạnh đó, công dân đóng một vai trò quan trọng, công dân hoạt động trong một quốc gia hay vùng lãnh thổ đều được định danh và có các quyền liên quan đến thân nhân hay sở hữu. Bên cạnh đó, các tài nguyên thuộc về quốc gia cũng cần được bảo vệ. Hơn tất cả, các cơ chế, quy định luật pháp của mỗi quốc gia cũng được khẳng định. Đối với không gian mạng, chủ quyền trước tiên được xác lập thông qua các quy định và thông lệ quốc tế, ở đó là các quy định của các hiệp ước về thông tin và chủ quyền trên Internet như WSIS - 03/GENEVA/DOC/4-C đã chỉ rõ “Quyền quyết sách với những vấn đề chính sách công cộng liên quan tới mạng Internet là chủ quyền của các nước. Đối với vấn đề chính sách công cộng quốc tế liên quan tới Internet, các nước có quyền lợi đồng thời phải có trách nhiệm”. Có thể thấy rằng, quyền quyết sách đối với nhà nước Việt Nam trong các vấn đề liên quan đến Internet và thông tin trên Internet là tất yếu. Các vấn đề của chủ quyền thông tin và không gian ảo có thể được xác lập bởi các yếu tố: Các hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng, vật chất, trang thiết bị; chủ thể

các hoạt động trên mạng; dữ liệu, thông tin; quy tắc - quy định xử lý và truyền dữ liệu.

2. Việt Nam chủ động tham gia chuyển đổi số và thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới với việc hoàn tất nhiều hiệp định thương mại tự do quy mô lớn như TPP, FTA với EU, Liên minh kinh tế Á - Âu..., việc tiếp cận thành tựu cách mạng sản xuất mới sẽ tạo ra công cụ đắc lực giúp Việt Nam tham gia hiệu quả chuỗi giá trị toàn cầu và đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH đất nước. Những cải cách công nghệ mang tính đột phá có thể dẫn đến những điều kỳ diệu trong sản xuất và năng suất.

Sớm nhận diện được thời cơ và thách thức do cuộc cách mạng lần thứ tư đem lại, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019 “Về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”⁽¹⁾. Nghị quyết đánh giá tổng quát vai trò của cuộc CMCN lần thứ tư và nêu rõ 4 quan điểm chỉ đạo: *Một là*, chủ động, tích cực tham gia cuộc CMCN lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc CMCN lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội. *Hai là*, cuộc CMCN 4.0

mang lại cả cơ hội và thách thức. Phải nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội thông qua nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu tiên tiến của cuộc CMCN 4.0 cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới. Chủ động phòng ngừa, ứng phó để hạn chế các tác động tiêu cực, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn, công bằng xã hội và tính bền vững của quá trình phát triển đất nước. *Ba là*, cuộc CMCN 4.0 yêu cầu phải đổi mới tư duy về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, xây dựng, hoàn thiện thể chế cho phù hợp. Cần có cách tiếp cận mở, sáng tạo, cho thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, tạo mọi thuận lợi cho đổi mới sáng tạo. Tránh mọi biểu hiện bàng quan, thiếu tự tin, thụ động, nhưng không chủ quan, nóng vội, duy ý chí. *Bốn là*, phát huy tối đa các nguồn lực, bảo đảm đủ nguồn lực cho việc chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0, xác định nguồn lực bên trong là quyết định, chiến lược, cơ bản lâu dài; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của toàn xã hội.

Từ quan điểm trên, Nghị quyết xác định:

- Mục tiêu tổng quát: Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hóa đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh

tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Mục tiêu cụ thể, đến năm 2025 chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc 3 nước dẫn đầu ASEAN. Xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Kinh tế số chiếm khoảng 20% GDP; năng suất lao động tăng bình quân trên 7%/năm. Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN trong xếp hạng chính phủ điện tử theo đánh giá của Liên hợp quốc. Có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung. Đến năm 2030, chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Mạng di động 5G phủ sóng toàn quốc; mọi người dân được truy cập Internet băng thông rộng với chi phí thấp. Kinh tế số chiếm trên 30% GDP; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 7,5%/năm. Hoàn thành xây dựng Chính phủ số. Hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong

tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh.

Nghị quyết đề ra 8 nhóm chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0: 1) Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. 2) Hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0 và quá trình chuyển đổi số quốc gia. 3) Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu. 4) Chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. 5) Chính sách phát triển nguồn nhân lực. 6) Chính sách phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên. 7) Chính sách hội nhập quốc tế. 8) Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách cụ thể, gồm các nghị quyết, chương trình, kế hoạch: Nghị quyết số 50/NQ-CP, ngày 17-4-2020 “Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Nghị quyết đề ra các nhiệm vụ cụ thể, trong đó có 25 đề án, nhiệm vụ và yêu cầu các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh thành phố tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ được giao tại nghị quyết này⁽²⁾.

Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 3-6-2020, “Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến

năm 2030”, xác định Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Trong chuyển đổi số, người dân là trung tâm, thể chế và công nghệ là động lực, phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá⁽³⁾.

Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15-6-2021 “Phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030”, xác định phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025. Đến năm 2030, Việt Nam có chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số ở mức độ cao trên thế giới, thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu theo xếp hạng của Liên hợp quốc⁽⁴⁾.

Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31-3-2022 “Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, xác định mục tiêu, về kinh tế số, đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP; năm 2030 tăng lên 30% GDP. Về xã hội số đến năm 2025, 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh (năm 2030 là 95%); 80% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng (năm 2030 là 95%); 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân (năm 2030 là 70%); ...⁽⁵⁾

Những chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước nêu trên là điều kiện, cơ sở, nền tảng để Việt Nam đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và thực hiện cuộc CMCN lần thứ tư. Trong bối cảnh cuộc

CMCN lần thứ tư diễn ra vô cùng mạnh mẽ, tác động to lớn đến sự phát triển toàn cầu, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã sớm nhận thức được vai trò của cuộc cách mạng này và kịp thời đề ra chủ trương, chính sách phù hợp với xu thế phát triển của các quốc gia trên thế giới và đặc điểm của Việt Nam nhằm đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số và quá trình CNH, HĐH, đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh và tiến vững chắc theo định hướng XHCN□

(1): Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-2792019-cua-bo-chinh-tri-ve-mot-so-chu-truong-chinh-sach-chu-dong-tham-gia-cuoc-cach-mang-cong-5715>

(2): Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/ngghi-quyet-cua-chinh-phu/ngghi-quyet-so-50nq-cp-ngay-1742020-cua-chinh-phu-ban-hanh-chuong-trinh-hanh-dong-cua-chinh-phu-thuc-hien-ngghi-quyet-so-52-nqtw-ngay-6361>

(3): Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/quyet-dinh-so-749qd-ttg-ngay-0362020-cua-thu-tuong-chinh-phu-phe-duyet-chuong-trinh-chuyen-doi-so-quoc-gia-den-nam-2025-dinh-huong-6476>

(4): Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/quyet-dinh-so-942qd-ttg-ngay-1562021-cua-thu-tuong-chinh-phu-phe-duyet-chien-luoc-phat-trien-chinh-phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-7529>

(5): Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/quyet-dinh-so-411qd-ttg-ngay-3132022-cua-thu-tuong-chinh-phu-phe-duyet-chien-luoc-quoc-gia-phat-trien-kinh-te-so-va-xa-hoi-8442>.

Nguồn: Tạp chí Lịch sử Đảng.- 2023.- Số 2.- Tr.61-68.

CHÍNH SÁCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA SINGAPORE VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

TS TRƯƠNG THỊ THU TRANG
Viện Thông tin Khoa học xã hội,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Email: truongthutrangissi@yahoo.com

Tóm tắt: Khi công nghệ số ngày càng góp phần lớn hơn trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội thì việc xây dựng các chương trình, chính sách chuyển đổi số đã trở thành xu hướng chính sách của nhiều quốc gia hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số. Singapore là một trong những nước ở khu vực châu Á thực hiện chuyển đổi số khá sớm, từ những năm 1990 và đã đạt được những thành công đáng kể nhờ các chính sách chuyển đổi số toàn diện với những giải pháp cụ thể rất thực dụng. Bài viết đề cập đến khái niệm chính sách chuyển đổi số; những chính sách chuyển đổi số của Singapore và rút ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số, Chính sách chuyển đổi số, Singapore, Việt Nam

Abstract: As digital technology increasingly helps to promote the development of the digital economy and digital society, changing the mode of State management, production and business models, as well as consumption and cultural and

social life, the construction of digital transformation programs and policies has become a policy trend in many countries in an attempt to achieve sustainable development goals in the digital era. Singapore is among Asian countries that implemented digital transformation quite early in the 1990s and has achieved remarkable success thanks to comprehensive digital transformation policies with specific and practical solutions. The article examines the concept of digital transformation policy and Singapore's digital transformation policies, thereby providing some policy suggestions for Vietnam.

Keyword: *Digital Transformation, Digital Transformation Policy, Singapore, Vietnam*

1. Mở đầu

Cùng với Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, “chuyển đổi số” đang là từ khóa được nhắc đến ngày càng nhiều hơn trong giới hoạch định chính sách, cộng đồng các nhà khoa học và doanh nghiệp. Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019, trong đó Chính phủ giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và trình phê duyệt Đề án Chuyển đổi số quốc gia trong năm 2019, song phải đến ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong khi đó, Singapore đã có những chính sách chuyển đổi số từ những năm 1990, đi trước

Việt Nam hai thập kỷ. Như vậy, là một nước đi sau, Việt Nam có nhiều cơ hội học tập kinh nghiệm của các quốc gia đi trước, đặc biệt là Singapore - nước cùng khu vực châu Á.

2. Khái niệm chính sách chuyển đổi số

Thuật ngữ “chuyển đổi số” hiện chưa được hiểu theo một nghĩa chung, thống nhất do quá trình áp dụng chuyển đổi số có sự khác biệt ở từng lĩnh vực khác nhau. Theo Bowersox và cộng sự (2005), chuyển đổi số là quá trình tái tạo lại một doanh nghiệp để số hóa các hoạt động và hình thành các mối quan hệ chuỗi cung ứng mở rộng. Weterman và cộng sự (2011) cho rằng, chuyển đổi số là việc sử dụng công nghệ để cải thiện triệt để hiệu suất hoặc phạm vi tiếp cận của doanh nghiệp. Unruth và Kiron (2017) quan niệm, chuyển đổi số là quá trình sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tái cấu trúc nền kinh tế, thể chế và xã hội ở cấp độ hệ thống.

Như vậy, có thể hiểu một cách khái quát, *chuyển đổi số là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau*. Chuyển đổi số có thể dễ bị nhầm lẫn với khái niệm “số hóa”. Để phân biệt hai khái niệm này, có thể hiểu “số hóa” là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số...); trong khi đó, “chuyển đổi số” là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó

và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem số hóa như một phần của quá trình chuyển đổi số.

Về thuật ngữ “chính sách”, James Anderson (2003) cho rằng, chính sách là chuỗi những hoạt động mà chính quyền chọn làm hay không làm với tính toán và chủ đích rõ ràng, có tác động đến người dân. Theo *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2007), chính sách là những chuẩn tắc cụ thể để thực hiện đường lối, nhiệm vụ; được thực hiện trong một thời gian nhất định, trên những lĩnh vực cụ thể nào đó. Theo Vũ Cao Đàm (2011), chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hóa của một chủ thể quản lý tác động vào đối tượng quản lý nhằm thúc đẩy đối tượng quản lý thực hiện mục tiêu mà chủ thể quản lý vạch ra trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội. Theo Thomas R. Dye (2007), “Chính sách công là cái mà Chính phủ lựa chọn làm hay không làm”. Chính sách chuyển đổi số được tiếp cận dưới góc độ chính sách công nên có thể hiểu, *chính sách chuyển đổi số là tổng thể các quan điểm, giải pháp và công cụ mà chủ thể quản lý (nhà nước) sử dụng để khai thác, sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống kinh tế - xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau.*

3. Chính sách chuyển đổi số của Singapore

Kể từ những năm 1990 đến nay, Singapore đã thực hiện rất nhiều chính sách chuyển đổi số cho các lĩnh vực, vấn đề khác nhau. Có thể nêu những nhóm chính sách chuyển đổi số tiêu biểu mà Singapore đã thực hiện như sau:

Thứ nhất là chính sách chuyển đổi số nền kinh tế.

Phong trào kỹ thuật số ở Singapore được phát động cùng với Chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân nhằm thúc đẩy nỗ lực số hóa tạo điều kiện tăng trưởng kinh tế, liên tục tự đổi mới trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Mục tiêu của Singapore là trở thành một đất nước dẫn đầu về nền kinh tế số và liên tục đổi mới chính mình.

Tháng 11/2014, Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long khởi động sáng kiến xây dựng “Quốc gia thông minh”, dự kiến thực hiện trong 10 năm, với ba trụ cột chính là kinh tế số, chính phủ số và xã hội số, trong đó Singapore cam kết dẫn đầu về quốc gia số, dành 1 % GDP cho nghiên cứu phát triển công nghệ mới (Dẫn theo: Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh, 2021a).

Singapore thực hiện chuyển đổi số từ các lĩnh vực kinh tế hiện có; thúc đẩy hệ sinh thái mới được hỗ trợ bởi công nghệ kỹ thuật số; phát triển ngành kỹ thuật số thế hệ mới trong các lĩnh vực như an ninh mạng (được Cơ quan phát triển truyền thông Infocomm triển khai). Năm 2021, Singapore lập 23 bản đồ chuyển đổi số chỉ đường cho 23 ngành gồm cả lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, bao phủ hầu hết các ngành chính, chiếm 80% GDP quốc gia. Các bản đồ này gồm kế hoạch tăng trưởng và gia tăng năng lực cạnh tranh với sự hỗ trợ của bốn trụ cột là năng suất lao động, việc làm và kỹ năng, đổi mới sáng tạo, thương mại và quốc tế hóa. Cụ thể hơn, bản đồ vạch ra các chiến lược và ưu tiên chính, giải đáp các vấn đề như: Làm thế nào để tăng năng suất lao động? Đây là những kỹ năng thiết yếu trong tương lai?

Làm thế nào để doanh nghiệp gia tăng xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ? (Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh, 2021a).

Singapore còn xây dựng các nền tảng số để tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ cho doanh nghiệp, để doanh nghiệp tiếp cận thông tin về đất đai, quy hoạch một cách công khai, chi tiết và hoàn toàn miễn phí.

Đại dịch Covid-19 đã được Singapore tận dụng để tăng tốc chuyển đổi số nhằm một mặt kiểm soát, giảm thiểu hậu quả của đại dịch, mặt khác hướng tới nhanh chóng cán đích trở thành quốc gia thông minh đầu tiên trên thế giới. Singapore đã dành hơn 500 triệu Đôla Singapore để hỗ trợ các doanh nghiệp và người dân đẩy nhanh chuyển đổi số nhằm giảm thiểu tác động cuộc khủng hoảng này. Kết quả là, theo báo cáo của Microsoft, có tới 73% doanh nghiệp cả quy mô vừa và lớn đã đẩy nhanh tốc độ số hóa theo nhiều cách khác nhau để ứng phó với đại dịch Covid-19, từ việc đưa ra các sản phẩm kỹ thuật số, thanh toán kỹ thuật số đến thương mại điện tử và tự động hóa (Dẫn theo: Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh, 2021a).

Thứ hai là chính sách chuyển đổi số cơ quan nhà nước.

Chính phủ Singapore nỗ lực xây dựng các cơ quan công quyền lấy tính kỹ thuật số làm cốt lõi, dẫn đầu toàn cầu về việc cung cấp, chuyển đổi và đổi mới các dịch vụ. Chiến lược và kết quả của sự chuyển đổi này là Kế hoạch chi tiết về Chính phủ số của Nhóm Quốc gia thông minh và Chính phủ số.

Singapore đã xây dựng kế hoạch chi tiết về Chính phủ số nhằm mục đích tạo ra dịch vụ công phục vụ và tương tác với người dân nhanh hơn, hiệu quả hơn thay vì bị ràng buộc bởi nhiều thủ tục, quy

trình khác nhau. Singapore hướng tới một chính phủ có thể tận dụng dữ liệu, công nghệ điện toán đám mây và kiến trúc dịch vụ bằng cách xây dựng hệ thống nền tảng ứng dụng Tech Stack của Chính phủ nước này. Đây là một tập hợp những phần mềm và công nghệ phối hợp chung với nhau, tạo thành một nền tảng để ứng dụng có thể hoạt động được.

Tháng 5/2017, Singapore thành lập văn phòng Chương trình quốc gia thông minh để điều phối các hoạt động của các cơ quan chính phủ, hướng đến mục tiêu tham vọng là trở thành quốc gia thông minh đầu tiên trên thế giới (Lê Thị Thùy Trang, 2020).

Thứ ba là chính sách chuyển đổi số xã hội.

Trong Dự án “Quốc gia thông minh”, người dân Singapore được trao quyền tối đa hóa các cơ hội và tận dụng các tiện ích của xã hội số để có một cuộc sống ý nghĩa. Chính phủ Singapore sẽ hỗ trợ bằng cách tạo ra các dịch vụ dễ tiếp cận hơn, nâng cao khả năng hiểu biết về kỹ thuật số của người dân, khuyến khích người dân tham gia vào các chương trình cộng đồng và sử dụng nền tảng số trong hoạt động hằng ngày. Nhà nước đã ban hành chính sách để người dân Singapore tham gia vào hầu hết các khâu làm nên sản phẩm và dịch vụ số với quy trình 5 bước chặt chẽ: Khảo sát và lấy ý kiến người dân; thử nghiệm từ việc sử dụng của người dân; đánh giá khiếm khuyết; thiết kế lại và hoàn thiện việc số hóa dịch vụ. Điển hình như ứng dụng “Cuộc sống Singapore” (LifeSG) đã nhận được sự quan tâm và tham gia nhiệt tình của đông đảo người dân. Dịch vụ số này tích hợp hơn 40 dịch vụ tiện ích như đăng ký giấy khai sinh, trợ cấp trẻ em, tìm trường học tối ưu, thông tin về các chương trình, các ưu tiên dành cho người cao tuổi, về việc làm, các khóa học phát triển kỹ năng, cập nhật các

chương trình phúc lợi mới nhất của Chính phủ... Không dừng ở đó, nhằm gia tăng sự sẵn sàng tiếp nhận sản phẩm và dịch vụ số cho toàn dân, không để ai bị bỏ lại phía sau, Singapore đã triển khai chương trình “Tiến tới số hóa” giúp người cao tuổi biết sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số với mục tiêu đem đến một cuộc sống đầy đủ thông tin, tiện ích và hài lòng. Chính phủ thậm chí còn triển khai chương trình “một kèm một” để trang bị cho người cao tuổi kỹ năng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ số (Lê Thị Thùy Trang, 2020).

Thứ tư là chính sách chuyển đổi số một số ngành trọng điểm.

Singapore phát triển ngành công nghệ thông tin - truyền thông làm động lực nền tảng cho phát triển nền kinh tế số. Công nghệ thông tin - truyền thông bao gồm mười hai phân ngành sản xuất hoặc thúc đẩy sự phát triển hàng hóa và dịch vụ số (bao gồm: phần cứng, viễn thông, dịch vụ công nghệ thông tin, phần mềm, trò chơi, dịch vụ trực tuyến, in ấn, bưu điện và chuyển phát nhanh, xuất bản, phát thanh truyền hình, phim ảnh và video, âm nhạc), qua đó đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện áp dụng số hóa giữa các hộ gia đình và các doanh nghiệp tại Singapore. Ví dụ, các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ truy cập Internet, trong khi phân ngành dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ các doanh nghiệp với các dịch vụ lập trình máy tính. Sự gia tăng nhu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ kỹ thuật số giữa các cá nhân và các doanh nghiệp đã thúc đẩy sự tăng trưởng của ngành công nghệ thông tin - truyền thông trong những năm gần đây. Từ năm 2011-2015, giá trị gia tăng danh nghĩa của ngành công nghệ thông tin - truyền thông tăng trưởng với tốc độ trung bình 7,2% hằng năm, nhanh hơn so với

tốc độ tăng trưởng bình quân 4,2% của toàn nền kinh tế. Tốc độ tăng việc làm trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông trong cùng giai đoạn đạt 2,5% mỗi năm, tuy có chậm hơn mức tăng trưởng việc làm chung của nền kinh tế (3,2%/năm) (Dẫn theo: Paul Budde, 2017). Theo đó, năng suất của ngành công nghệ thông tin - truyền thông tính bằng giá trị gia tăng trên một công nhân tăng tới hơn 4,6%/ năm, cao hơn nhiều so với mức tăng năng suất chung của nền kinh tế (0,6%/năm) trong giai đoạn 2011-2015 (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, 2018).

Thứ năm là chính sách phát triển lực lượng lao động số.

Singapore phát động một loạt chương trình quy mô lớn để bứt lỏ hồng kỹ năng và nâng cao năng lực số cho số đông dân chúng. Điển hình là Cuộc vận động kỹ năng tương lai cho người dân được triển khai từ năm 2014 nhằm tạo nền tảng cho một nền kinh tế tiên tiến với kỹ năng cao, năng suất và đổi mới sáng tạo, đồng thời, về xã hội, giúp xây dựng và trang bị cho toàn dân (cả già và trẻ, thuộc mọi thành phần) tâm thế, thái độ và kỹ năng làm việc trong môi trường số, tạo cơ hội cho các cá nhân (bất kể xuất phát điểm) phát huy hết tiềm năng, sở trường của mình (Dẫn theo: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, 2018).

Singapore đặc biệt chú trọng phát triển nhân lực ngành công nghệ thông tin - truyền thông với việc tập trung vào: đào tạo liên tục và chú trọng đào tạo các kỹ năng mới cho nhân lực ngành này; tăng cường đào tạo lãnh đạo chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; nâng cao và trau dồi kỹ năng cho nhân lực hiện có để thích ứng với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ; gia tăng hỗ trợ những

người mất việc và những người có nguy cơ cao mất việc.

Singapore cũng có nhiều chính sách trải thảm đỏ để thu hút nhân tài, đặc biệt là nhân tài công nghệ cao tầm cỡ làm đòn bẩy đưa đất nước tiến lên những chuẩn mực cao hơn trong công nghệ số, đẩy nhanh tiến trình trở thành trung tâm công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của khu vực và thế giới. Chẳng hạn, năm 2021, Singapore đưa ra loại Visa thời hạn 2 năm thuộc Chương trình Tech. Pass nhằm thu hút 500 nhân tài công nghệ từ khắp nơi trên thế giới (Dẫn theo: Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh, 2021b). Những người được cấp Visa này có thể làm quản lý, điều hành, khởi nghiệp hoặc tư vấn cho các doanh nghiệp Singapore mà không cần xin giấy phép lao động. Chương trình này chỉ dành cho doanh nhân, chuyên gia công nghệ tầm cỡ quốc tế mang vốn, mạng lưới, kiến thức đến nước này và qua đó thúc đẩy Singapore trở thành trung tâm công nghệ cao và đổi mới sáng tạo của khu vực và thế giới.

Ngoài ra, để khích lệ các cá nhân học tập suốt đời để có kỹ năng phù hợp với yêu cầu của công việc, Chính phủ Singapore cấp cho người dân từ 25 tuổi trở lên (tính đến ngày 31/12/2020) một thẻ tín dụng kỹ năng tương lai giá trị 50 Đô la Singapore, khoảng 20.000 khóa học của cổng MySkillsFuture thuộc phạm vi lựa chọn. Thẻ có hiệu lực từ ngày 01/10/2020 và hết hạn vào ngày 31/12/2025 (Dẫn theo: Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh, 2021b). Tương tự, Chính phủ Singapore cũng hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp để thực hiện việc đào tạo liên tục nhằm trang bị cho người lao động có kỹ năng phù hợp với yêu cầu công việc.

Thứ sáu là chính sách phát triển hạ tầng số.

Singapore đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng số hóa, qua đó thúc đẩy tăng cường năng lực và mở rộng ứng dụng số hóa trong các hộ gia đình và doanh nghiệp. Tiêu biểu có thể kể đến là sự phát triển của hệ thống cáp quang và mạng 4G, nhờ đó tăng đáng kể tốc độ truyền tải thông tin. Nhờ mạng cáp quang mà tốc độ kết nối Internet trung bình của Singapore đã tăng từ 5,4 megabit mỗi giây (Mbps) năm 2012 lên 20 Mbps năm 2016, tương đương với Nhật Bản và Phần Lan. Tương tự, Singapore cũng nằm trong nhóm các quốc gia có tốc độ kết nối 4G nhanh nhất thế giới, một phần nhờ liên tục đầu tư cải thiện hạ tầng mạng. Tốc độ Internet nhanh hơn thúc đẩy các hộ gia đình Singapore chuyển dần nhiều hoạt động của mình vào không gian kỹ thuật số. Theo khảo sát thường niên của Cơ quan Phát triển Thông tin - Truyền thông Singapore, từ năm 2010 - 2015 số lượng người tham gia vào các hoạt động Internet như mua sắm trực tuyến và các giao dịch tài chính trực tuyến tăng lên đáng kể (MTI, 2017). Ở khu vực doanh nghiệp, các khoản đầu tư vào các tài sản số nhằm tăng cường năng lực số của các doanh nghiệp cũng ngày càng nhiều.

4. Một số gợi ý chính sách cho Việt Nam

Thứ nhất, Chính phủ Việt Nam cần thực hiện chính sách phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Thứ hai, Chính phủ Việt Nam cần thực hiện chính sách thúc đẩy chuyển đổi số xã hội. Cần có đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành các quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; phát triển các trung tâm giải đáp thắc mắc và hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

Thứ ba, Chính phủ Việt Nam cần đẩy mạnh thực hiện chính sách chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ điện tử, hướng đến Chính phủ số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí; cải thiện chỉ số xếp hạng quốc gia về Chính phủ điện tử.

Thứ tư, Chính phủ Việt Nam cần xác định một số ngành, lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số trước như: công nghệ thông tin và truyền thông, y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, năng lượng, giao thông vận tải, công nghiệp và nông nghiệp, trong đó, chú trọng tới việc triển khai các sáng kiến nhằm liên kết giữa các ngành, lĩnh vực để cung cấp một trải nghiệm mới, hoàn toàn khác, mang lại giá trị cho người dân, doanh nghiệp và xã hội.

Thứ năm, Việt Nam cần có nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực số là các chuyên gia, kỹ sư công nghệ số và các công dân số. Xác lập cơ chế pháp lý, cơ chế làm việc linh hoạt để thu hút các chuyên gia công nghệ số của thế giới (đặc biệt là các chuyên gia người Việt đang làm việc ở nước ngoài) làm việc tại Việt Nam theo các hợp đồng công vụ, dự án về chuyển đổi số quốc gia. Nghiên cứu, triển khai đào tạo về công nghệ số phổ thông trong các chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

Thứ sáu, Chính phủ Việt Nam cần thực hiện chính sách phát triển hạ tầng số trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng Truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt bốn cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật; Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương; Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

5. Kết luận

Singapore vẫn đang trên hành trình chuyển đổi số với không ít thách thức ở phía trước, nhưng những kết quả đã đạt được cho thấy quốc gia này đang dần hiện thực hóa tham vọng trở thành quốc gia

thông minh đầu tiên trên thế giới với những nhân tố đặc sắc. Singapore xứng đáng là một hình mẫu điển hình về chuyển đổi số để Việt Nam học tập và thực hiện những bước đi cơ bản để chuyển đổi số quốc gia, xây dựng “Quốc gia thông minh”. Việc xây dựng “Quốc gia thông minh” giờ đây không chỉ còn là nhiệm vụ của các cơ quan công quyền mà còn là nỗ lực của cả một quốc gia, từ đó xây dựng đất nước thịnh vượng trong thời đại 4.0□

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, J. (2003), *Public policy analysis - An introduce*, Prentice Hall.
2. Bovversox, D.J., Closs, D.J., Drayer, R.W. (2005), “The digital transformation: Technology and beyond”, *Supply Chain Management Review*, 9 (1), p. 22-29.
3. Bukht, R. & Heeks, R. (2018), “Digital economy policy in developing countries”, DIODE Network Paper No.6, Centre for Development Informatics, University of Manchester, UK.
4. Dye, Thomas R. (2007), *Understanding public policy* (12th Edition), Prentice Hall.
5. Vũ Cao Đàm (2011), *Giáo trình khoa học chính sách*, Nxb. Đại học quốc gia, Hà Nội.
6. Bùi Ngọc Hiền (2021), *Kinh nghiệm của một số quốc gia trong chuyển đổi số và hàm ý chính sách cho Việt Nam*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/04/20/kinh-nghiem-cua-mot-so-quoc-gia-trong-chuyen-doi-so-va-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam/>, truy cập ngày 06/2/2022.
7. Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh (2021a), “Hành trình Singapore chuyển đổi số”, *Vietnamnet* ngày 10/4/2021, <https://vietnamnet.vn/vn/tuan-vietnam/tieudiem/hanh-trinh-singapore-chuyen-doi-so-xay-dung-quoc-gia-thong-minh-726538.html>, truy cập ngày 21/02/2022.
8. Phạm Mạnh Hùng và Bùi Khắc Linh (2021b), “Cách Singapore bứt lố hồng kỹ năng cho số đông nhân lực”, *Vietnamnet* ngày 12/4/2021,

<https://vietnamnet.vn/vn/tuanvietnam/tieudiem/cach-singapore-bit-lo-hong-ky-nang-cho-so-dong-nhan-luc-726945.html>, truy cập ngày 21/02/2022.

9. MTI (2017), *The digital economy in Singapore*, Ministry of Trade and Industry, Singapore, https://www.mti.gov.sg/ResearchRoom/SiteAssets/Pages/Economic-Surveyof-Singapore-Third-Quarter-2017/BA_3Q17.pdf, truy cập ngày 21/02/2022.

10. Paul Budde (2017), *Singapore - Fixed broadband market, digital economy and digital media - Statistics and analyses*, Paul Budde Communication Pty Ltd.

11. Peter Lovelock (2018), *Framing policies for the digital economy towards policy frameworks in the Asia-Pacific*, <https://sea-vet.net/resources/publications/565-framing-policies-for-the-digital-economy-towards-policy-frameworks-in-the-asia-pacific>, truy cập ngày 06/02/2022.

12. Lê Thị Thùy Trang (2020), *Các trụ cột chính trong chiến dịch chuyển đổi số ở Singapore*, <https://aita.gov.vn/cac-tru-cot-chinh-trong-chien-dich-chuyen-doi-so-o-singapore>, truy cập ngày 21/02/2022.

13. *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2007), Tái bản lần thứ nhất, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

14. Unruth, G., Kiron, D. (2017), “Digital transformation on purpose”, *MIT Sloan Management Review*, 6th November 2017, <https://sloanreview.mit.edu/article/digital-transformation-on-purpose/>, truy cập ngày 06/02/2022.

15. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2018), *Phát triển nền kinh tế số nhìn từ kinh nghiệm một số nước châu Á và hàm ý đối với Việt Nam*, <http://ciem.org.vn/Content/files/2018/vnep2018/converted.pdf>, truy cập ngày 6/2/2022.

16. Westerman, G., Calmédjane, C., Bonnet, D., Perraris, P., McAfee, A. (2011), *Digital transformation: A roadmap for billion dollar organizations*, MIT Center for Digital Business and Capgemini Consulting, p.1-68.

Nguồn: Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội.- 2022.- Số 4.- Tr. 30-36, 60

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM

TS BÙI NGỌC HIỀN
Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

Chuyển đổi số (CĐS) là nội dung cơ bản của cách mạng công nghiệp 4.0, là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi phương thức phát triển, cách sống, cách làm việc của con người với mục tiêu tăng hiệu quả quản lý; nâng cao năng suất lao động; sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Việc xây dựng Chương trình CĐS ở cấp độ quốc gia đang trở thành xu hướng chính sách hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

1. Chuyển đổi số tại một số quốc gia

a. E-xtô-ni-a

E-xtô-ni-a là quốc gia nghèo được tách ra từ Liên Xô (cũ) vào năm 1991, E-xtô-ni-a đã quyết tâm xây dựng, phát triển quốc gia theo cách riêng của mình bằng công nghệ thông tin (CNTT). Hiện nay, E-xtô-ni-a là quốc gia đứng đầu thế giới về phát triển chính phủ điện tử (CPĐT), quốc gia số. Đúng như phát biểu của Thủ tướng Mart Laar trong thập niên 90 của thế kỷ XX: “Công nghệ thông tin là tương lai của đất nước”, sau hơn 30 năm thực hiện Chương trình “Cú nhảy của hổ (Tiger Leap)”, CNTT, CNS đã và đang biến quốc gia nhỏ bé này thành cảm hứng cho các quốc gia trong kỷ nguyên số. Quá trình (CĐS) của E-xtô-ni-a đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, như:

(1) *Hoạt động của Chính phủ được số hóa.* Tại đất nước vùng Ban-tích với hơn 1,3 triệu dân, người dân E-xtô-ni-a đang được hưởng một chính phủ kỹ thuật số 99,99% không giấy tờ, không quan liêu, rườm rà. Mọi thông tin cá nhân của người dân E-xtô-ni-a chỉ cần cung cấp một lần, cho một cơ quan được mặc định số hóa. Việc truy cập thông tin cá nhân luôn bảo đảm minh bạch, người dân có thể thực hiện mọi giao dịch với chính quyền, trừ ba dịch vụ công (kết hôn, ly hôn và mua bán bất động sản)⁽¹⁾.

(2) *Bảo mật thông tin cá nhân được bảo đảm gần như tuyệt đối.* E-xtô-ni-a là quốc gia dẫn đầu thế giới về định danh điện tử trên cơ sở ngày càng hoàn thiện hệ thống căn cước công dân điện tử. Thẻ căn cước công dân được bảo đảm an toàn, tăng niềm tin của người dân, DN vào chính quyền số.

(3) *Huy động nguồn lực từ ngoài biên giới.* Với dự án E-Residency (định danh điện tử xuyên quốc gia), bất cứ ai trên thế giới có thể đăng ký cư trú điện tử - công dân số của E-xtô-ni-a. Dự án này được triển khai để thu hút khoảng 10 triệu người trên thế giới, trở thành công dân số của E-xtô-ni-a. Dự án cho phép mọi người trên thế giới có thể điều hành DN trực tuyến dù không sinh sống tại E-xtô-ni-a. Qua đó, E-xtô-ni-a có thể huy động nguồn lực khắp nơi trên thế giới để xây dựng, phát triển đất nước.

Những thành tựu trên xuất phát từ:

Một là, E-xtô-ni-a có tầm nhìn dài hạn và nhất quán trong các hoạt động CDS quốc gia.

Với tầm nhìn đúng đắn, phát triển quốc gia từ CNTT và bằng CNTT, nước này đã có những bước đi trước thời đại, năm 2000 biến

quyền truy cập internet thành quyền con người; năm 2005 bầu cử trực tuyến; số hóa hầu hết các dịch vụ công; không ngừng đổi mới, cải tiến chính phủ số để phục vụ tốt nhất cho người dân...

Hai là, vai trò của người đứng đầu.

Thực tiễn cho thấy, quá trình xây dựng và phát triển quốc gia số tại E-xtô-ni-a đạt được nhiều thành tựu không thể không kể đến vai trò của người đứng đầu. Thủ tướng Mart Laar - người đầu tiên đã đặt ra mục tiêu phát triển cùng với những bước đi hiệu quả dẫn đến thành công như ngày hôm nay. Ngoài ra, đội ngũ lãnh đạo trẻ, giàu tinh thần đổi mới của E-xtô-ni-a là những nhân tố nuôi dưỡng quyết tâm và thúc đẩy quá trình CDS của E-xtô-ni-a đến thành công vượt bậc.

Ba là, chính phủ luôn cầu thị, liên tục đổi mới, lấy người dân làm trung tâm.

Những nỗ lực và quyết tâm của Chính phủ E-xtô-ni-a trong khắc phục sự cố của chính phủ số năm 2017 là minh chứng cho nhận định này. Cùng với đó, các ứng dụng chính phủ số của E-xtô-ni-a không ngừng được phát triển, cải tiến hướng tới mang lại nhiều nhất tiện ích cho người dân, DN.

Bốn là, chú trọng phát triển nguồn nhân lực số.

E-xtô-ni-a chú trọng phát triển nguồn nhân lực số khi đầu tư đào tạo CNS cho thế hệ trẻ. Do đó, trẻ em từ 6 tuổi đã bắt đầu học toán và logic để áp dụng vào ngôn ngữ lập trình Scratch - nền tảng ban đầu để trở thành công dân số.

b. Xinh-ga-po

Xinh-ga-po là quốc gia luôn đi đầu, dẫn dắt và truyền cảm hứng

cho sự phát triển của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Trong lĩnh vực quản trị nhà nước, Xinh-ga-po đã xây dựng được nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả, là tiền đề thúc đẩy kinh tế – xã hội ngày càng phát triển. Trong CDS quốc gia, đây cũng là quốc gia có nhiều thành tựu:

(1) *Là quốc gia thành công trong xây dựng CPĐT.* Xinh-ga-po bắt đầu xây dựng CPĐT từ những năm 80 thế kỷ XX. CPĐT của Xinh-ga-po không ngừng được cải tiến, hoàn thiện. Hiện nay, hệ thống cơ sở dữ liệu chung tích hợp tất cả các dịch vụ công của các bộ, ngành và người dân chỉ cần vào một cổng thông tin duy nhất của Chính phủ để thực hiện tất cả các dịch vụ hành chính⁽²⁾.

(2) *Là quốc gia có hệ thống cơ sở hạ tầng số phát triển.* Xinh-ga-po đã đưa vào sử dụng mạng cáp quang (năm 2010) và mạng di động 4G (năm 2011). Năm 2019, đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá những tác động của 5G để chuẩn bị triển khai trên thực tiễn.

(3) *Xây dựng quốc gia thông minh.* Đây là dự án khởi động từ năm 2014 với mục tiêu phục vụ tối đa cho người dân, DN. Xinh-ga-po đang triển khai các dự án, như: nhận dạng số quốc gia (NDI); cảm biến thông minh quốc gia (SNSP); thanh toán điện tử, di chuyển thông minh; đẩy mạnh giáo dục về trí tuệ nhân tạo (AI); moments of Life để đạt được tham vọng này⁽⁴⁾.

Thành công trong CDS của Xinh-ga-po có thể kể đến từ các nguyên nhân sau:

Một là, tầm nhìn chiến lược với người dân là trung tâm của CDS. Giống như E-xtô-ni-a, Xinh-ga-po luôn có tầm nhìn chiến lược phát triển quốc gia bằng CNTT, bằng dự án xây dựng quốc gia thông

minh. Những chính sách của Xinh-ga-po trong CDS luôn kịp thời thay đổi phù hợp với thực tiễn. Trong bài phát biểu, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Tài chính Xinh-ga-po Heng Swee Keat cho biết: “Chuyển đổi số đã trở thành bước chuyển mình quan trọng trong cuộc khủng hoảng Covid-19 và Xinh-ga-po không thể vận hành theo cách cũ”⁽⁵⁾.

Cùng với đó, mục tiêu phát triển quốc gia trong CDS đều hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm. Lời của Thủ tướng Lý Hiển Long khi chia sẻ về Dự án xây dựng quốc gia thông minh minh chứng cho nhận định này: “Quốc gia thông minh Xinh-ga-po dành cho tất cả mọi người, không ai bị bỏ lại phía sau. Tất cả thành phần xã hội đều có thể hưởng lợi từ các giải pháp công nghệ, dù trẻ hay già”⁽⁶⁾.

Hai là, nguồn lực đầu tư cho CDS luôn được bảo đảm. Quá trình CDS của Xinh-ga-po cho thấy, Chính phủ luôn quan tâm đầu tư cho các dự án liên quan đến phát triển công nghệ, CDS. Mới đây, Xinh-ga-po đã chi 352 triệu USD cho các DN thực hiện thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử và nhiều công cụ số khác trong Covid-19⁽⁷⁾.

Ba là, luôn quan tâm xây dựng nguồn nhân lực số, đồng thời, triển khai các dự án để thu hút người dân, DN tiếp cận với các chương trình, ứng dụng CNTT để khai thác phục vụ cuộc sống cũng như các hoạt động sản xuất - kinh doanh. Thông qua các tổ chức như Skills Future (là một phong trào quốc gia của Xinh-ga-po nhằm phát triển tiềm năng con người, không kể xuất phát điểm của họ) hay SG Innovate (tổ chức các nhà khoa học xây dựng công ty khởi nghiệp Deep tech thuộc sở hữu của Chính phủ Xinh-ga-po), Chính phủ cung cấp cho người dân những khóa học, những sự kiện truyền thông về CNTT, AI, robot, chuỗi khối (blockchain) và các chủ đề công nghệ

chuyên sâu khác...⁽⁸⁾.

c. Thái Lan

So với E-xtô-ni-a và Xinh-ga-po, Thái Lan bắt đầu CDS muộn hơn bằng Kế hoạch phát triển kinh tế và xã hội lần thứ 12 (còn gọi là “Digital Thailand”) được công bố vào tháng 4/2016. Mục tiêu của Kế hoạch là CDS toàn bộ hoạt động của Chính phủ Thái Lan đến các hoạt động hỗ trợ sản xuất - kinh doanh, cảnh báo thảm họa thiên nhiên...

Kế hoạch Digital Thailand đưa ra 6 chiến lược chính: (1) Thiết lập cơ sở hạ tầng truyền thông cơ bản, tạo thuận lợi cho người dân; (2) Số hóa nhiều mặt của đời sống, dự kiến sẽ mang đến cơ hội kinh tế và thương mại lớn hơn cho người dân Thái Lan; (3) Xây dựng CPĐT, trong đó người dân được chuẩn bị để có thể tiếp cận các dịch vụ số; (4) Chuẩn bị nhân lực số ở tất cả các cấp độ của các cơ quan chính phủ; (5) Tối đa hóa năng lực kỹ thuật số của mọi người, thúc đẩy họ tập trung hơn vào CNS và sử dụng nó hiệu quả và phù hợp nhất; (6) Tạo niềm tin trong việc sử dụng CNS và phương tiện truyền thông trực tuyến⁽⁹⁾.

Các chiến lược này được Thái Lan xác định thực hiện trong 5 năm. Đầu tiên, Thái Lan tập trung vào Chiến lược “Xây dựng CPĐT trong đó người dân được chuẩn bị để có thể tiếp cận các dịch vụ số” bằng việc thực hiện Kế hoạch phát triển chính phủ số do Cục CPĐT công bố.

Với quyết tâm chính trị cao và những nỗ lực hành động, Thái Lan sẽ có nhiều tiền đề quan trọng để phát triển trong thời gian tới. Cụ thể là từ nhiều công trình nghiên cứu “Mở khóa tác động kinh tế của CDS ở châu Á - Thái Bình Dương” năm 2018, Microsoft và IDC đã

dự báo: năm 2021 CDS sẽ bổ sung khoảng 9 tỷ USD (2.800 tỷ baht) vào GDP của Thái Lan và tốc độ tăng trưởng tăng là 0,4% hằng năm và có thể tăng “khoảng 40% GDP của Thái Lan là từ các sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật số”⁽¹⁰⁾.

Tuy là một nước thực hiện CDS quốc gia tương đối muộn, nhưng quá trình CDS của Thái Lan đã có nhiều thành tựu ấn tượng, như: (1) Tầm nhìn với những mục tiêu, chiến lược cụ thể được xác lập một cách kiên định, tường minh trong “Digital Thailand”; (2) Vai trò dẫn dắt, điều chỉnh của Chính phủ Thái Lan trong tổ chức thực hiện quá trình CDS; (3) Ưu tiên xây dựng CPĐT, chính phủ số và tập trung nguồn lực ưu tiên đầu tư CDS.

2. Hàm ý chính sách, chương trình chuyển đổi số của Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN lần thứ tư đã xác định các mục tiêu cho từng thời điểm năm 2025, năm 2030 hướng tới tầm nhìn đến năm 2045: “Việt Nam trở thành một trong những trung tâm sản xuất và dịch vụ thông minh, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo thuộc nhóm dẫn đầu khu vực châu Á; có năng suất lao động cao, có đủ năng lực làm chủ và áp dụng công nghệ hiện đại trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh”; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình đã xác định: Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động

sản xuất - kinh doanh của DN, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chương trình CDS quốc gia mở ra một “cuộc cách mạng” trong bối cảnh phát triển mới: dám ứng dụng công nghệ mới, dám thay đổi mô hình quản trị, dám thay đổi mô hình kinh doanh, dám chấp nhận các mô hình mới. Chương trình này là cơ sở để các địa phương, ngành, lĩnh vực xác lập mục tiêu, giải pháp để CDS phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Chương trình CDS của Việt Nam còn được gọi là Chương trình thông minh hóa quốc gia với ba trụ cột chính: *chính phủ số, kinh tế số và xã hội số*. Với Chương trình CDS, Việt Nam hướng tới khơi dậy khát vọng “*xây dựng Việt Nam hùng cường*” thông qua thông điệp “*Make in Vietnam*”.

Hàm ý chính sách của Việt Nam khi thực hiện Chương trình CDS quốc gia:

Thứ nhất, kiên định tâm nhìn, mục tiêu cùng với hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách thúc đẩy CDS quốc gia.

Kiên định và nhất quán trong thực hiện mục tiêu CDS quốc gia để Việt Nam tiến nhanh, không bị bỏ lại phía sau trong lộ trình phát triển. Yêu cầu này đòi hỏi Chính phủ, từ người đứng đầu cho đến từng cán bộ, công chức, viên chức thống nhất, thông suốt, quyết tâm thực hiện các mục tiêu trong Chương trình CDS. Từ đó, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai thực hiện, từng bước xóa “khoảng cách số” giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện Chương trình.

Bên cạnh đó, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống thể chế, chính

sách, trước hết là khung thể chế, chính sách cho CDS quốc gia, tạo hành lang pháp lý trên ba trụ cột chính. Từng bước hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, cơ chế cho từng ngành, từng lĩnh vực, trong đó chú ý những ngành, lĩnh vực chính, đột phá cho phát triển CNS, như: định danh điện tử, dữ liệu số, AI...

Thứ hai, đẩy mạnh quản trị của Chính phủ hướng tới xây dựng chính phủ số.

Để CDS thành công, Chính phủ Việt Nam và các cơ quan hành chính nhà nước phải đi đầu trong CDS và tập trung vào một số giải pháp cơ bản:

(1) Nâng cao năng lực quản trị số của từng cán bộ, công chức, viên chức - những nhân vật trung tâm của chính phủ số. Đây là giải pháp then chốt trong các giải pháp cần thực hiện để thực hiện Chương trình CDS. Trước mắt, Việt Nam cần có Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cả nước để nâng cao nhận thức và năng lực quản trị số phù hợp với lộ trình xây dựng chính phủ số được xác định. Phát huy vai trò và xác định trách nhiệm cụ thể đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong xây dựng chính quyền số.

(2) Phát triển, ứng dụng AI và các giải pháp thông minh vào hoạt động quản trị. Xây dựng chính phủ số không thể tách rời phát triển, ứng dụng AI vào hoạt động quản trị của các cấp chính quyền. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có khả năng sử dụng thành thạo AI trong các hoạt động của mình. Ứng dụng AI để tham vấn chính sách, lắng nghe thấu hiểu người dân khi mỗi người dân trở thành một “cảm biến xã hội”. Sử dụng các giải pháp thông minh, các giải pháp công nghệ bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu số một cách

hiệu quả.

Các cấp chính quyền cần đẩy mạnh cải cách hành chính mạnh mẽ hơn để tiết kiệm thời gian, nguồn lực cho chính quyền, người dân và DN. Cần rà soát từng thủ tục hành chính, cụ thể là để đơn giản hóa, thậm chí bãi bỏ cùng với đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phù hợp với lộ trình xây dựng chính phủ số.

Thứ ba, phát huy vai trò của các DN đổi mới sáng tạo và phát triển AI.

Quan tâm, khuyến khích các DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về CNTT, CNS để biến thông điệp “*Make in Vietnam*” trở thành nguồn lực thực tiễn của CDS quốc gia. Hỗ trợ các DN đổi mới sáng tạo trong phát triển các ứng dụng, giải pháp thông minh phục vụ cho CDS an toàn, thân thiện với người Việt Nam. Phát triển các khu đô thị sáng tạo để phát huy năng lực đổi mới sáng tạo - nguồn lực quan trọng nhất trong kỷ nguyên số phục vụ CDS quốc gia. Bên cạnh đó, quan tâm phát triển AI để thúc đẩy CDS trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thứ tư, huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư CDS.

Huy động và ưu tiên ngân sách nhà nước đầu tư cho CDS quốc gia, đồng thời, xác lập cơ chế huy động các nguồn lực từ các kênh khác nhau. Tăng cường quản lý để sử dụng hiệu quả các nguồn lực, kiểm soát quá trình sử dụng các nguồn lực đầu tư cho CDS quốc gia.

Thứ năm, quan tâm phát triển nguồn nhân lực số.

Để CDS quốc gia thành công, Việt Nam cần phát triển nguồn nhân lực số là các chuyên gia, kỹ sư CNS và các công dân số. Xác lập cơ chế pháp lý, cơ chế làm việc linh hoạt để thu hút các chuyên gia

CNS của thế giới (đặc biệt là các chuyên gia người Việt đang làm việc ở nước ngoài) làm việc tại Việt Nam theo các hợp đồng công vụ, dự án về CDS quốc gia. Nghiên cứu, triển khai đào tạo về CNS phổ thông trong các chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học. Đồng thời, cần nghiên cứu kinh nghiệm thành công của một số quốc gia trong CDS, như: E-xtô-ni-a, Xinh-ga-po và Thái Lan... phù hợp với thực tiễn của Việt Nam□

Chú thích:

- (1) Học tập kinh nghiệm quốc tế xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. <http://mpi.gov.vn>, ngày 20/01/2021
- (3) Xây dựng chính phủ điện tử: Kinh nghiệm từ các nước. <http://hdl.vn>, ngày 02/8/2019
- (4), (6) Các dự án biến Xinh-ga-po thành quốc gia thông minh. <https://vnexpress.net>, ngày 11/9/2018
- (5), (7) Xinh-pa-po chi 352 triệu USD cho doanh nghiệp chuyển đổi số. <https://vnexpress.net>, ngày 12/6/2020
- (8) Kinh nghiệm một số nước ASEAN về phát triển kinh tế số và tham khảo cho Việt Nam”. <http://hdl.vn>, ngày 28/5/2020
- (9), (10) Thái Lan đang chuyển đổi số như thế nào? <https://viettimes.vn>, ngày 02/3/2020

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị (khóa XII) về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
2. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.- 2021.- Số 301.- Tr.107-111.

**ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ**

PGS, TS NGUYỄN VĂN THẠO
Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

Đại hội XIII của Đảng đề cao ý chí, khát vọng phát triển đất nước, để đến năm 2025 đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Trong đó, chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là một trong những biểu hiện cụ thể thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Từ Đại hội Đảng lần thứ III, IV, Đảng ta đã xác định thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học và công nghệ tiên tiến là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây cũng là một nội dung quan trọng hàng đầu trong đường lối đổi mới đất nước của Đảng, Nhà nước ta 35 năm qua.

Từ Đại hội VIII của Đảng đến nay, qua nhiều kỳ Đại hội, Đảng

ta đã đề ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 tạo nền tảng để nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Tính chất, trình độ hiện đại của đất nước ở các giai đoạn luôn được Đảng, Nhà nước ta xem xét, điều chỉnh phù hợp với tính chất, trình độ chung trên thế giới, cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đề ra yêu cầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải gắn với phát triển kinh tế tri thức để tri thức, khoa học công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao là những nguồn lực quan trọng hàng đầu, động lực quan trọng nhất cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Sau 35 năm đổi mới, đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, quy mô, trình độ khoa học công nghệ của nền kinh tế đất nước tăng lên, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp theo chuẩn mực quốc tế; tiềm lực, vị thế ngày nay của đất nước tạo điều kiện để Việt Nam có thể tận dụng, nắm bắt được cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem tới để phát triển nhanh, bền vững.

Trong bối cảnh đó, Đại hội XIII của Đảng đề cao ý chí, khát vọng phát triển đất nước, để đến năm 2025 đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là một trong những biểu hiện cụ thể thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước. Đây chính là mục tiêu, ý nghĩa của việc đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ở nước ta; là lý do để Đại

hội XIII của Đảng vừa qua đặc biệt nhấn mạnh chủ trương chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các văn kiện Đại hội.

Nội dung về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được đề cập đến nhiều lần trong các văn kiện Đại hội XIII. Báo cáo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 xác định “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số”⁽¹⁾. Báo cáo chính trị đề ra 12 định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030. Trong đó, định hướng thứ hai và định hướng thứ ba xác định phải đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đưa ra 5 quan điểm phát triển. Trong đó, có 2 quan điểm nhấn mạnh về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được Báo cáo chính trị đưa vào thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII.

Để thực hiện các định hướng, quan điểm và chỉ tiêu đề ra về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, các văn kiện Đại hội XIII đã đề ra đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể.

Một là, về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị yêu cầu cần phải quan tâm tới thể chế cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, như xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo phương thức tổ chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cụ thể hóa, thể hiện rõ hơn những chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế được nêu trong Báo cáo chính trị. Theo đó, “thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phân đầu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số”⁽²⁾.

Hai là, để tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực, vấn đề chuyển đổi số, phát triển kinh tế số luôn được xác định là một yêu cầu lớn, một nội dung quan trọng, là mũi nhọn được khuyến khích, ưu tiên phát triển để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền

vững đất nước.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016- 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 cũng đưa ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để làm rõ hơn và triển khai thực hiện các chủ trương, quan điểm của Báo cáo chính trị về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Đó là: “Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, In 3D, Internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả nền kinh tế”⁽³⁾, “thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử. Thực hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước”⁽⁴⁾.

Đối với chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, Chiến lược phát triển 10 năm 2021-2030 đề ra nhiều nhiệm vụ, định hướng phát triển rất cụ thể. Công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp gắn với công nghệ số chiếm phần lớn trong số các ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển.

Việc phát triển doanh nghiệp công nghệ thông tin, viễn thông, công nghệ số cũng được nhấn mạnh cần phát triển một số doanh

ngành viễn thông, công nghệ thông tin, doanh nghiệp chủ lực thực hiện vai trò dẫn dắt về hạ tầng công nghệ số, làm nền tảng cho nền kinh tế số, xã hội số gắn với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

Đại hội XIII yêu cầu: “Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại. Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái”⁽⁵⁾ và “Đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số”⁽⁶⁾, nhất là với các dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, logistic, vận tải, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, kế toán, kiểm toán, y tế, giáo dục đào tạo... Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025 đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, tập trung phát triển những ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử; nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số; y tế, giáo dục và đào tạo”⁽⁷⁾.

ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ, PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

Trong thời gian tới, để thực hiện có kết quả các chủ trương, nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, cần tập trung giải quyết một số nội dung sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, phát triển kinh

tế số trong toàn xã hội.

Đẩy mạnh công tác quảng bá, tuyên truyền, vận động trong toàn xã hội, trên các phương tiện thông tin đại chúng, ở các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị về ý nghĩa, tầm quan trọng, về nội dung chuyển đổi số để tạo được sự chuyển đổi mạnh mẽ về nhận thức, nâng cao nhận thức, hiểu biết về chuyển đổi số trong mọi thành viên xã hội. Việc chuyển đổi nhận thức, nâng cao nhận thức, hiểu biết về công nghệ số, chuyển đổi số trong các thành viên xã hội để mỗi thành viên xã hội có sự chuẩn bị về tâm lý, về điều kiện, kỹ năng cần thiết để có thể chủ động, tích cực tham gia, có thể thích ứng với chuyển đổi số là yêu cầu đầu tiên, rất quan trọng để thực hiện thắng lợi việc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số của đất nước.

Các cấp ủy Đảng, lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp cần xem đây là trách nhiệm của mình để thực hiện có kết quả nhiệm vụ này.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo khung khổ pháp luật, điều kiện thuận lợi, tạo động lực đẩy mạnh việc chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quy định pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông, về doanh nghiệp, đầu tư, kinh doanh theo hướng khuyến khích, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.

Xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Xây dựng hành lang pháp lý cho định danh số và xác thực điện tử quốc gia; thiết lập khung danh tính số quốc gia. Hoàn thiện luật pháp, chính sách về xây dựng, quản lý và kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu; luật pháp, chính sách về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cho các công nghệ mới, sản phẩm mới; luật pháp, chính sách tài chính, tiền tệ nhằm khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội vào các hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất kinh doanh và quản lý sản xuất kinh doanh, vào phát triển thương mại điện tử, thanh toán điện tử, quản lý thuế và các dịch vụ xuyên biên giới. Hoàn thiện luật pháp, chính sách bảo đảm an toàn, an ninh các hoạt động kinh tế trên không gian mạng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan, bảo vệ bí mật thông tin của doanh nghiệp, của khách hàng... Trong những trường hợp cần thiết, để đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn, cần sớm xây dựng, ban hành khung thể chế thử nghiệm cho các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Cùng với xây dựng, hoàn thiện thể chế luật pháp, chính sách, cần đặc biệt chú trọng chỉ đạo xây dựng chiến lược, kế hoạch chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ở từng doanh nghiệp, từng ngành, lĩnh vực tới cả nền kinh tế một cách đồng bộ, chủ động, tích cực, với quyết tâm cao, đồng thời, có căn cứ khoa học, phù hợp với khả năng, điều kiện thực tiễn, không chủ quan, viển vông, thiếu căn cứ. Tập trung xây

dựng một số doanh nghiệp công nghệ mạnh về tiềm lực, quy mô, có trình độ cao về nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số làm đầu tàu hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp khác chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Thứ ba, xây dựng, phát triển hạ tầng số

Phát triển hệ thống hạ tầng số quốc gia đồng bộ, rộng khắp tới mọi vùng, miền, địa phương, mọi doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, mọi hộ gia đình; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối, lưu trữ, xử lý dữ liệu, thông tin, các chức năng về giám sát, bảo đảm an ninh, an toàn mạng. Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao trên toàn quốc, nhất là ở các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo. Nâng cấp mạng di động 4G, phát triển mạng di động 5G. Mở rộng kết nối Internet trong nước, kết nối Internet khu vực và quốc tế; chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng giao thức Internet thế hệ mới. Phát triển hạ tầng kết nối Internet vạn vật, triển khai việc tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào hệ thống hạ tầng giao thông, điện, nước, quản lý đô thị. Xây dựng và phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia kết nối đồng bộ, thống nhất; hình thành hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước, các cấp, các ngành, các địa phương và doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống điện toán có năng lực đủ mạnh để xử lý, phân tích dữ liệu. Xây dựng hệ thống hạ tầng thanh toán số quốc gia đồng bộ, thống nhất để thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng yêu cầu thanh toán của người dân và doanh nghiệp; kiểm soát và quản lý chặt chẽ các hình thức thanh toán

trực tuyến qua biên giới. Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh mạng... Thực hiện xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng số.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp, phát triển các nền tảng số trong các ngành, lĩnh vực kinh tế.

Phát triển, phát huy vai trò của các doanh nghiệp công nghệ thông tin đã khẳng định được thương hiệu đi đầu trong nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ số và phối hợp, hỗ trợ các doanh nghiệp trong các ngành, lĩnh vực kinh tế truyền thống, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Tạo lập môi trường thuận lợi, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo về công nghệ số và ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển từ gia công, lắp ráp sang thiết kế, chế tạo sản phẩm trên cơ sở nghiên cứu phát triển, làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ số trong sản xuất và quản lý sản xuất, sản xuất thông minh, cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng công nghệ số. Quan tâm nghiên cứu phát triển, làm chủ công nghệ sản xuất các máy móc, thiết bị số cho sản xuất và tiêu dùng xã hội.

Xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia phục vụ giao dịch điện tử giữa người dân với các cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác một cách dễ dàng, đơn giản, thuận lợi. Xây dựng hệ thống thanh toán điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ

thanh toán điện tử cho tất cả doanh nghiệp và người dân. Xây dựng, phát triển các nền tảng số cho phát triển các ngành, lĩnh vực, như: thương mại điện tử, nông nghiệp thông minh; khám, chữa bệnh từ xa, hồ sơ, bệnh án điện tử; dạy và học từ xa, đào tạo trực tuyến; hệ thống giao thông thông minh, năng lượng thông minh,...

Thứ năm, phát triển, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực, năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia.

Đổi mới cơ chế, chính sách quản lý khoa học công nghệ, khuyến khích, huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ. Tăng mức đầu tư nhà nước và nâng cao hiệu quả đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ trên cơ sở áp dụng mô hình quản trị mới theo thông lệ tốt của thế giới. Cơ cấu lại toàn diện hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập. Xây dựng các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, tập trung vào các công nghệ lõi của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, các trường đại học, viện nghiên cứu là các chủ thể nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mạnh. Khuyến khích các trường đại học, các doanh nghiệp trong và ngoài nước thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo ở Việt Nam. Hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách để tạo sự phát triển đột phá các khu công nghệ cao. Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá với các trung tâm đổi mới sáng tạo. Tạo lập đồng bộ, kịp thời luật pháp, chính sách để khuyến khích phát triển công nghệ mới, sản phẩm mới công nghệ cao. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia làm nền tảng cho ứng dụng và

phát triển các công nghệ mới. Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số...

Đẩy mạnh đổi mới nội dung, chương trình giáo dục đào tạo theo hướng phát triển tư duy sáng tạo, thích ứng với môi trường khoa học công nghệ phát triển, thay đổi hết sức nhanh chóng; đưa vào chương trình giáo dục phổ thông các nội dung kỹ năng số. Đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên nền tảng số. Có cơ chế khuyến khích đối với các tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo về công nghệ số, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn, càng cao chuyển đổi số, phát triển kinh tế số của đất nước. Quan tâm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, đào tạo lại nghề cho người lao động chuyển đổi công việc trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Thực hiện lộ trình phổ cập kỹ năng số, kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người dân, nâng cao nhận thức, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng□

(1), (2), (3), (4), (5), (6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.1, tr.213, 225, 227, 235, 241, 247

(7) Sđd, t. 2, tr.105

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2021.- Số 6.- Tr.20-25.

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO BÁO CHÍ TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS HÀ HUY PHƯƠNG
Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Email: hahuyphuong@ajc.edu.vn

Nhận ngày 6 tháng 5 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 6 năm 2022.

Tóm tắt: Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chính sách về phát triển báo chí, đặc biệt là về vấn đề xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển và quản lý hệ thống báo chí; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm trong các lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý hoạt động báo chí; nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại cho các cơ quan báo chí. Tuy nhiên, để báo chí hoạt động hiệu quả hơn nữa trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, vấn đề đào tạo nguồn lực cho báo chí cần đặt lên vị trí hàng đầu. Tác giả bài viết nêu ra 8 vấn đề cần quan tâm đổi mới hoạt động đào tạo, bồi dưỡng báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay.

***Từ khóa:** báo chí; đào tạo báo chí; chuyển đổi số; đổi mới hoạt động đào tạo báo chí.*

Abstract: Vietnam has numerous policies on press development, especially on the issue of strategy formulation, development planning, and management of the press system. Investment has been focused on the fields of training and fostering human resources in expertise, professionalism, and

management of press activities, scientific research; and application of modern technology for press agencies. However, for the press to operate more efficiently in the current digital transformation context, training human resources needs to be a top priority. This article points out 8 issues that require attention in innovation journalism training and retraining activities in the context of Vietnam's current digital transformation.

Keywords: press; journalism training; digital transformation; innovating journalism training programs.

1. Cần có một đề án “quy hoạch” các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng báo chí của quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Nền báo chí Việt Nam là nền báo chí cách mạng. Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước và là diễn đàn của Nhân dân Việt Nam. Ở Việt Nam, không có báo chí tư nhân. Luật Báo chí sửa đổi, bổ sung, ban hành năm 2016 đã quy định rất rõ quyền của tư nhân tham gia vào một số khâu trong hoạt động sản xuất sản phẩm báo chí, xã hội hóa... Do đó, mục tiêu của đào tạo báo chí là đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ quan báo chí trong hệ thống chính trị Việt Nam và một số nước anh em. Cũng vì vậy, Đảng và Nhà nước có chủ trương, chính sách rất rõ quy định chỉ có cơ sở giáo dục đào tạo của Đảng và Nhà nước mới được phép đào tạo báo chí.

Khoảng 20 năm trở lại đây, nhiều cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học, bồi dưỡng... nhận thấy báo chí là một ngành nghề “hot”, nên đã quan tâm xin mở ngành/chuyên ngành, chương trình, môn học, chuyên đề đào tạo, bồi dưỡng báo chí hoặc “núp bóng” truyền thông để đào tạo báo chí.

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo báo chí hàng đầu ở Việt Nam, có lịch sử đào tạo (đại học, thạc sĩ, tiến sĩ), bồi dưỡng về báo chí 60 năm qua. Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã mở khoa/viện đào tạo báo chí - truyền thông hơn 20 năm qua. Một số cơ sở đào tạo khác như: Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Khoa học (Đại học Huế), Đại học Sư phạm Đà Nẵng (Đại học Đà Nẵng), Đại học Khoa học (Đại học Thái Nguyên) cũng đã xây dựng mã ngành đào tạo báo chí ở bậc đại học, thạc sĩ.

Các trường cao đẳng ngành (Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam) cũng đã mở các ngành/chuyên ngành đào tạo báo chí theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Các cơ quan, đơn vị báo chí lớn như: Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam... còn thành lập các trung tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí (chủ yếu đào tạo tại chỗ, đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng mới về nghiệp vụ báo chí... cho các nhà báo).

Chưa kể, các cơ quan báo chí, các liên chi hội nhà báo, chi hội nhà báo còn thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng làm báo hiện đại cho các nhà báo.

Tuy nhiên, Đảng và Nhà nước cần có một cuộc “rà soát”, đánh giá đúng vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, thẩm quyền để “quy hoạch” lại hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng báo chí ở Việt Nam nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả đầu vào, đầu ra cho

hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực ngành báo chí, nhất là đối với nền Báo chí cách mạng Việt Nam trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng số hiện nay. Bởi, thực tế, việc ồ ạt đào tạo sẽ dẫn đến mâu thuẫn về chất lượng và nhu cầu thực tiễn nguồn lực tại các cơ quan báo chí ở nước ta trong bối cảnh thực hiện quy hoạch báo chí, tinh giản đầu mối, bộ máy tổ chức hoạt động cơ quan báo chí, đội ngũ nhân lực làm báo...

2. Cần có một chính sách ưu tiên đặc biệt cho hoạt động đào tạo báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay

Đi đôi với việc quy hoạch lại các cơ sở đào tạo báo chí, Đảng và Nhà nước cần có chính sách ưu tiên đặc biệt cho các cơ sở đào tạo báo chí về cơ chế, tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, đặc biệt là đầu tư về cơ sở vật chất xứng tầm với thời đại số hóa. Đảng và Nhà nước cũng cần có cơ chế “đặt hàng” cơ sở đào tạo nguồn lực chất lượng cao cho các cơ quan báo chí trong hệ thống chính trị đang có sự chuyển mình mạnh mẽ trong lộ trình chuyển đổi số.

Chính phủ cần xem xét đào tạo báo chí được đưa vào nhóm những cơ sở đào tạo, ngành học được miễn giảm học phí, giống như học các ngành đào tạo sư phạm, một số nhóm ngành đào tạo lý luận chính trị.

Lý do đào tạo báo chí cần được đầu tư, miễn giảm học phí, bởi lẽ đào tạo báo chí mang tính đặc thù, cung cấp một đội ngũ “máy cái”, những “chiến sĩ” trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng, Nhà nước. Họ được đầu tư bài bản, được nuôi dưỡng ngay từ trong nhà trường một cách chu đáo, ắt sẽ phụng sự Đảng và Nhà nước suốt đời.

Một thực tế hiện nay, đó là lẽ ra những người được đào tạo báo chí bài bản từ hệ thống trường công lập ở Việt Nam khi tốt nghiệp ra trường sẽ làm việc, phụng sự cho các cơ quan, đơn vị báo chí cách mạng Việt Nam (ở Việt Nam báo chí là cơ quan của Đảng, Nhà nước). Tuy nhiên, do người học còn chưa được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt ở môi trường giáo dục công lập và cũng như sự chưa sẵn sàng đón nhận của các cơ quan báo chí, dẫn đến hiện tượng “chảy máu chất xám” trong đào tạo báo chí từ khu vực công sang khu vực tư (làm truyền thông doanh nghiệp tư nhân) ngày một nhiều, thậm chí đến mức báo động. Đáng rằng, ngoài việc các đơn vị đào tạo công lập có chức năng, nhiệm vụ chính là đào tạo báo chí đáp ứng nhu cầu của hệ thống chính trị, nhưng cũng có thể đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Tuy nhiên, nếu như chính sách đào tạo không tốt sẽ làm ảnh hưởng đến hiệu quả đào tạo, nhất là sự mất cân đối, không đạt được mục tiêu đầu ra trong đào tạo báo chí ở Việt Nam hiện nay. Để cải thiện vấn đề này, cần có một cuộc rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các quyết định lãnh đạo, quản lý về chính sách đào tạo báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số như hiện nay.

3. Cần rà soát, xây dựng một chương trình đào tạo báo chí chuẩn của quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số

Thực tiễn hoạt động báo chí biến đổi nhanh chóng và không ngừng, nhất là những vấn đề liên quan đến kiến thức, kỹ năng làm báo trong thời đại số hóa. Hoạt động đào tạo báo chí cũng vậy, nếu các cơ sở đào tạo không cải tiến, đổi mới chương trình đào tạo đội ngũ làm báo đáp ứng hoạt động nghề nghiệp trong bối cảnh số hóa như hiện nay.

Nhìn lại chặng đường phát triển của báo chí trên thế giới và ở Việt Nam thời gian qua, chúng ta thấy có sự thay đổi rõ rệt. Từ thế mạnh độc quyền của loại hình báo in, sau đó là phát thanh, truyền hình và đến loại hình báo mạng điện tử. Mỗi thời điểm phát triển của loại hình báo chí chi phối rất nhiều đến nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu và thay đổi việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà báo đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động báo chí. Ví dụ, khi báo mạng điện tử ra đời, tính chất tác nghiệp báo chí hội tụ, tích hợp, đa loại hình, đa phương tiện, đa kỹ năng đã làm cho việc đào tạo báo chí truyền thống, đơn loại hình, đơn phương tiện, đơn kỹ năng phải thay đổi chương trình, nội dung đào tạo để tạo ra đội ngũ nhà báo đa kỹ năng, làm chủ kỹ thuật - công nghệ mới.

Bước vào thế kỷ XXI, thời đại bùng nổ truyền thông, toàn cầu hóa thông tin, đặc biệt là những ưu việt của thành tựu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, lộ trình chuyển đổi số, hoạt động báo chí đã có sự thay đổi đáng kể với các mô hình báo chí tích hợp, hội tụ, đa nền tảng, đa phương tiện... Điều này đã tác động không nhỏ đến vấn đề đào tạo báo chí. Và vấn đề cốt lõi vẫn là các cơ sở đào tạo báo chí cần phải có một chiến lược về sự đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo báo chí để đáp ứng yêu cầu của thời đại và nhiệm vụ chính trị cũng như nhu cầu xã hội.

Việc thay đổi chương trình đào tạo để thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số đã được các cơ sở đào tạo chú trọng, cập nhật nhiều nội dung mới, tương thích, đảm bảo tương đối đạt chuẩn đầu ra. Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo báo chí hàng đầu ở Việt Nam hiện nay. Đặc thù của Học viện là cơ sở duy nhất trong cả nước

đang đào tạo báo chí theo chuyên ngành chuyên sâu (theo loại hình báo chí). Cụ thể, hiện nay Học viện đang đào tạo 06 chuyên ngành báo chí chuyên sâu, bao gồm: Báo in, Báo ảnh, Phát thanh, Truyền hình, Báo mạng điện tử, Quay phim truyền hình. Các chương trình về cơ bản được xây dựng có tính chất liên thông ở các môn học ngành, cơ sở ngành, nhưng có mang tính độc lập, tôn trọng tính đặc thù của chuyên ngành theo loại hình báo chí, trong đó đặc biệt chú trọng đưa vào những môn học có tính chất thời đại để người học có điều kiện tiếp cận với kiến thức, kỹ năng làm báo hiện đại, nhất là các kiến thức, kỹ năng làm báo trong thời đại số.

Năm 2014, Học viện Báo chí và Tuyên truyền bắt đầu chính thức đào tạo theo hình thức học chế tín chỉ, do đó các chương trình đào tạo báo chí được xây dựng tích hợp. Khối kiến thức Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và khoa học xã hội nhân văn, toán tin, ngoại ngữ, giáo dục quốc phòng...; khối kiến thức ngành; khối kiến thức cơ sở ngành báo chí chiếm đến 3/4 thời lượng tín chỉ, còn lại là khối kiến thức chuyên ngành. Điều này cũng đã làm giảm tải số lượng môn học công kênh. Tuy nhiên, việc chia thành chuyên ngành chuyên sâu bắt đầu trở nên lạc hậu so với thực tiễn phát triển của báo chí hội tụ, tích hợp, đa phương tiện, đa nền tảng, đa kỹ năng, Điều này, Học viện cần phải tiếp tục xem xét có nên đào tạo báo chí theo chuyên ngành chuyên sâu nữa không, hay đào tạo báo chí tích hợp. Việc đào tạo báo chí tích hợp có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến chỉ tiêu tuyển sinh của Nhà trường (giảm), nhưng sẽ được lợi cho người học và nhu cầu nhân lực cung ứng cho thị trường lao động báo chí, nhất là nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực làm báo “đa kỹ năng” ở các tòa soạn đang

diễn ra mạnh mẽ theo lộ trình chuyển đổi số.

4. Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung, cập nhật kiến thức làm báo số trong hệ thống giáo trình, bài giảng về báo chí

Có thể khẳng định, các cơ sở đào tạo báo chí ở Việt Nam có bề dày về kinh nghiệm đào tạo báo chí, đã xây dựng được chương trình, đề cương bài giảng các môn học tương đối công phu, bài bản. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới, nhất là bối cảnh phát triển báo chí - truyền thông hiện đại hiện nay, đặc biệt là thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, việc thay đổi, sửa đổi, bổ sung, cập nhật, hoàn thiện hệ thống giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo về đào tạo về báo chí là việc làm cấp bách đối với các cơ sở đào tạo báo chí ở Việt Nam nói chung và tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói riêng.

Thực tế là nhiều môn học cơ sở ngành và ngành báo chí cũng như chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam đã quá lạc hậu, ít được cập nhật, vì những lý do khách quan, chủ quan. Thậm chí, có những môn học chưa có giáo trình hoặc có giáo trình nhưng chưa theo chuẩn quy định nào. Để có được các đề cương bài giảng, giáo trình, sách tham khảo... về đào tạo báo chí chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động báo chí ở Việt Nam hiện nay, các cơ sở đào tạo cần phải có một “cuộc cách mạng” triệt để từ nhận thức, tư duy đến thái độ và hành vi của người đứng đầu, cùng sự đồng thuận của đội ngũ giảng viên, sự hỗ trợ, phối hợp của bên sử dụng nhân lực lao động. Mặt khác, Đảng và Nhà nước cũng cần có chính sách ưu đãi, đầu tư cho cải tiến, đổi mới chương trình, bài giảng, biên soạn giáo trình, sách, tài liệu tham khảo về đào tạo báo chí. Cần khuyến khích các nhà

khoa học, giảng viên viết, công bố các công trình khoa học về báo chí - truyền thông số để hình thành hệ thống học liệu phục vụ cho công tác đào tạo báo chí.

5. Cần có chiến lược, chính sách mạnh mẽ để đầu tư nguồn nhân lực phục vụ hoạt động đào tạo báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số

Về số lượng, quy mô đào tạo báo chí đang mâu thuẫn với số lượng đội ngũ thầy, cô đạt chuẩn của cơ sở giáo dục đại học về trình độ chuyên môn, năng lực học thuật cũng như kinh nghiệm thực tiễn tác nghiệp báo chí. Chưa bao giờ, kể cả cơ sở giáo dục đại học công lập và tư thục đều thiếu các tiến sĩ, phó giáo sư, giáo sư đứng ngành/chuyên ngành đào tạo báo chí - truyền thông như thời điểm hiện nay. Một lý do là các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước mỗi năm cũng chỉ cung cấp cho các cơ sở đào tạo từ 01 đến 02 tiến sĩ. Nguyên nhân lớn nhất đối với các cơ sở đào tạo báo chí công lập, đó là việc định biên chế như một cánh cửa khóa chặt để cơ sở đào tạo không thể tăng thêm giảng viên, trong khi đó, các cơ sở đào tạo lại mở rộng quy mô, ngày càng phình to ra các ngành/chuyên ngành đào tạo liên quan đến báo chí - truyền thông; tăng vị trí việc làm đòi hỏi phải tăng nhân lực đào tạo... Đây là một bài toán khó vô cùng, đầy mâu thuẫn đối với các cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông công lập.

Mặt khác, việc tự cập nhật kiến thức mới về hoạt động báo chí, nhất là những kiến thức về báo chí số để phục vụ việc giảng dạy, nghiên cứu của giảng viên báo chí tại các cơ sở đào tạo báo chí cũng chưa được diễn ra thường xuyên vì những lý do chủ quan, khách quan.

Nhiều giảng viên làm công tác lãnh đạo, quản lý, bị cuốn hút quá nhiều thời gian vào quản lý hành chính, không còn nhiều thời gian để đi thực tế, cập nhật kiến thức mới, do đó bài giảng chưa mang hơi thở của đời sống báo chí hiện đại. Một số giảng viên trẻ bị cuốn hút vào các công việc hỗ trợ, phục vụ, hoặc trực môn, đảm nhiệm giảng dạy nhiều, ít dành được thời gian nghiên cứu, soạn bài, cập nhật kiến thức, đi thực tế nghiệp vụ tại tòa soạn báo chí, cơ sở truyền thông, do đó chưa hòa nhập được vào đời sống số ở thực tiễn nghề báo, ảnh hưởng rất lớn đến việc truyền đạt kiến thức cho người học. Các chính sách ưu đãi đội ngũ giảng viên báo chí, nhất là về việc khuyến khích tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật hiện đại chưa có nhiều, chưa tạo động lực đam mê nghề nghiệp, do đó ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng nhân lực đào tạo, bồi dưỡng báo chí.

6. Cần có sự chung tay giữa cơ sở đào tạo và cơ quan báo chí trong đào tạo nguồn nhân lực báo chí trong lộ trình chuyển đổi số

Đào tạo báo chí là để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của hệ thống chính trị. Bởi, báo chí Việt Nam là nền báo chí cách mạng. Nhân lực đào tạo báo chí là để đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan báo chí của Đảng và Nhà nước, tức là tạo nguồn nhân lực cho nền báo chí cách mạng Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện nay đang có khoảng cách khá xa giữa cơ sở đào tạo báo chí và các cơ quan báo chí - nơi hưởng thụ kết quả đào tạo, bồi dưỡng nhân lực báo chí. Cơ sở đào tạo báo chí và cơ quan báo chí đang như hai người đi hai bên bờ sông, nhìn thấy nhau rất nét, đẹp đẽ, nhưng mãi chưa đến với nhau bởi một nhịp cầu.

Có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, trong đó lớn nhất vẫn là chủ quan từ cơ sở đào tạo, đó là chưa thực sự tìm ra các giải pháp “lôi kéo” các cơ quan báo chí, đội ngũ nhà báo đông đảo cùng vào cuộc tham gia đào tạo báo chí. Vấn đề lớn nhất trong xây dựng chiến lược đào tạo chưa tạo “đất” để các cơ quan báo chí, đội ngũ nhà báo phối hợp, chung tay đào tạo. Chẳng hạn, các cơ sở đào tạo cần kết nối, ký kết hợp tác với cơ quan báo chí, chỉ rõ chương trình hoạt động, đầu việc, nhiệm vụ cụ thể, như tham gia hội đồng khoa học - đào tạo, cố vấn, chuyên gia; tham gia xây dựng chương trình, viết giáo trình, bài giảng; cử các nhà báo có kinh nghiệm giảng dạy, hướng dẫn thực hành, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, nhất là kinh nghiệm tác nghiệp báo chí đa phương tiện, đa nền tảng, báo chí dữ liệu, báo chí số...

Các cơ sở đào tạo báo chí cũng có thể tham gia tập huấn kiến thức, kỹ năng cho các nhà báo đang hoạt động thực tiễn hoặc triển khai nghiên cứu các đề án, dự án đổi mới, cải tiến hoạt động cơ quan báo chí,...; đặc biệt là cử giảng viên, sinh viên đi thực tập, thực tế thường xuyên để nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn. Điều quan trọng hơn cả là hai bên cùng “đặt hàng” nhau về tính toán, tạo nguồn nhân lực để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng hiệu quả. Điều này sẽ tránh được tình trạng người học từ cơ sở đào tạo báo chí của Đảng và Nhà nước nhưng tốt nghiệp không có việc làm, “chảy máu chất xám” từ khu vực công lập sang khu vực tư nhân; không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, mục đích, mục tiêu đào tạo báo chí của nền báo chí cách mạng Việt Nam trong bối cảnh bùng nổ truyền thông hiện nay.

7. Cần mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực báo chí trong thời đại số

Trong thời đại toàn cầu hóa, thế giới trở thành ngôi nhà chung về mọi mặt. Hoạt động giáo dục đào tạo của một quốc gia không bị bó buộc theo vị trí quốc gia mà đã mang tính chất toàn cầu. Các cơ sở đào tạo tiên tiến trên thế giới sẽ thu hút đội ngũ giảng viên báo chí và thí sinh đăng ký nhập học các ngành đào tạo báo chí - truyền thông. Hợp tác quốc tế cùng đào tạo báo chí - truyền thông là việc làm cần thiết đối với một cơ sở đào tạo báo chí. Các cơ sở đào tạo báo chí cần kết nối đào tạo đại học, sau đại học về báo chí - truyền thông thông qua việc xin nguồn học bổng; mời chuyên gia giỏi của nước ngoài tư vấn xây dựng chương trình đào tạo, môn học, biên soạn sách, giáo trình, bài giảng; giảng dạy trực tiếp về kỹ năng làm báo hiện đại...

Các cơ sở đào tạo kết nối với các quốc gia có nền báo chí - truyền thông hiện đại để tổ chức các hội thảo, phối hợp nghiên cứu các đề án, dự án...; đặc biệt, các dự án liên quan đến kỹ thuật - công nghệ làm báo hiện đại, để tăng cường chất lượng đào tạo.,.

Để làm được điều này, cần có chủ trương, chính sách phù hợp, thích hợp, tạo hành lang pháp lý thông thoáng để các quốc gia hợp tác đào tạo báo chí thuận lợi trong triển khai các công việc cụ thể. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 chưa được kiểm soát, vấn đề hợp tác quốc tế có nhiều rào cản; tuy nhiên, việc kết nối, triển khai các công việc bằng trực tuyến, giao dịch trên không gian mạng cũng rất thuận lợi, giảm chi phí rất lớn. Các cơ sở đào tạo cần tận dụng tối đa các ưu thế của công nghệ để phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo.

8. Cần đầu tư kỹ thuật, công nghệ và môi trường học tập tốt để tạo động lực cho dạy và học báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay

Không chỉ có chương trình, bài giảng, thầy và trò tốt mà môi trường giáo dục đào tạo, bồi dưỡng báo chí cần đầu tư bài bản, chuyên nghiệp. Có như vậy chất lượng giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng báo chí - truyền thông mới thực sự đầy đủ, hoàn hảo.

So với 30 năm trước, đến nay Học viện Báo chí và Tuyên truyền đã đầu tư trường sở, phòng ốc phục vụ đào tạo báo chí - truyền thông tương đối bài bản, hiện đại, phù hợp. Học viện có đủ hệ thống phòng học với những tòa giảng đường cao tầng, được trang bị điều hòa 100%; đặc biệt, năm 2017, Học viện được đầu tư gần 100 tỉ xây dựng hệ thống phòng học thực hành xuất bản báo in; phòng học sản xuất sản phẩm truyền thông số, truyền thông đa phương tiện; studio phát thanh; phòng chụp, biên tập ảnh báo chí; trường quay ảo truyền hình sản xuất các sản phẩm truyền hình số; hệ thống sản phẩm thực hành báo in như: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông (xuất bản in định kỳ hằng tháng, Tạp chí điện tử, Tạp chí tiếng Anh, Tạp chí chuyên đề); Đặc san Báo chí Trẻ; Chương trình Truyền hình STV; Chương trình Phát thanh Sóng Trẻ (phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội sản xuất bản tin Sóng trẻ hằng tuần); Trang thông tin điện tử Songtre.vn;....

Với lợi thế là một ngôi trường của Đảng trong hệ thống trường Đảng mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh), Học viện luôn ý thức xây dựng văn hóa trường Đảng,

khuyến học, khuyến tài, phấn đấu trở thành một đơn vị học tập mẫu mực của Đảng và của hệ thống giáo dục quốc dân.

Môi trường học tập tốt cũng đã thu hút thí sinh đăng ký vào học. Hiện nay, các chuyên ngành đào tạo báo chí tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền vẫn đang là những chuyên ngành “hót” thu hút tuyển sinh với số lượng lớn, hàng năm đều vượt chỉ tiêu tuyển sinh, với chất lượng điểm chuẩn đầu vào cao nhất.

Tóm lại, đào tạo báo chí ở Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số cần phải có một sự quy hoạch lại nghiêm túc; đồng thời, cần có chính sách đặc biệt cho đào tạo báo chí; cũng cần rà soát, cập nhật, bổ sung, đổi mới chương trình đào tạo, đề cương bài giảng, hệ thống giáo trình, sách, tài liệu tham khảo... cần đầu tư cho nguồn nhân lực đào tạo, bồi dưỡng báo chí cũng như vấn đề tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng báo chí - truyền thông; đồng thời quan tâm đầu tư kỹ thuật, công nghệ và môi trường học tập tốt trong đào tạo, bồi dưỡng báo chí, để hoạt động đào tạo, bồi dưỡng báo chí ở Việt Nam ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực báo chí - truyền thông hiện nay□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04.11.2013, của Bộ Chính trị Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế
2. Hà Huy Phượng (2019), *Một số nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng chính sách*, Tạp chí Lý luận chính trị, tháng 2, Hà Nội

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.- 2022.- Số 6.- Tr.29-33.

NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

TS NGUYỄN THỊ HÀ
Học viện Hành chính Quốc gia

NGÀY NHẬN: 09/7/2021 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ 08/8/2021 NGÀY DUYỆT: 16/9/2021

Quá trình chuyển đổi số đang đặt ra nhiều cơ hội, thách thức cho các tổ chức, doanh nghiệp nói chung và các cơ quan nhà nước nói riêng. Thực tiễn đang vận động phát triển nhanh, đa chiều và khá phức tạp, khó dự báo của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đòi hỏi các cơ quan nhà nước cần phải đổi mới nhận thức, tư duy, phương thức, quy trình về chuyển đổi số để đáp ứng yêu cầu phát triển mới.

Từ khóa: Chuyển đổi số; xu thế tất yếu; cơ hội và thách thức; đổi mới tư duy; cơ quan nhà nước.

Digital transformation brings about many opportunities and challenges for organizations and businesses in general and public agencies in particular. Rapid, multi-dimensional, complicated, unpredictable changes in economic, political, cultural and social life require public agencies to renew the way of thinking, methods, and processes of digital transformation to meet the new development requirements.

Key word: Digital transformation; inevitable trend; opportunity and challenge; renew the way of thinking; public agencies.

1. Chuyển đổi số và chuyển đổi số cơ quan nhà nước.

Chuyển đổi số (digital transformation - CDS) là xu thế tất yếu của thời đại. Theo nhiều nghiên cứu cho thấy, CDS là quá trình chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình công nghệ dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT)... Trong bối cảnh đó, các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen. CDS là cơ hội bứt phá cho cơ quan nhà nước (CQNN) và các doanh nghiệp (DN) vượt lên cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. CDS tạo nên đột phá lớn trong phát triển kinh tế - xã hội; thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra sự thay đổi tổng thể và toàn diện con người về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất. Vì thế, CDS không đơn giản chỉ là quá trình số hóa và nâng cấp hạ tầng, nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin mà là một bước ngoặt, bước phát triển mở ra một trật tự mới trong các mối quan hệ của con người, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt đến hoạt động quản lý xã hội và các hoạt động quản lý của CQNN.

Nhận thức được CDS không còn là sự lựa chọn mà là xu thế tất yếu của thế giới. Vì vậy, để thích ứng với xu thế mới trong những năm gần đây Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành rất quan tâm và có những chỉ đạo cụ thể. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách đẩy nhanh quá trình CDS. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52 - NQ/TW, đồng thời, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 01/CT-

TTg ngày 14/01/2020 về “Thúc đẩy phát triển công nghệ số Việt Nam”; tiếp đến, ngày 03/6/2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Chương trình CDS quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các DN công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Có thể thấy, đây là mục tiêu hàm chứa ý tưởng lớn, đòi hỏi sự nỗ lực, phấn đấu rất cao thì mới có thể thực hiện được trong 10 năm tới. Quyết định xác định rõ: 6 quan điểm, 6 nhiệm vụ và đặt ra 9 nhiệm vụ phát triển chính phủ số, 5 nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, 7 nhiệm vụ phát triển xã hội số và chỉ ra 8 lĩnh vực ưu tiên CDS, như: y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp⁽¹⁾. Quyết định đã phác thảo bức tranh khá tổng thể, trong thời gian tới, nếu các mục tiêu, chỉ số và nhiệm vụ của quá trình CDS nêu trên được thực hiện sẽ góp phần tạo nên một Việt Nam hiện đại, đổi mới toàn diện hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Gần đây nhất, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó xây dựng, phát triển chính phủ

điện tử, chính phủ số là một trong những nội dung mới được đưa vào trong chương trình này. Điều đó, thể hiện sự quan tâm, chú trọng đến việc CDS không chỉ là chủ trương của Đảng và Nhà nước mà đã triển khai cụ thể vào từng ngành, lĩnh vực của các CQNN. Bởi lẽ, đối với các CQNN, việc CDS càng có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển kinh tế của đất nước và của xã hội. CDS CQNN là hoạt động phát triển chính phủ số của các cơ quan trung ương và tương ứng với đó là hoạt động phát triển chính quyền số, đô thị thông minh của chính quyền các cấp ở địa phương.

CDS CQNN tập trung vào phát triển hạ tầng số phục vụ các CQNN một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, cả trên thiết bị di động để người dân, DN có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí⁽²⁾. Vì vậy, việc CDS tại các CQNN là vấn đề quan trọng để thực hiện thành công chính phủ số và tác động đến sự phát triển về kinh tế cũng như xã hội của đất nước.

2. Thách thức chuyển đổi số với cơ quan nhà nước

Quá trình CDS ở nước ta xuất hiện nhiều vấn đề mới đòi hỏi các CQNN cần có sự nghiên cứu, tìm ra giải pháp, như: vấn đề về chuyển đổi nhận thức của toàn xã hội; yêu cầu đổi mới và kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh số; thúc đẩy phương thức, quy trình quản lý mới; phát triển hạ tầng số, đáp ứng yêu cầu về kết nối và xử lý dữ liệu; phát triển DN số; phát

triển kinh tế số; xã hội số; truyền thông số; phát triển nông nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập; quản trị xã hội; vấn đề bảo đảm an toàn an ninh mạng... Chính vì vậy, CDS các CQNN đang đứng trước nhiều thách thức, xét trên nhiều phương diện khác nhau.

Thứ nhất, CDS đòi hỏi thay đổi cả quy trình, phương thức quản lý, điều hành và hệ thống công nghệ thông tin nhưng đối với các CQNN những vấn đề này thường có tính ổn định, thậm chí đề cao sự ổn định gần như mang tính “cố hữu”. Vì vậy, để thay đổi quy trình thực hiện, phương thức quản lý và điều hành đòi hỏi sự thay đổi nhận thức của người đứng đầu (NDD) tổ chức, NDD có thực sự muốn thay đổi, muốn làm hay không muốn làm, đây là thách thức lớn của các CQNN.

Thứ hai, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức (CBCC), xét ở phương diện bằng cấp, có thể nói đội ngũ CBCC CQNN hiện nay được đào tạo bài bản, hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) chuyên môn nghiệp vụ với nhiều chương trình khác nhau. Nhưng về kiến thức, kỹ năng về kỹ thuật quản trị cơ sở dữ liệu; về khoa học và công nghệ: về cách mạng công nghiệp 4.0... thì còn hạn chế. Hơn thế nữa, sự thiếu hụt về nhân sự có kỹ năng làm chủ công nghệ là thách thức lớn với CQNN, việc ĐTBD để đội ngũ CBCC nhà nước làm chủ được công nghệ đáp ứng yêu cầu công việc có nhiều rào cản nhất định, *một mặt*, do độ tuổi, giới tính, *mặt khác*, do môi trường làm việc có tính ổn định cao nên tạo sức ỳ khá lớn “tạo tính cố hữu” nên họ rất ngại thay đổi, ngại tiếp cận với cái mới.

Thứ ba, khả năng thúc đẩy sự thay đổi của các nhà lãnh đạo,

quản lý các cấp trong tổ chức. Thành công của CDS với các CQNN phụ thuộc rất lớn vào khả năng thúc đẩy sự thay đổi của nhà lãnh đạo, quản lý đặc biệt là NĐĐ tổ chức. Nếu NĐĐ tổ chức, *một mặt* nhận thức về sự chuyển đổi còn hạn chế, *mặt khác*, nếu họ không muốn thay đổi, thì rất khó để thực hiện, thậm chí là không thể thực hiện được. Hơn thế nữa, việc CDS không chỉ thay đổi công nghệ mà đòi hỏi phải thay đổi phương thức quản lý, văn hóa tổ chức và đội ngũ nhân sự. Vì thế, để thay đổi phụ thuộc rất lớn vào việc thay đổi nhận thức, tư duy đến phương pháp, quy trình vận hành tổ chức của NĐĐ, của các cấp lãnh đạo, quản lý và tiếp đến là nhận thức của nhân viên trong tổ chức

Thứ tư, các hệ thống, dữ liệu thuộc sở hữu của các CQNN chưa có sự thống nhất về kỹ thuật số. Hiện tại, mỗi địa phương, bộ, ngành đang sử dụng công nghệ số trên nhiều nền tảng với các phân loại và yêu cầu truy cập khác nhau. Do đó, việc đồng bộ dữ liệu lớn (Big Data) sẽ gặp khó khăn khi dữ liệu lưu trữ nhiều cơ quan khác nhau cần phải có sự cho phép, thông qua nhiều thủ tục mới truy cập được.

Chẳng hạn, nếu bộ phận tiếp nhận làm xuất, nhập cảnh cần xác minh thông tin về căn cước công dân thì sẽ mất thời gian liên hệ với Bộ Công an, hơn thế nữa, nếu một bên đã áp dụng công nghệ lưu trữ thông tin nhưng một bên vẫn lưu trữ theo cách truyền thống (lưu trữ thông tin trên bản giấy) thì điều này làm cho việc giải quyết công việc gặp khó khăn hơn. Hoặc một số lĩnh vực khi thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân nhưng do sự kết nối thông tin giữa các ngành, các lĩnh vực chưa đồng bộ nên việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân mất nhiều thời gian. Hơn thế nữa, trên thực

tế, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực ngay chính trong nội tại của ngành đó cũng còn gặp nhiều khó khăn. Đơn cử như lĩnh vực ngân hàng, hiện ngân hàng nhà nước đang gặp phải 3 thách thức lớn, đó là: (1) về sự đồng bộ và chuẩn hóa các cơ sở hạ tầng kỹ thuật nhằm tạo thuận lợi cho việc kết nối liên thông, tích hợp liền mạch giữa ngành ngân hàng với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành hệ sinh thái số, cung ứng dịch vụ đa tiện ích cho khách hàng. (2) về sự đồng bộ, phù hợp của các quy định pháp lý hiện hành liên quan đến giao dịch điện tử, chữ ký, chứng từ điện tử, việc định danh và xác thực khách hàng điện tử, việc chia sẻ dữ liệu và bảo mật thông tin khách hàng, quy trình nghiệp vụ..., với thực tiễn ứng dụng công nghệ số trong hoạt động ngân hàng. (3) Thách thức từ thay đổi nhận thức, thói quen, hành vi người tiêu dùng: việc bảo đảm an ninh an toàn và huy động, bố trí nguồn lực phục vụ CDS⁽³⁾.

Ngoài việc sử dụng nền tảng khác nhau, các CQNN còn thiếu liên kết các quy trình kỹ thuật số, dẫn đến cấu trúc phức tạp, chưa đồng bộ với nhau trong quá trình CDS. Điều này, dẫn đến khó thống nhất mục tiêu, cũng như lộ trình thực hiện, thậm chí ảnh hưởng đến nguồn vốn thực hiện.

3. Những yêu cầu đổi mới với cơ quan nhà nước trong bối cảnh chuyển đổi số

Một là, cần thay đổi tư duy, nhận thức của đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là thay đổi tư duy, nhận thức của NĐĐ. Tư duy, nhận thức của NĐĐ trong CDS là yếu tố quan trọng, quyết định sự thành bại của cơ quan, tổ chức. Bởi vì, tư duy, nhận thức đúng sẽ

thúc đẩy sự thay đổi, phát triển tổ chức nhanh. Còn nếu NĐĐ tổ chức không thay đổi nhận thức, tư duy hạn hẹp sẽ là rào cản, thậm chí là “nút thắt cổ chai”, triệt tiêu sự phát triển của tổ chức. Chính vì vậy, thay đổi tư duy, nhận thức của NĐĐ tổ chức đóng vai trò rất quan trọng, bởi tổ chức chỉ có thể thay đổi khi NĐĐ sẵn sàng chấp nhận thay đổi để phát triển tổ chức.

Hai là, nâng cao năng lực cho đội ngũ CBCC, viên chức trong các CQNN. Để thực hiện thành công CDS, đòi hỏi đội ngũ CBCC, người lao động có những kỹ năng và năng lực nhất định như kỹ năng thu thập và quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; kỹ năng về khoa học dữ liệu; kỹ thuật số và quản trị cơ sở dữ liệu; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết công việc trên môi trường mạng: khả năng phân tích, khả năng đưa ra các giải pháp dựa trên phân tích dữ liệu và công nghệ.

Để giải quyết được vấn đề này, trong thời gian tới, các cơ quan, tổ chức phải có sự nghiên cứu, đánh giá thực trạng năng lực của CBCC về kỹ thuật công nghệ để từ đó có kế hoạch DTBD, đồng thời, cần xác định mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn trong công tác DTBD. Cụ thể: (1) Mục tiêu dài hạn trong 10 năm tới: các CQNN cần có đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin, vì vậy, cần có chiến lược đào tạo hoặc tuyển dụng nhân sự có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin. (2) Đối với nhóm đối tượng CBCC làm việc tại các đơn vị chuyên môn cần có các chương trình DTBD phù hợp với yêu cầu công việc; phù hợp với từng nhóm đối tượng. Hằng năm, cần quy định thời gian DTBD cập nhật kiến thức để CBCC làm chủ được công

nghệ, đáp ứng được yêu cầu công việc trong thời đại mới.

Ba là, muốn thực hiện CDS thành công bắt buộc phải thay đổi văn hóa tổ chức, đòi hỏi một nền văn hoá thích ứng cao, các CQNN cần phải thích nghi với cả cơ hội mới và ngay cả những nguy cơ đến từ công nghệ mới, thay đổi cả cung cách làm việc và cả hành vi của công dân và tổ chức khi thực hiện công việc với các CQNN. Thay đổi văn hóa cần phải có thời gian, vì vậy, cần có truyền thông trong nội bộ, các bộ phận cần có sự hợp tác và chia sẻ thông tin, khuyến khích sự sáng tạo, để có thể tạo ra các giá trị mới.

Bốn là, xây dựng nền tảng số, kỹ thuật công nghệ thống nhất, đồng bộ, có sự liên kết, liên thông giữa các CQNN, các bộ, ngành với nhau, tạo thuận lợi cho việc trao đổi, giải quyết công việc, đặc biệt những công việc mang tính liên ngành. Để chuẩn hóa cơ sở hạ tầng có sự kết nối liên thông đòi hỏi Chính phủ phải đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu xây dựng *Luật Giao dịch điện tử* thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung *Luật Giao dịch điện tử* năm 2005 để tạo cơ sở pháp lý cho các bộ, ngành hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành có liên quan, giúp đẩy mạnh số hóa, ứng dụng kỹ thuật số, tạo môi trường giao dịch thuận lợi cho người dân, DN qua kênh số, phương thức điện tử.

Bên cạnh đó, xây dựng văn bản pháp luật về định danh và xác thực điện tử và xây dựng hành lang pháp lý về bảo vệ dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư dữ liệu người dùng trên môi trường mạng... Có như vậy, các cơ quan mới có thể chia sẻ thông tin trực tuyến để phục vụ giải quyết công việc.

Hoạt động quản lý nhà nước dù ở giai đoạn nào, CDS hay không

CĐS thì đích đến của CQNN là năng suất, chất lượng và hiệu quả hoạt động. CĐS không chỉ là các CQNN áp dụng công nghệ vào các hoạt động của mình mà đó là quá trình thay đổi từ tư duy nhận thức; thể chế; phương thức, quy trình quản lý: thay đổi văn hóa tổ chức; đội ngũ CBCC. Thiết nghĩ, để con tàu CĐS của quốc gia đi đến thành công, xây dựng chính phủ số, công dân số... thì trước hết các CQNN phải xây dựng và thực hiện thành công CĐS□

Chú thích:

(1) Quyết định số 749/2020/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”

(2) Cẩm nang chuyển đổi số. H. NXB Thông tin và Truyền thông, 2021, tr.10

(3) Ba thách thức, kiến nghị để ngành Ngân hàng chuyển đổi số thành công. <https://hai-quanonline.com.vn>, ngày 26/5/2021

Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Tú Bảo. Chuyển đổi số quốc gia, cơ hội và thách thức. Báo Nhân dân cuối tuần, ngày 04/01/2020.

2. Chỉ thị 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển công nghệ số Việt Nam.

3. Chuyển đổi kỹ thuật số là một hành trình. <https://vnmedia.vn>, ngày 04/4/2019.

4. Chuyển đổi số: Bối cảnh và thách thức. <http://tapchinganhang.gov.vn>, ngày 02/7/2021.

5. Cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số tại Việt Nam. <https://vina-aspire.com>, ngày 02/7/2021.

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.- 2021.- Số 308.- Tr.53-57.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

PGS, TS NGÔ ĐÌNH XÂY

Ngày nay, sự phát triển đột phá của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang mang tới cho nhân loại một hy vọng về sự thay đổi mạnh mẽ về mọi mặt của cuộc sống từ kinh tế đến chính trị, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường... và làm thay đổi nhận thức, tư duy, nếp sống, thói quen thường có của con người trên các lĩnh vực, đời sống xã hội.

YÊU CẦU MỚI VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CHO CÁC LĨNH VỰC TRONG HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

Phát biểu tại Hội nghị Diễn đàn kinh tế thế giới với chủ đề “Làm chủ Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” năm 2016, GS. Klaus Schwab, Chủ tịch Diễn đàn Kinh tế Thế giới cho biết, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một thuật ngữ bao gồm một loạt các công nghệ tự động hóa hiện đại, trao đổi dữ liệu và chế tạo. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được định nghĩa là “một cụm thuật ngữ cho các công nghệ và khái niệm của tổ chức trong chuỗi giá trị” đi cùng với các hệ thống vật lý trong không gian ảo, Internet kết nối vạn vật (IoT) và Internet của các dịch vụ (IoS). Như vậy, bản chất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là *cuộc cách mạng số*, tức là cuộc cách mạng công nghiệp được triển khai dựa trên nền tảng công nghệ số và tích hợp tất cả các công nghệ thông minh để tối ưu hóa quy trình, phương thức sản xuất; nhấn mạnh những công nghệ đang và sẽ có tác động lớn nhất là công nghệ In 3D, công nghệ

sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa, người máy,...

Điểm thực chất rất nổi bật và là hệ quả tất yếu của cuộc cách mạng số chính là đòi hỏi phải có quá trình *chuyển đổi số* trên tất cả các lĩnh vực và các quá trình hoạt động trong xã hội.

Tại Việt Nam, khái niệm “Chuyển đổi số” thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình hoạt động truyền thống sang mô hình hoạt động dựa trên quá trình “số hóa” bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức quản lý, điều hành, lãnh đạo; quy trình làm việc và văn hóa cộng đồng cũng như làm thay đổi các quá trình sản xuất của xã hội.

Nhận thức rõ điều này, Đảng ta định hướng rất rõ về chuyển đổi số: “Đẩy nhanh xây dựng xã hội số, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, mở các khóa học đại trà trực tuyến, đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số”⁽¹⁾. Mới đây nhất, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, đã chủ trì phiên họp thứ nhất của ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã nhấn mạnh phần đầu đến năm 2025, phải hình thành Chính phủ số, trong đó chủ trương thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia được xây dựng trên 3 trụ cột: Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số, ... Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số xác định phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện; phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia

của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt. Theo tinh thần đó, thời gian tới, Chính phủ tập trung hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi, thúc đẩy chuyển đổi số; xây dựng cơ chế, chính sách thử nghiệm ứng dụng giải pháp, công nghệ mới một cách sáng tạo, phù hợp. Đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ đã lấy ngày 10 tháng 10 hàng năm là ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Rõ ràng, cách mạng số - chuyển đổi số đang đặt ra những yêu cầu mới cho tất cả các lĩnh vực hoạt động của xã hội. Và đương nhiên, cách mạng số - chuyển đổi số cũng sẽ đặt ra những yêu cầu mới cho lĩnh vực công tác tuyên giáo - với tư cách là một bộ phận cấu thành tất yếu trong toàn bộ đời sống xã hội đang vận hành theo tiến trình cách mạng số - chuyển đổi số.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

Cuộc cách mạng số - chuyển đổi số đang đặt ra yêu cầu phải *chuyển đổi số công tác tuyên giáo*, thể hiện trên các phương diện sau:

Thứ nhất, chủ thể công tác tuyên giáo phải được số hóa.

Chủ thể công tác tuyên giáo được số hóa là sự tích hợp trong mình nhiều yếu tố: đổi mới về nhận thức, nhanh nhạy về cảm xúc, linh hoạt về sự sáng tạo, thích ứng, nhất là thành thạo về kỹ thuật số... Để đảm đương được vai trò, vị thế và trách nhiệm mới của chủ thể công tác tuyên giáo nhằm đưa được những thông điệp cần thiết và truyền cảm hứng cho người nghe qua mạng thì đó phải là những *chủ thể số*.

Những chủ thể công tác tuyên giáo số, trên nền tảng công nghệ, thực hiện vai trò kết nối tức thời người nghe với nguồn dữ liệu, học

liệu, kết nối cộng đồng người nghe với nhau và với các môi trường học trao đổi mới giàu tính trải nghiệm.

Đồng thời, chính “chủ thể công tác tuyên giáo số” cũng là người sẽ hỗ trợ người nghe tiếp cận, chấp nhận và truyền cảm hứng cho người nghe để sử dụng công nghệ, xóa bỏ hội chứng sợ công nghệ trên các nền tảng kết nối số, tương tác thông minh qua các ứng dụng... Mặt khác, để thực hiện vai trò kết nối số, chủ thể công tác tuyên giáo số cần liên tục học hỏi, tiếp cận, cập nhật và quản lý được các tương tác số (tương tác qua mạng).

Một điều đặc biệt cần quan tâm là, chủ thể công tác tuyên giáo số không loại trừ mà còn bao hàm trong mình cả tố chất tâm hồn chan chứa tình người. Đó giống như là những chủ thể hoạt động - những người thầy có “phong cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính chuẩn mực của người thầy; gián tiếp và ngăn cách bởi máy tính, đường truyền nhưng không thể quên cung cách cư xử và sự thân thiện, tinh tế trong ứng xử; không mặt đối mặt nhưng không vì thế quên đi hình ảnh của mình hay những gì thuộc về lối sống,... Tâm hồn của người thầy còn không thể vô tư với những khó khăn của người học, không thể giản đơn hóa với cảm xúc hay những hậu sang chấn của học sinh, sinh viên không may mắn, yếu thế vẫn cố gắng đến trường, đến lớp...”⁽²⁾.

Như vậy, để thực hiện được chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo, thì phải xây dựng được đội ngũ những *chủ thể công tác tuyên giáo số*.

Thứ hai, nội dung công tác tuyên giáo phải được số hóa.

Nội dung công tác tuyên giáo phải được số hóa, nghĩa là phải

hình thành được nội dung công tác tuyên giáo số. Thực chất của việc kiến tạo và xây dựng nội dung công tác tuyên giáo số chính là hình thành được *cơ sở dữ liệu tuyên giáo số* hay thư viện dữ liệu số về tuyên giáo, thư viện dữ liệu tuyên giáo mở. Thư viện dữ liệu tuyên giáo số là thư viện được thiết lập linh hoạt, hoạt động liên tục không có giờ nghỉ và có thể đáp ứng và phục vụ người đọc bất kỳ ở đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ở thư viện dữ liệu tuyên giáo số, các nguồn dữ liệu thông tin tuyên giáo, nội dung kiến thức về tuyên giáo được số hóa (thiết kế, sản xuất, xuất bản, lưu trữ) và chuyển giao qua công cụ số nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về “đa giác quan hóa” và tương tác mạnh cho người nghe, người tiếp thu, người đối thoại. Được phát triển trên nền tảng công nghệ và công cụ số theo nguyên tắc giàu nội dung, đa định dạng, tương tác mạnh, tái sử dụng, dễ tiếp cận, tra cứu, chia sẻ và đóng góp...; dữ liệu tuyên giáo số phải dần trở thành mục tiêu, phương tiện hữu hiệu trong các quá trình triển khai công tác tuyên giáo.

Không chỉ dừng lại ở việc “số hóa văn bản công tác tuyên giáo” hay “dữ liệu tuyên giáo mở” như trước đây, các hoạt động số hóa tuyên giáo sẽ tăng cơ hội nhập vai và đưa người nghe, người đối thoại vào các môi trường thực - ảo để giải quyết vấn đề; tạo video, bài giảng công tác tuyên giáo bằng số hóa, E-book tương tác... sẽ giúp thư viện dữ liệu tuyên giáo số không chỉ còn thuần túy cung cấp thông tin, nội dung cần quán triệt mà còn tạo khả năng tương tác mạnh với những nội dung đó cho người nghe, người đối thoại.

Thứ ba, phương thức công tác tuyên giáo phải được số hóa.

Thực hiện chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo thì tất yếu cũng phải hình thành được *phương thức công tác tuyên giáo số*. Phương thức công tác tuyên giáo số tương thích nhất, hợp lý nhất trong tiến trình chuyển đổi số quốc gia phải là *phương thức công tác tuyên giáo đa linh hoạt*.

Với tính đa linh hoạt trong phương thức hoạt động, phương thức công tác tuyên giáo số giúp cho hoạt động tuyên giáo diễn ra mọi lúc, mọi nơi, giúp cho người nghe, người tiếp thu, người đối thoại có thể cá nhân hóa và chủ động quyết định việc lựa chọn nội dung công tác tuyên giáo theo nhu cầu của bản thân và theo mục đích đã được thiết lập; giúp cho việc hình thành mô hình chuyển giao kiến thức và cách thức công tác tuyên giáo theo phương thức đối thoại giữa chủ thể công tác tuyên giáo với đối tượng có nhu cầu.

Do tầm quan trọng của phương thức công tác tuyên giáo số nên cần phải tạo dựng và kích hoạt được những phẩm chất tích cực của người nghe, người đối thoại, từ đó tạo sự độc lập tương đối khi trao đổi, tìm hiểu công tác tuyên giáo, có được môi trường tự do, dân chủ và chính điều này sẽ tạo thuận lợi cho những tư duy mới, tư duy đột phá, tư duy sáng tạo trong công tác tuyên giáo ra đời. Đương nhiên, trong điều kiện của phương thức công tác tuyên giáo số cũng phải có được sự giám sát mà thông qua đó để có thể củng cố niềm tin, giữ được tính chính trị - tư tưởng, tăng cường định hướng dư luận xã hội trước những vấn đề mới nảy sinh cho cả chủ thể công tác tuyên giáo lẫn đối tượng người nghe, người đối thoại một cách kịp thời.

Trong phương thức công tác tuyên giáo số còn phải được *gắn kết*

số. Gắn kết số trong môi trường công tác tuyên giáo số là nhằm đến làm cho hoạt động của công tác tuyên giáo không còn “kính viện” chỉ giới hạn trong khuôn viên thuyết trình khép kín, mà được mở rộng kết hợp và thiết lập sự liên kết giữa các yếu tố công tác tuyên giáo Đảng - người dân - xã hội, tạo điều kiện cho việc đổi mới, sáng tạo và tạo ra tính thiết thực, tính thực tiễn của công tác tuyên giáo.

Thứ tư, môi trường công tác tuyên giáo phải được số hóa.

Với tư cách là cầu phần tất yếu của công tác tuyên giáo, khi thực hiện chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo thì tất yếu cũng phải tạo dựng được *môi trường số về công tác tuyên giáo*. Môi trường số về công tác tuyên giáo hay *môi trường công tác tuyên giáo số* chính là sự tích hợp hóa, dân chủ hóa các quá trình hoạt động và tương tác trong công tác tuyên giáo. Với những ưu thế như vậy, môi trường công tác tuyên giáo số sẽ tạo ra các cơ hội để tăng khả năng giao lưu và sự linh hoạt cho người nghe, người tiếp thu, người đối thoại trong không gian và thời gian thực - ảo, môi trường công tác tuyên giáo thực - ảo dựa trên nền tảng số. Nhờ phương thức công tác tuyên giáo số này mà tăng tính tương tác cá nhân hóa cao độ trong tổ chức hoạt động tuyên giáo với người nghe, người tiếp thu, người đối thoại thông qua các “gói” nội dung mới linh hoạt về tuyên giáo; tăng cơ hội, lịch trình, thời gian, không gian tương tác, trao đổi, đối thoại mở và môi trường trao đổi thực - ảo về tuyên giáo.

Từ những phân tích trên cho thấy, muốn tiến hành được chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo thì cũng phải tạo lập được và vận hành được môi trường công tác tuyên giáo số.

Thứ năm, nền tảng công nghệ cho hoạt động công tác tuyên giáo cũng phải được số hóa.

Điều kiện và tiền đề tiên quyết cho chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo chính là phải có được nền tảng số cho công tác tuyên giáo. Nền tảng số, tức là tạo dựng *công nghệ số* cho công tác tuyên giáo. Thực chất của nền tảng số trong công tác tuyên giáo chính là phải xác lập cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xem đó là điều kiện quyết định để triển khai chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo. Đây chính là bước chuyển sang thời đại công nghệ số trong công tác tuyên giáo.

Lộ trình xây dựng nền tảng số cho công tác tuyên giáo cần dựa trên những thay đổi từng bước từ việc thay đổi nhận thức để hình thành tri thức dựa trên việc sử dụng phương thức phù hợp cộng hưởng với đảm bảo nguồn lực và tổ chức thực hiện.

Như vậy, muốn có được chuyển đổi số trong công tác tuyên giáo thì một nền tảng số cho công tác tuyên giáo phải được thiết lập, khởi động triển khai và vận hành ngay nhằm tạo cơ sở, điều kiện cho việc hiện thực hóa để công tác tuyên giáo được chuyển đổi số. Đã đến lúc cần phải tận dụng cách mạng số nhằm số hóa công tác tuyên giáo để làm cho công tác tuyên giáo Đảng hoạt động thật sự tương thích, có hiệu quả và thiết thực□

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, t.I, tr.264-265

(2) <https://svvn.tienphong.vn/giao-duc-thong-minh-den-dau-van-can-nhung-nguoi-thay-tam-tuepost1394658.tpo20/11/2021>

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2022.- Số 9.- Tr.28-31.

**CHUYỂN ĐỔI SỐ THÔNG TIN KHOA HỌC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
GÓP PHẦN BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG,
ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH**

TS NGUYỄN MẠNH HẢI
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Thông tin khoa học là chất liệu chính, có vai trò quan trọng trong tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị là đòi hỏi tất yếu khách quan trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời là giải pháp đặc biệt quan trọng trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Từ khóa: Chuyển đổi số; Thông tin khoa học lý luận chính trị; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

1. Thông tin khoa học lý luận chính trị và vai trò của thông tin khoa học lý luận chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Thông tin khoa học là thông tin phản ánh bản chất của sự vật, hiện tượng mà nhà khoa học thu thập, phát hiện, sáng tạo được trong hoạt động khoa học; là nội dung, kết quả của sự phản ánh bản chất, những thuộc tính của thực tại khách quan được chất lọc, thu thập, sáng

tạo mới của hoạt động khoa học. Thông tin khoa học là sản phẩm của hoạt động khoa học, gắn và tùy thuộc vào năng lực hoạt động khoa học của con người.

Thông tin khoa học lý luận chính trị là một lĩnh vực, loại hình thông tin khoa học bởi nó được thu thập, sáng tạo từ hoạt động khoa học về lý luận chính trị. Tuy nằm trong hệ thông tin khoa học lý luận của nhân loại nhưng thông tin khoa học lý luận chính trị được giới hạn ở sự phản ánh của hoạt động khoa học về lĩnh vực chính trị: Hoạt động chính trị; nghiên cứu tổng kết thực tiễn các quan hệ chính trị - xã hội; nghiên cứu quan điểm, hệ thống, học thuyết về chế độ chính trị - xã hội, quan hệ giai cấp, nhà nước, cách mạng xã hội, dân tộc, đảng phái... Thông tin khoa học lý luận chính trị cũng được thể hiện dưới các dạng tài liệu phổ biến như: Sách khoa học, tạp chí khoa học, tài liệu xám, cơ sở dữ liệu, dữ liệu nghiên cứu...

Thông tin khoa học lý luận chính trị vừa đảm bảo tính khoa học, vừa đảm bảo tính giai cấp. Thông tin khoa học lý luận chính trị được hình thành, kiểm chứng từ thực tiễn, nhưng cũng có vai trò dẫn dắt thực tiễn. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng lý luận và công tác lý luận. Người chỉ rõ: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế./Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”⁽¹⁾; “Làm mà không có lý luận thì không khác gì đi mò trong đêm tối, vừa chậm chạp vừa hay vấp vấp”⁽²⁾.

Đặc biệt, trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin khoa học lý luận chính trị là chất liệu, là công cụ chủ đạo. Bởi đây là cuộc đấu

tranh trên mặt trận tư tưởng chính trị, vũ khí chính là thông tin.

Trong điều kiện hiện nay, sự bùng nổ thông tin đã và đang đặt ra thách thức cho công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Vì thế, để có thể thực hiện tốt nhiệm vụ sống còn, quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân này, phải tổ chức toàn diện, huy động mọi lực lượng, nguồn lực cho công cuộc này, trong đó, xây dựng được một hệ thống thông tin khoa học nói chung và thông tin khoa học lý luận chính trị nói riêng là hết sức cần thiết và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, thông tin khoa học lý luận chính trị hiện nay còn nhiều hạn chế, bất cập về thu thập, tổ chức quản lý và sử dụng như: Thông tin được hiển thị bởi nhiều loại hình vật mang tin khác nhau (tài liệu in, tài liệu đánh máy chữ, bản chép tay, tài liệu nghe nhìn, tài liệu dạng vi phim, tài liệu số...); chưa có đầu mối thống nhất quản lý chung toàn hệ thống; tài liệu trùng lặp nhiều do phải sử dụng riêng lẻ, thậm chí trùng lặp ngay trong một cơ quan, tổ chức; tài liệu điện tử chưa có cấu trúc thống nhất chung, đa số ở dạng file đính kèm... Để khắc phục những hạn chế này, đồng thời phát huy tốt nhất giá trị và vai trò của thông tin khoa học lý luận chính trị cần tranh thủ cơ hội của thời đại - Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để *chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị*.

2. Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị và vai trò của chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Ngày 27-9-2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách phải đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Ngày 03-6-2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Điều này cho thấy, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia đầu tiên có nhận thức chính thức về chuyển đổi số tầm quốc gia. Đến Đại hội XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định, chuyển đổi số quốc gia là định hướng chiến lược, là nhiệm vụ đột phá, do đó cần “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”⁽³⁾.

Chuyển đổi số là cuộc cách mạng thông minh, làm chuyển đổi toàn diện mọi mặt hoạt động của con người, tổ chức, xã hội từ không gian thực lên không gian số với các thành tố chính như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, nền tảng số... Cuộc chuyển dịch này diễn ra với tốc độ nhanh chóng nhờ sử dụng công nghệ số hay ứng dụng công nghệ số trên cơ sở các dữ liệu đã được số hóa để thay đổi mô hình nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh nhằm tạo ra nhiều cơ hội và giá trị mới, cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động, tính cạnh tranh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Chuyển đổi số được thực hiện trên 6 nguyên lý cơ bản: Tổng thể, toàn diện, đồng bộ, đột phá, chính chủ và lãnh đạo. Mọi thành viên, mọi bộ phận trong xã hội, trong mỗi tổ chức đều phải tham gia, tất cả các quy trình, các hoạt động đều cần được xem xét chuyển đổi số.

Thông tin khoa học lý luận chính trị là nội dung cần thiết phải chuyển đổi số và chuyển đổi số sớm.

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị cũng như chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực khác bao gồm: Số hóa và công nghệ số. Số hóa là quá trình chuyển đổi tương tự thông tin, dữ liệu từ các đối tượng thực (vật lý) như: Văn bản trên giấy, micro film, film, giấy ảnh, băng ghi âm, ghi hình... sang dạng số (điện tử) - tín hiệu số mà máy tính đọc, lưu trữ và xử lý được. Toàn bộ thông tin, dữ liệu đã số hóa được tổ chức thành cơ sở dữ liệu, big data. Công nghệ số là việc sử dụng hay ứng dụng các công nghệ sử dụng thông tin, dữ liệu số để thay thế các hoạt động thực của con người sang hoạt động số đem lại những cơ hội tạo ra giá trị mới và gia tăng giá trị đã có từ trước. Thậm chí nó làm thay đổi hoàn toàn phương thức hoạt động để tạo ra giá trị vượt trội. Các công nghệ thường biết đến như: Công nghệ nền tảng số, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo...

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị giúp xây dựng được hệ thống dữ liệu về tri thức khoa học, thông tin khoa học, dữ liệu tổng thể, đầy đủ và hệ thống về lý luận chính trị, bao gồm cả dữ liệu có cấu trúc và không có cấu trúc, tiến tới tạo lập big data. Hiện nay, thông tin khoa học nói chung và thông tin khoa học lý luận chính trị nói riêng đang được phát triển và quản lý độc lập, riêng lẻ bởi đơn vị, cá nhân có tác quyền, một số đơn vị có chức năng thu thập, lưu trữ, quản lý thông tin khoa học có phát triển thông tin mở rộng nhưng chưa đầy đủ, hệ thống và thống nhất, thậm chí trùng lặp.

Hiện nay, đa số các nguồn tài liệu vẫn đang ở dạng vật lý (bản in). Mặc dù trong những năm gần đây, tài liệu dạng số được phát triển

tăng lên nhưng vẫn chủ yếu là siêu dữ liệu, số ít được số hóa toàn văn nhưng chưa hoàn thiện, mới ở dạng file số đính kèm được tạo lập từ nhiều công cụ ứng dụng công nghệ thông tin khác nhau, chưa chuẩn hóa khổ mẫu đọc máy Marc21 - chuẩn dữ liệu chung quốc tế. Do đó, chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị giúp chuẩn hóa thông tin khoa học lý luận chính trị theo một cấu trúc, quy chuẩn thống nhất, đồng bộ. Chuẩn quốc tế về dữ liệu đọc máy là chuẩn Marc21, được áp dụng phổ biến và rộng khắp trong lĩnh vực thư viện. Các thư viện ở Việt Nam như: Thư viện Quốc gia, Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... đã sử dụng chuẩn này trong hoạt động thư viện số. Chuẩn hóa dữ liệu sẽ giúp liên thông, chia sẻ, kết nối dữ liệu từ nhiều bộ sưu tập với nhau. Dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau sẽ được xem xét, đồng bộ tạo thành một hệ thống dữ liệu thống nhất, đầy đủ, khoa học, không trùng lặp và làm cho thông tin khoa học nói chung, thông tin khoa học lý luận chính trị nói riêng thống nhất về nội dung như: Chuẩn phân loại, chuẩn từ khóa, chuẩn chủ đề, chuẩn mã định danh...

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị giúp đáp ứng nhanh chóng, đầy đủ, chính xác nhu cầu của người dùng tin và yêu cầu thẩm định, xác minh, đối chiếu giá trị và nguồn thông tin. Thông qua dữ liệu lớn, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo..., người dùng tin có thể truy vấn thông tin một cách nhanh chóng, gần như là tức thì, chính xác và toàn diện nhất. Người dùng tin có thể được hỗ trợ tự động xử lý, phân tích, tổng hợp thông tin, thậm chí được đề xuất thông tin mới từ dữ liệu và kho thông tin có sẵn thông qua công nghệ trí tuệ nhân tạo.

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị tạo ra một hệ

thông tin (có thể tiến tới big data) khoa học về lý luận chính trị quốc gia thống nhất, tập trung, đồng bộ, chia sẻ, kết nối và dùng chung. Với các công nghệ mới như công nghệ nền tảng số, điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật..., chuyển đổi số sẽ giúp cho thông tin khoa học lý luận chính trị phát triển và góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị giúp thông tin khoa học được tổ chức và cung cấp tự động theo mục đích, chủ đề, nội dung mà nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu yêu cầu. Trong nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đặc biệt là đấu tranh làm thất bại âm mưu “phi chính trị hóa quân đội” của các thế lực thù địch, có thể thông qua công nghệ trí tuệ nhân tạo, công nghệ nền tảng và dữ liệu lớn, internet vạn vật... để tự động đưa ra tập hợp các thông tin khoa học quân đội, mối quan hệ giữa quân đội và chính quyền với cách mạng; về vai trò to lớn của quân đội trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam; về những minh chứng thất bại và bài học được rút ra từ việc “phi chính trị hóa” quân đội Xôviết... (nếu đã có trong cơ sở dữ liệu) để ngay lập tức, tự động truy cập và cung cấp cho người dùng tin.

Để phục vụ công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, ngoài việc xây dựng hệ thống thông tin khoa học lý luận chính trị, chuyển đổi số còn có thể tạo lập hệ thống thông tin trái chiều, phản khoa học để dễ dàng nhận diện và đấu tranh phản bác theo yêu cầu. Việc xây dựng, cập nhật hệ thống thông tin trái chiều, xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch

sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như hoạt động thực tiễn, đặc biệt là trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Tóm lại, chuyển đổi số thông tin khoa học lý luận chính trị là việc cần làm, nên làm và làm sớm vì nó giúp phát triển hoàn thiện đáng kể hệ thống thông tin khoa học lý luận chính trị, qua đó góp phần quan trọng trong hoạt động khoa học và góp phần đắc lực trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch□

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.5, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.273-274

(2) Hồ Chí Minh, *Sđd*, t.6, tr.357

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.46

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.

2. Nguyễn Mạnh Hùng, *Chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới*, <https://ictvietnam.vn>, ngày 19-02-2021.

3. Cao Minh Kiểm, *Chuyển đổi số trong phát triển tài nguyên thông tin khoa học và công nghệ số*, Tạp chí Thông tin và Tư liệu, số 01-2020, tr.17-31.

4. Nguyễn Xuân Thắng, *Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*, Tạp chí Khoa học chính trị, số 3-2021, tr.3-7.

Nguồn: Tạp chí Thông tin Khoa học lý luận chính trị.- 2022.- Số 1(83).- Tr.16-19.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

TS PHẠM QUẾ HẰNG

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Email: Phamhang1710@gmail.com

Nhận ngày 25 tháng 7 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 9 năm 2021.

Tóm tắt: Với sự kết hợp của bốn công nghệ: điện toán đám mây, dữ liệu lớn, kết nối vạn vật và trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số đang đem đến những cơ hội phát triển vượt bậc cho xã hội hậu công nghiệp. Tuy nhiên, nó cũng dẫn đến những thách thức đối với việc quản lý điều hành và đảm bảo an ninh quốc gia. Những tác động của chuyển đổi số đến việc đảm bảo an ninh tư tưởng của Đảng; đề xuất những giải pháp đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh chuyển đổi số nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đưa đất nước phát triển ổn định và bền vững là những nội dung được đề cập trong bài viết.

***Từ khóa:** chuyển đổi số; an ninh quốc gia; đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng; giải pháp.*

Abstract: With the support of four technologies namely cloud computing, big data, Internet of things and artificial intelligence, digital transformation has yielded unprecedented opportunities for development in the post-industrial society. However, it poses challenges for governance and national

security. This article discusses the influence of digital transformation on Party's ideological security, solutions to combat wrong, hostile views in the context of digital transformation to ensure the leadership of the Party and State and the stable, sustainable development of the country.

Keywords: digital transformation; national security; defend ideological foundation; solution.

Chuyển đổi số là một khái niệm còn mơ hồ với nhiều định nghĩa và cách hiểu. Một số nghiên cứu cho rằng, chuyển đổi số là sự hợp lưu của các công nghệ: điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big data), Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI) khi ứng dụng trong các khía cạnh của các doanh nghiệp/tổ chức. Quan niệm khác cho rằng đó là sức mạnh của việc sử dụng công nghệ số để thay đổi mô hình và cách thức hoạt động doanh nghiệp nhằm tạo ra giá trị kinh tế. Nhìn chung, chuyển đổi số có thể được hiểu là việc ứng dụng công nghệ số và các phân tích dữ liệu nâng cao để thay đổi toàn bộ cách thức hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức nhằm tối ưu hiệu quả và tạo ra giá trị mới. Tuy nhiên, chuyển đổi số không chỉ đơn giản là sự nâng cấp các thể hệ công nghệ mới, hay số hóa, mà chuyển đổi số là một quá trình sử dụng các công nghệ đột phá như điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, để phân tích, biến đổi các dữ liệu đã được số hóa để tối ưu hóa hoạt động và hiệu suất công việc.

Trong giai đoạn hiện nay, loài người chúng ta đang chứng kiến những tác động mạnh mẽ của chuyển đổi số lên tất cả các lĩnh vực của các doanh nghiệp/tổ chức với sự ra đời của các công ty như Amazon, Google, Ebay, Netflix. Spotify... các ngành dịch vụ vận chuyển như

Uber, Grap, các loại hình giao dịch kỹ thuật số như OpenTapl. Chuyên đổi số cũng gõ cửa hàng loạt các lĩnh vực khác như ứng dụng dữ liệu lớn vào dịch vụ tài chính, quản lý đầu tư, bán lẻ và thanh toán trong tài chính ngân hàng, sử dụng trí tuệ nhân tạo nhằm cải thiện chi phí, năng suất, hiệu quả trong cơ khí, điện lực hay chăm sóc y tế...

Có thể nói rằng, không có một doanh nghiệp hay cơ quan chính phủ nào nằm ngoài xu thế của chuyên đổi số. Đơn cử như việc lưu trữ dữ liệu của một cơ quan chính phủ, để đảm bảo việc thu thập, quản lý thông tin theo thời gian, sự phát triển của công nghệ lưu trữ thông tin cho phép người ta sử dụng những con chip có thể xử lý được dãy số nhị phân 64-bit với tốc độ 15.7 ngàn tỷ phép tính một giây, cùng với sự xuất hiện của dịch vụ điện toán đám mây co giãn do các công ty AWS, Azure, IBM... cung cấp đã thay thế cho việc sử dụng giấy tờ, sổ sách hay thẻ đục lỗ ra đời vào năm 1970, chúng ta sẽ không bị giới hạn khi lưu trữ thông tin và gặp khó khăn khi tra cứu dữ liệu. Những thay đổi mang tính chất cách mạng đang diễn ra ở nhiều cơ quan chính phủ của các nước trên thế giới. Bộ Quốc phòng Mỹ đã đầu tư hàng chục triệu đô la vào cơ quan đổi mới sáng tạo Quốc phòng để tăng cường sự kết nối với thung lũng Silicon và lĩnh vực công nghệ. Chính phủ các quốc gia châu Âu cũng tăng cường sử dụng dữ liệu lớn vào lĩnh vực quản lý công, các nỗ lực này diễn ra trên hầu hết các hoạt động như quản lý trả lương hưu, thu thuế, ghi dữ liệu giao thông, ban hành các văn bản chính thức... Nhận thức rõ ưu thế cũng như những tác động mãnh liệt của chuyên đổi số, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương nhanh chóng đón nhận và bắt kịp để tạo ra cơ hội, lợi thế cạnh tranh cũng như sự lớn mạnh của đất nước trong tương lai. Nghị quyết

Đại hội Đảng XIII, Báo cáo Chính trị về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27.9.2019 đã xác định rõ mục tiêu cấp bách đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, ngày 3.6.2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 nêu rõ chủ trương xây dựng chính phủ số, phát triển kinh tế số trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Mục tiêu của chương trình chuyển đổi số quốc gia không chỉ dừng lại ở mức độ nâng cao năng lực cạnh tranh kinh tế, kinh tế số chiếm 30% GDP, gia tăng tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, từng lĩnh vực, mà quan trọng hơn là đưa Việt Nam trở thành một trong 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng. Để đạt được mục tiêu đó, cần xác định việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phòng, chống các quan điểm sai trái, thù địch là một nhiệm vụ then chốt trong kiến tạo nền móng chuyển đổi số.

Những thập kỷ gần đây, tác động của chuyển đổi số đối với xã hội ngày càng mạnh mẽ, không thể tưởng tượng cuộc sống hàng ngày sẽ diễn ra như thế nào nếu như chúng ta không sử dụng các tiện ích của công nghệ số. Phần lớn mọi người đều làm việc với máy tính và kiểm tra thiết bị di động của họ nhiều lần mỗi ngày, các hoạt động mua sắm, giao lưu, tìm kiếm cơ hội việc làm, hợp tác phát triển diễn ra trên không gian mạng ngày càng tăng, các cuộc trò chuyện trên các ứng dụng như Messenger, Snapchat, Zalo... trở nên phổ biến, các thông tin trên các mạng xã hội như Tweet, Facebook, Tictok, Doyin... là một phần không thể thiếu trong đời sống của mỗi cá nhân, đặc biệt

là thể hệ trẻ. Bên cạnh những tiện ích không thể phủ nhận, cần phải thấy rằng thông tin trên mạng xã hội như hình ảnh, bài đăng, clip, cuộc trò chuyện... đều có thể tác động đến sự thật, lòng tin, hành vi và cuộc sống của mỗi cá nhân. Sự kết nối chặt chẽ giữa con người và các phương tiện kỹ thuật số trong xã hội hiện đại đã làm giảm mức độ tương tác với những người xung quanh và hạn chế sự liên hệ với cuộc sống thực. Mọi tìm kiếm đều có sẵn trên Internet, mỗi cú nhấp chuột là một lượng thông tin lớn được truyền tải đến người dùng, trong đó không thiếu những thông tin xấu, độc hại, xuyên tạc. Nhu cầu truy cập, tìm kiếm mỗi ngày càng lớn, sự kết nối với cuộc sống thực, với mọi người xung quanh ngày càng giảm, dẫn đến khả năng nhận biết và sàng lọc thông tin sẽ bị hạn chế, điều này tạo cơ hội cho các tổ chức, thế lực thù địch lợi dụng tấn công vào an ninh tư tưởng, làm suy yếu niềm tin của nhân dân theo nhiều cách khác nhau và dễ dàng hơn.

Nhận diện và đấu tranh với những thủ đoạn của thế lực phản động lợi dụng các phương tiện kỹ thuật số để tấn công vào nền tảng tư tưởng của Đảng là một yêu cầu then chốt của nhiệm vụ xây dựng đất nước trong bối cảnh chuyển đổi số. Sự phát triển của công nghệ hiện đại đã mở ra kỷ nguyên thông tin với nhiều tiện ích không thể phủ nhận của các phương tiện kỹ thuật số như tính mở, tương tác đa chiều, tích hợp đa phương tiện, không hạn chế về không gian, nguồn tin phong phú, đa dạng, dễ truy cập... đã khiến các quốc gia trên thế giới phải nhìn nhận và cân trọng hơn về quyền lực chính trị và an ninh quốc gia. Các quốc gia như Mỹ, Nga, Trung Quốc đều có các chính sách nhằm xác định những nguy cơ tiềm ẩn và đối phó với các cuộc tấn công, tuyên truyền thông tin sai lệch, thao túng phương tiện truyền

thông xã hội nhằm gây ảnh hưởng đến các chính sách và lợi ích an ninh quốc gia của họ. Các cuộc tấn công vào Facebook, Target, Matcard, Adobe, Equachus, JP Morgan Chase, Bộ Ngoại giao Mỹ hay cuộc tấn công vào Văn phòng Quản lý nhân sự Mỹ đánh cắp 21,5 triệu tài liệu trong đó gồm kết quả thẩm vấn nhân thân và hồ sơ tuyệt mật của 4 triệu người ở Mỹ gần đây⁽¹⁾ là một minh chứng rằng bất cứ nước nào cũng phải đối phó với những nguy cơ tiềm tàng về an ninh mạng, an ninh quốc gia.

Là một trong số các quốc gia có tốc độ tăng trưởng Internet và mạng xã hội nhanh của thế giới, tính đến tháng 1 năm 2020, nước ta có 68,17 triệu người (chiếm 70% dân số) sử dụng Internet (đứng thứ 12 trên thế giới và thứ 6 châu Á), 65 triệu người (chiếm 67% dân số) sử dụng mạng xã hội, chủ yếu là Facebook (đứng thứ 7 trong số 10 quốc gia sử dụng Facebook nhiều nhất), trong đó đa phần là thanh niên, trí thức trẻ⁽²⁾, các nguy cơ tấn công vào an ninh tư tưởng, an ninh mạng của nước ta trở nên thường trực hơn. Tận dụng các ưu thế của không gian mạng, các phương tiện truyền thông cũng như các đặc điểm về người dùng ở nước ta, các thế lực thù địch đã sử dụng hàng loạt các trang tin điện tử, các website, thư điện tử, các ứng dụng Zalo, Messenger, các đài phát thanh tiếng Việt... để tung lên những ấn phẩm, tin tức xấu độc, các hình ảnh giật gân từ các trang tin nước ngoài nguy tạo thành hình ảnh trong nước chèn vào các nội dung xuyên tạc nhằm mục đích làm suy giảm niềm tin, gây chia rẽ nội bộ, làm mất ổn định chính trị và an ninh tư tưởng ở đất nước ta. Những thủ đoạn của chúng ngày càng diễn ra tinh vi và phức tạp nhằm phủ nhận học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng còn ra

sức phủ nhận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, công kích đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, để thực hiện thành công mưu đồ gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ, dẫn đến “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, các thế lực thù địch đã tìm mọi cách xuyên tạc, bôi nhọ cán bộ và đảng viên. Một mặt chúng lợi dụng kết quả của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, xử lý cán bộ, đảng viên sai phạm do không nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, thiếu kiến thức, kinh nghiệm và bản lĩnh để xuyên tạc, tuyên truyền, vu cáo là “đấu đá nội bộ”, “phe cánh”, “trả thù cá nhân”, mặt khác chúng bịa đặt, đưa ra những tin tức sai trái về đời tư, tình trạng sức khỏe, nhân phẩm, trình độ, năng lực của cán bộ, đảng viên để gây ra hoang mang, nghi ngại trong nhân dân. Bên cạnh đó, các nguy cơ tấn công đe dọa an ninh mạng cũng là một vấn đề cấp thiết trong bối cảnh chuyển đổi số và đại dịch Covid-19 hiện nay. Một số nghiên cứu quốc tế đã đề cập đến mối nguy của vũ khí không gian mạng sử dụng công nghệ AI và các phương pháp tiên tiến khiến đối thủ không thể nhận biết, hoặc chỉ thu về tin rác và thông tin sai lệch⁽³⁾, các cuộc tấn công đánh cắp dữ liệu và khai thác quyền truy cập thông qua các công nghệ mới. Kể từ năm 2020, do dịch bệnh bùng phát, các cơ quan và tổ chức ở nước ta đã phải chuyển đổi sang hình thức làm việc từ xa qua Internet và các phần mềm làm việc trực tuyến. Điều này đã dẫn đến việc những kẻ xấu lợi dụng để khai thác lỗ hổng an ninh, cài virus để đánh cắp thông tin và dữ liệu. Theo số liệu của hệ thống giám sát an ninh mạng của Bkav, cuối tháng 12 năm 2020, nước ta đã ghi nhận các cuộc tấn công có chủ đích xâm nhập vào các cơ quan, tổ chức quan trọng nhằm đánh cắp dữ liệu⁽⁴⁾. Các hoạt động này nhằm mục đích tìm kiếm những

thông tin về chính trị, kinh tế, quân sự để lồng ghép các nội dung xuyên tạc nhằm gây ảnh hưởng, tấn công đến các chính sách và đe dọa an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia của đất nước ta.

Thực tế cho thấy, trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng, các phương tiện truyền thông đang gặp phải không ít khó khăn do các thế lực thù địch đã sớm tìm cách chiếm lĩnh không gian mạng và xác định đây là địa hạt quan trọng có sự chuẩn bị về tài chính và công nghệ, trong khi do một số nơi lực lượng và cơ sở vật chất của chúng ta còn non yếu, nhiều cán bộ, đảng viên thiếu ý thức trách nhiệm trong đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, các thông tin lệch lạc. Chính vì vậy, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh chống các quan điểm sai trái thù địch là một nhiệm vụ quan trọng, cần có những giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ an ninh tư tưởng, an ninh quốc gia. Mỗi cán bộ, đảng viên cần phải có ý thức tự rèn luyện bản lĩnh chính trị, giữ vững niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn nêu cao tinh thần nêu gương trong cuộc chiến chống lại quan điểm sai trái, thù địch, chủ động phản bác lại những thông tin xấu, độc và đóng vai trò tiên phong, lan tỏa những thông tin tích cực, tuyên truyền định hướng dư luận xã hội.

Thứ hai, xây dựng nhận thức về chuyển đổi số và phát huy vai trò của người dân trong quá trình chuyển đổi số. Cần xác định chuyển đổi là một xu thế tất yếu vừa tạo ra cơ hội lẫn thách thức cho đất nước, đảm bảo an ninh quốc gia, giữ vững an ninh tư tưởng của đất nước là

một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, trong đó người dân đóng vai trò trung tâm. Máy tính và thiết bị di động thông minh chính là phương tiện gắn liền với mỗi người dân trong quá trình chuyển đổi số. Chính vì vậy để kịp thời ngăn chặn các nguy cơ xâm phạm đến nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như quyền riêng tư của mỗi người dân, cần phải ban hành và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các chính sách, quy định cụ thể về việc chia sẻ dữ liệu, xác thực điện tử, bảo đảm dữ liệu và quyền riêng tư của mỗi cá nhân về chế độ báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước. Bên cạnh đó, để nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi người dân về an ninh tư tưởng trong quá trình tham gia vào chuyển đổi số, cần tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia trong việc xây dựng một bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin, hình thành văn hóa số trên các cơ sở giá trị đạo đức truyền thống và giá trị đạo đức căn bản của nhân loại, nhằm nâng cao trách nhiệm, tinh thần thượng tôn pháp luật và ý thức đấu tranh của mỗi người dân với những thủ đoạn xâm phạm an ninh tư tưởng.

Thứ ba, xây dựng và từng bước triển khai hệ thống quản lý không gian mạng xã hội, kịp thời phát hiện, xác định các thông tin sai lệch, xuyên tạc, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý, gỡ bỏ. Tận dụng tối đa những lợi thế về công nghệ thông tin và mạng lưới báo chí chính thống, chủ động đưa tin phản ánh kịp thời nhằm ngăn ngừa các thông tin xấu độc và định hướng dư luận xã hội. Bên cạnh đó cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nắm bắt tình hình dư luận xã hội của qua trang Fanpage, các Group, Blog..., xây dựng các trang Facebook, Tweet, Zalo với những tin tức đề cao tinh thần đoàn kết, tương thân

tương ái, những tấm gương người tốt, việc tốt,... lan tỏa các nhân tố tốt đẹp nhằm góp phần loại bỏ những thông tin xấu, độc hại. Cùng với hệ thống quản lý không gian mạng, cần thiết phải có hệ thống giám sát, cảnh báo nguy cơ, rủi ro cho chuyển đổi số, xử lý các sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, bước đầu cần xác định các doanh nghiệp và tổ chức phải có hệ thống cơ sở hạ tầng và nền tảng số có khả năng đảm bảo thông tin tin cậy, an toàn, lành mạnh, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công và bảo vệ an ninh ở mức cơ bản.

Xây dựng chính phủ số, kinh tế số và xã hội số là một xu thế tất yếu trong bối cảnh thông tin tăng tốc và sự phát triển vượt bậc của các phương tiện công nghệ ngày nay. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu đó, cần phải chú trọng đến đảm bảo an ninh quốc gia, bảo vệ an ninh tư tưởng của Đảng, nhận thức rõ những thủ đoạn của các thế lực phản động trong bối cảnh chuyển đổi số để có những giải pháp cần thiết, hữu ích nhằm tận dụng các lợi thế và vượt qua các thách thức đưa đất nước phát triển ổn định và bền vững□

(1), (3) Thomas M. Siebel (2021), *Digital Transformation*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh

(2) Ban Tuyên giáo Trung ương, *Thông tin tham khảo dành cho báo cáo viên*, tháng 1.2020

(4) Báo Nhân dân, *Toàn cảnh an ninh mạng Việt Nam năm 2020, tổn thất hơn 1 tỷ USD do virus máy tính*, tháng 1.2021

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.- 2021.- Số 9.- Tr.16-19.

PHẦN II
CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM
TỪ CHỦ TRƯỞNG ĐẾN THỰC TIỄN

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ
THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

GS, TS NGUYỄN TUẤN ANH
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài: 3-7-2022; Ngày bình duyệt: 4-7-2022; Ngày duyệt đăng: 15-7-2022.

Tóm tắt: Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng mà đã trở thành yêu cầu tất yếu khách quan đối với mỗi quốc gia và trong mọi lĩnh vực. Chuyển đổi số là phương thức quan trọng để thực hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước trong những thập niên tới. Bài viết phân tích làm rõ những nội dung cơ bản và đề xuất một số giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài QG.21.42: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý phát triển xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số phục vụ triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng” của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Từ khóa: Đại hội XIII của Đảng; chuyển đổi số; chính phủ số; kinh tế số; xã hội số.

Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, “Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của các cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số”⁽¹⁾. Quá trình này hướng đến mục tiêu “thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội”⁽²⁾.

Đảng và Nhà nước đã và đang đặc biệt quan tâm đến chuyển đổi số trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về *một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*. Một trong những quan điểm chỉ đạo quan trọng của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết là: “Chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là yêu cầu tất yếu khách quan; là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược đặc biệt quan trọng, vừa cấp bách vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng; đồng thời nhận thức đầy đủ, đúng đắn về nội hàm, bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để quyết tâm đổi mới tư duy và hành động, coi đó là giải pháp đột phá với bước đi và lộ trình phù hợp là cơ hội để Việt Nam bứt phá trong phát triển kinh tế - xã hội”⁽³⁾.

Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc “thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”⁽⁴⁾, “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia.

Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước và doanh nghiệp. Đầu tư trang bị các hệ thống thiết bị thu thập, lưu trữ, xử lý, bảo vệ dữ liệu công”⁽⁵⁾.

Trong các văn kiện của Đại hội XIII (*Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025*), có tới 21 lần Đảng nhấn mạnh cụm từ “chuyển đổi số”.

Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định: “Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia, phát triển *kinh tế số, xã hội số* để tạo bứt phá về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”⁽⁶⁾. Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030*, Đảng nhấn mạnh: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”⁽⁷⁾. Trong ba nhiệm vụ trọng tâm nhằm thực hiện các đột phá chiến lược, chuyển đổi số quốc gia được xác định ở nhiệm vụ thứ hai, cụ thể là: “Phát triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”⁽⁸⁾. Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 cũng xác định: “Hoàn thiện thể chế để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số”⁽⁹⁾. Điềm qua các văn kiện quan trọng của Đảng tại Đại hội XIII cho thấy, chuyển đổi số quốc gia là vấn đề có tính chiến lược trong đường lối phát triển đất nước,

là con đường, cách thức để hiện thực hóa khát vọng phát triển Việt Nam đến năm 2045.

Thực tiễn chuyển đổi số trên thế giới trong những năm gần đây đã và đang giúp các quốc gia đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, tăng năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Chẳng hạn, “vào năm 2025, mức độ tác động của chuyển đổi số tới GDP của nước Mỹ là khoảng 25%, còn ở các nước châu Âu là khoảng 36%”⁽¹⁰⁾. Ở khu vực ASEAN, “nếu các nước ASEAN chuyển đổi số mạnh mẽ, năm 2030 GDP của ASEAN có thêm 1.000 tỷ USD. Đối với Việt Nam, GDP năm 2030 sẽ tăng 100 tỷ USD”⁽¹¹⁾.

Từ kinh nghiệm chuyển đổi số quốc gia của các nước trên thế giới và thực tiễn chuyển đổi số ở Việt Nam, Đại hội XIII của Đảng đã xác định nội dung của chuyển đổi số quốc gia trong những năm tới là: “Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội”⁽¹²⁾. Như vậy, chuyển đổi số quốc gia được thực hiện trên ba phương diện cơ bản là kinh tế số, xã hội số và chính phủ số.

Về kinh tế số, Đại hội XIII xác định: “Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”⁽¹³⁾. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực kinh tế, Đảng đặc biệt chú trọng vai trò của doanh nghiệp: “Phát

triển mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tạo bút phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh...; lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số”⁽¹⁴⁾.

Đại hội XIII của Đảng đã có những chỉ dẫn cụ thể về chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực kinh tế. Chẳng hạn, trong lĩnh vực công nghiệp, Đại hội xác định: “Cơ cấu lại công nghiệp, nâng cao trình độ công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi sang công nghệ số, tập trung phát triển những ngành công nghiệp nền tảng, nhất là công nghiệp cơ khí, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế, có khả năng tham gia sâu, có hiệu quả vào các chuỗi giá trị toàn cầu”⁽¹⁵⁾. Trong “Phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025”, chủ trương của Đảng là: “Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ như công nghệ thông tin và viễn thông, điện tử, trí tuệ nhân tạo, sản xuất robot, công nghiệp ô tô, công nghệ sinh học, điện tử y sinh, sản xuất phần mềm, sản phẩm số, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh”⁽¹⁶⁾.

Đối với lĩnh vực nông nghiệp, Đại hội XIII yêu cầu: “Chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị”⁽¹⁷⁾. *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030* cũng đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

chuyển đổi số trong ngành nông nghiệp: “phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại... Phát triển mạnh nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái”⁽¹⁸⁾.

Như vậy, Đảng chủ trương phát triển nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đây là định hướng quan trọng đối với sản xuất nông nghiệp trên nền tảng của chuyển đổi số. Chẳng hạn như xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; đẩy mạnh cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai phục vụ quá trình sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi...

Về xã hội số, Đại hội XIII chú trọng chuyển đổi số trong những lĩnh vực quan trọng, nhất là giáo dục và y tế. Cụ thể là “đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực... y tế, giáo dục - đào tạo”⁽¹⁹⁾. Để giáo dục và đào tạo thích ứng với Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, Đại hội XIII chủ trương: “Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công dân toàn cầu)”⁽²⁰⁾.

Như vậy, một trong những yêu cầu quan trọng đối với giáo dục và đào tạo mà Đại hội XIII đã nhấn mạnh, đó là đào tạo công nghệ thông tin, công nghệ số. Điều này góp phần phát triển nguồn nhân lực của đất nước đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay.

Chuyển đổi số cũng là xu hướng chung trong lĩnh vực y tế. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã cho thấy nhiều nguy cơ đối với ngành y tế. Điều đó đòi hỏi chuyển đổi số trong y tế cần được thực hiện và thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đại hội XIII khẳng định: “Phát triển nguồn nhân lực, khoa học và công nghệ y tế. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện, phát triển hình thức khám, chữa bệnh trực tuyến. Nâng cao năng lực, chủ động phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới toàn diện hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng”⁽²¹⁾.

Những quan điểm chỉ đạo này cho thấy tầm quan trọng của chuyển đổi số trong việc nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và y tế dự phòng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tiếp nhận, quản lý bệnh nhân, chẩn đoán, tư vấn, điều trị, bảo đảm bí mật thông tin người bệnh, nhất là trên cơ sở các hình thức khám, chữa bệnh trực tuyến.

Về *chính phủ số*, Đại hội XIII xác định: “Đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số, trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; thiết kế đồng bộ, xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn, nhất là dữ liệu về dân cư, y tế, giáo dục, bảo hiểm, doanh nghiệp, đất đai, nhà ở, phục vụ kịp thời, hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phân đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh

tế số”⁽²²⁾.

Như vậy, Đại hội XIII đã xác định rõ những nội dung cơ bản nhằm xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số. Trong đó, có hai điểm rất quan trọng: thứ nhất là phát triển hạ tầng số; thứ hai là xây dựng, vận hành hệ thống tích hợp, kết nối liên thông các cơ sở dữ liệu lớn.

Với việc phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu lớn, sự vận hành của Chính phủ, của các cơ quan nhà nước sẽ hiệu quả hơn, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số. Cụ thể là “Thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng hướng tới cơ quan nhà nước “không giấy tờ”. Hoàn thiện các hệ thống thông tin một cửa điện tử, công dịch vụ công các cấp kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia. Hoàn thành kết nối, liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp và các doanh nghiệp. Hoàn thiện các quy trình, thủ tục hành chính phù hợp với hoạt động của chính phủ số, cắt giảm tối đa giao dịch trực tiếp”⁽²³⁾.

Trong thời gian tới, để đẩy mạnh chuyển đổi số thành công trên các phương diện kinh tế số, xã hội số, chính phủ số theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng, cần chú trọng một số giải pháp sau:

Một là, đổi mới tư duy và nhận thức về chuyển đổi số của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức và mọi người dân. Giải pháp “chuyển đổi số trước hết là chuyển đổi về nhận thức” được thể hiện rõ trong quan điểm chỉ đạo tại Đại hội XIII của Đảng: “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực

hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số”⁽²⁴⁾. Quyết định 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, đã chỉ rõ 6 quan điểm, trong đó quan điểm thứ nhất là: “Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số”, nhấn mạnh “Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức”⁽²⁵⁾. Như vậy, để tham gia vào tiến trình chuyển đổi số, mỗi cán bộ, người dân và doanh nghiệp cần nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số. Chìa khóa để đẩy nhanh sự chuyển đổi nhận thức nằm ở trong tư duy, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu và mọi người dân.

Hai là, đổi mới thể chế và chính sách để phục vụ quá trình chuyển đổi số. Để phục vụ quá trình chuyển đổi số thành công, Đại hội XIII đã nhấn mạnh việc: “Xây dựng khung khổ pháp luật, môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời, hoạt động của những lĩnh vực mới, mô hình kinh doanh mới. Tập trung sửa đổi những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, cản trở phát triển kinh tế”⁽²⁶⁾.

Để chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cần: *“Tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường, các loại thị trường. Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ, kể cả các dịch vụ công cơ bản. Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực. Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ theo các phương thức tổ*

chức, giao dịch văn minh, hiện đại, thương mại điện tử. Phát triển đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thị trường tài chính, tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm... trên nền tảng công nghệ số với kết cấu hạ tầng, công nghệ và phương thức giao dịch hiện đại”⁽²⁷⁾.

Như vậy, việc hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách là một yêu cầu lớn, một nội dung quan trọng, là mũi nhọn mang tính đột phá để chuyển đổi số thành công, qua đó phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Ba là, phát triển, hoàn thiện hạ tầng số. Phát triển hạ tầng số là một trong những yêu cầu cốt lõi của chuyển đổi số. Đại hội XIII đã chủ trương: “chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”⁽²⁸⁾. Cụ thể, “Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Phát triển hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin”⁽²⁹⁾.

Như vậy, việc phát triển hạ tầng số cần chú trọng đến hạ tầng thông tin; Internet băng thông rộng; hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, vùng và địa phương; kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

Như vậy, Đại hội XIII của Đảng đã đặt ra những yêu cầu quan trọng đối với chuyển đổi số; phát triển kinh tế số, xã hội số và chính phủ số để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh

tranh của nền kinh tế; thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của đất nước. Có thể nói, chuyển đổi số đã và đang là cuộc cách mạng của toàn dân. Cuộc cách mạng này chỉ thực sự thành công khi mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, mỗi người dân tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà chuyển đổi số mang lại và cần tận dụng tối đa mọi cơ hội để chuyển đổi số nhằm tạo động lực cho đất nước phát triển nhanh, bền vững trong những thập niên tới□

(1) Bộ Thông tin và Truyền thông: *Cẩm nang chuyển đổi số* (Tái bản có chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung năm 2021), Nxb. Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2021, tr.21

(2), (6), (7), (8), (12), (13), (14), (15), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (24), (26), (27), (28) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.208, 46, 214, 221, 208, 115, 221, 123, 124, 241, 247, 232-233, 151, 225, 213, 132, 132-133, 54

(3), (4), (5) Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, truy cập ngày 22-6-2022

(9), (16), (23), (29) ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.99, 105-106, 148-149, 123

(10), (11) Hiền Minh: *Phải chia sẻ và kết nối để vượt thách thức của chuyển đổi số*, <https://baochinhphu.vn/phai-chia-se-va-ket-noi-de-vuot-thach-thuc-cua-chuyen-doi-so-102284361.htm>, truy cập ngày 2/7/2022

(25) Thủ tướng Chính phủ: “*Quyết định Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*”, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, truy cập ngày 9/4/2020

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị.- 2022.- Số 533.- Tr.3-8.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ XÂY DỰNG VĂN HÓA THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC

TS NGUYỄN THỊ LAN ANH
Học viện Hành chính Quốc gia

1. Chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức và vai trò của thông tin, dữ liệu

Phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số, chuyển đổi số (CĐS) là yêu cầu tất yếu của xã hội công nghiệp 4.0 và được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, chỉ đạo quyết liệt trong thời gian qua. Chính phủ số nhờ dữ liệu số và công nghệ số cung cấp dịch vụ số tốt hơn, chăm sóc người dân tốt hơn. CĐS giúp người dân bình đẳng về cơ hội tiếp cận dịch vụ, đào tạo, tri thức, qua đó giúp thu hẹp khoảng cách số thông qua việc phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Chính vì vậy, mỗi cơ quan, tổ chức nhà nước cần có chiến lược và kế hoạch hành động CĐS.

CĐS cơ quan nhà nước là hoạt động phát triển chính phủ số của các cơ quan trung ương và tương ứng với đó là hoạt động phát triển chính quyền số, đô thị thông minh của các cơ quan chính quyền các cấp ở địa phương. CĐS cơ quan nhà nước tập trung vào phát triển hạ tầng số một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, cả trên thiết bị di động để người

dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

Chiến lược phát triển chính phủ số được xây dựng dựa trên tình hình phát triển chính phủ điện tử, xu thế phát triển chính phủ của các quốc gia thế giới và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Theo các chuyên gia, CDS là một quá trình đa dạng, không có con đường và hình mẫu chung cho tất cả, do vậy từng cơ quan, tổ chức cần xác định lộ trình riêng, thích hợp, có thể tham khảo một lộ trình gồm ba bước⁽¹⁾ như sau:

Bước 1: Có nhận thức và tư duy đúng về CDS. Với một tổ chức, nhận thức của lãnh đạo là điều kiện tiên quyết, để từ đó truyền nhận thức, cảm hứng, khát vọng và quyết tâm về CDS tới các nhân viên.

Bước 2: Xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động. Xác định trạng thái hiện tại và trạng thái cần đến để định rõ mục tiêu, gồm cả việc xác định mô hình hoạt động mới trong môi trường số, xây dựng kế hoạch hành động với các giai đoạn hợp lý, nội dung cụ thể.

Bước 3: Xác định công nghệ số chủ yếu trong lĩnh vực hoạt động cũng như các nền tảng cần có để hỗ trợ việc chuyển đổi. Từ đó, xây dựng năng lực số, gồm đào tạo nhân lực số, xây dựng thói quen, hình thành văn hóa đổi mới với mô hình hoạt động mới và thực hiện chuyển đổi.

Trong các bước này, bên cạnh yếu tố con người thì thông tin, dữ liệu là yếu tố quan trọng để bảo đảm mức độ sẵn sàng và thành công của CDS. Đối với các cơ quan nhà nước, mục tiêu cũng như thách

thức là chuyển đổi từ một hệ thống dữ liệu đóng trở thành dữ liệu mở, nhằm tạo kết nối chia sẻ dữ liệu. Bên cạnh đó, khi CDS, các cơ quan nhà nước cũng phải sử dụng hệ thống phân tích dữ liệu (có thể là AI) để số hóa các nguồn thông tin đầu vào mà không còn phụ thuộc vào giấy tờ, văn bản hành chính.

Có ba cấp độ của CDS đó là: số hóa (chuyển dữ liệu Analog sang dạng số); ứng dụng công nghệ số (quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để đơn giản hóa, tối ưu hóa, tăng hiệu quả của các hoạt động, chưa thay đổi thực sự mô hình kinh doanh, hoặc tạo ra doanh nghiệp mới) và CDS (quy trình, cách thức hoạt động mới; sản phẩm, dịch vụ mới; mô hình kinh doanh mới; loại hình doanh nghiệp mới). Trong thực tế với chính phủ điện tử, ở cấp độ 1, văn bản ở dạng file doc/pdf, số hóa các số liệu thống kê, văn bản, tài liệu, sử dụng chữ ký số. Ở cấp độ 2 có trực liên thông văn bản, eCabinet, điều hành điện tử. Ở cấp độ 3, ví dụ, xử lý kiến nghị của người dân, doanh nghiệp giảm các cơ quan/tổ chức trung gian dựa trên AI, Robots. Các dịch vụ do Chính phủ cung cấp để giải quyết vấn đề an sinh của người dân được tùy biến theo nhu cầu. Số hóa là điều cần thiết cho quá trình CDS, là một phần của CDS và việc đầu tiên cần làm là số hóa quy trình và các tài liệu.

Nhận định chung cho thấy, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chủ yếu đang ở giai đoạn số hóa, mức độ CDS thấp, CDS do hoạt động công nghệ dẫn dắt, do vậy, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quy trình số hóa ban đầu chắc chắn mang lại một số lợi ích ngắn hạn song dễ gây nên ảo tưởng thành công trong ngắn

hạn mà không tạo được thay đổi lâu dài. Hiện tại, nhiều cơ quan đã thực hiện số hóa nhưng lựa chọn quy trình nào, tài liệu gì để số hóa còn tùy thuộc vào việc lựa chọn thứ tự ưu tiên của mỗi cơ quan, tổ chức trên cơ sở hiểu rõ quy trình, tài liệu cần số hóa, mục đích số hóa là gì và làm thế nào để số hóa. Do đó, điều quan trọng là nhận thức, quyết tâm và chiến lược nhằm CDS chứ không phải công nghệ dẫn dắt CDS, có nghĩa là phải có chiến lược, hoạch định đầy đủ, rồi sau đó mới lựa chọn công nghệ.

Như vậy, để phát triển từ chính phủ điện tử từ nền tảng tin học hóa quy trình, cung cấp trực tuyến các dịch vụ hành chính công, thành Chính phủ số cần một hệ thống thông tin toàn diện để mô tả chính xác nhất hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước. Các thông tin này được tạo dựng dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia trong mọi lĩnh vực, được tích hợp thống nhất và chia sẻ bằng các công nghệ để đạt được hiệu quả cao nhất với chi phí ít nhất. Điều này đòi hỏi nhận thức và hành động của con người về thông tin và dữ liệu được tạo ra trong công việc và cuộc sống hằng ngày.

Kinh nghiệm của một số nước trong quản trị thông tin, dữ liệu số đã cho thấy tầm quan trọng của thông tin chất lượng cao trong khu vực công đối với việc xây dựng chính sách, ra quyết định và các dịch vụ liên cơ quan, tổ chức; sử dụng chúng một cách hiệu quả làm cơ sở cho sự công khai, chứng minh trách nhiệm giải trình và tính minh bạch bằng các hồ sơ và dữ liệu đáng tin cậy. Việc đầu tư vào quản lý hồ sơ kỹ thuật số và dữ liệu như là một phần của một khối tổng thể, với mục đích hài hòa cách thức thông tin được tạo lập, chia sẻ và được

sử dụng trên toàn quốc; hỗ trợ quản trị thông minh, tăng hiệu quả và hiệu quả chi phí của các dịch vụ công. Dữ liệu mở được coi là một khía cạnh quan trọng của chiến lược quản trị thông tin. Việc đạt được dữ liệu chất lượng tốt hơn và sử dụng hiệu quả hơn các dữ liệu liên quan đến các nguyên tắc quản lý áp dụng cho hồ sơ và sự hiểu biết rõ ràng về mối quan hệ giữa hai loại thông tin này. Lợi ích của việc quản lý hồ sơ, tài liệu và dữ liệu số:

Người dân có thể tin tưởng vào độ tin cậy, tính xác thực và tính toàn vẹn của thông tin; các cơ quan khu vực công có thể sử dụng chúng một cách hiệu quả để lập kế hoạch, giám sát chương trình, hoạt động và tài chính.

Có thể nhanh chóng theo dõi, liên kết và so sánh các chính sách, quyết định, hành động và tài chính một cách chính xác trong một khoảng thời gian dài.

Tính trách nhiệm và sự minh bạch được bảo vệ. Lịch sử hoạt động của hồ sơ cho thấy bất kỳ sự thay đổi hoặc sử dụng trái phép nào, giúp cho việc phát hiện và theo dõi tham nhũng.

Người dân có thể sử dụng hồ sơ công khai theo hệ thống và các quyền riêng tư được bảo vệ. Loại hồ sơ hạn chế sử dụng đều được quy định rõ.

- Hồ sơ có thể được di chuyển sang các định dạng mới và môi trường phần mềm và phần cứng khi cần thiết.

Các quy tắc tương thích được chuẩn hóa có thể được áp dụng có hiệu quả đối với giao diện hệ thống thông tin phân tán, chẳng hạn hệ

thống quản lý tài liệu, hệ thống kế toán hoặc các hệ thống thông tin cụ thể đối với hoạt động của một cơ quan và tái sử dụng thông tin.

Hồ sơ có thể được trích xuất một cách an toàn và có hệ thống từ các hệ thống kỹ thuật số đa dạng và chuyển tiếp sang bảo quản kỹ thuật số dài hạn để tiếp tục đáp ứng các nhu cầu về bằng chứng, hành chính, tài chính hoặc các nhu cầu minh chứng khác.

Việc mất mát thông tin được giảm đến mức thấp nhất. An toàn của việc bảo quản hồ sơ kỹ thuật số ở mức cao.

2. Văn hóa thông tin

Bộ công cụ “Văn hóa thông tin” được giới thiệu trên trang thông tin chính thức của Hội đồng Lưu trữ Quốc tế (International Council of Archives - ICA) cung cấp một khung phân tích để hiểu văn hóa quản lý thông tin của cơ quan, tổ chức và đưa ra các chiến lược tốt nhất có thể để phát triển và thúc đẩy quản lý hồ sơ tốt hơn, đặc biệt là hồ sơ thông tin số, bảo đảm vai trò làm bằng chứng, tính xác thực và độ tin cậy.

Phân tích văn hóa thông tin (VHTT) của tổ chức là việc tìm hiểu cách mọi người làm việc với thông tin họ cần để thực hiện công việc (thu thập dữ liệu); diễn giải sự ảnh hưởng của dữ liệu đó tới khung VHTT (phân tích dữ liệu) và kết hợp mọi thứ lại với nhau để tạo nên một bức tranh tổng thể về VHTT đặc trưng cho tổ chức (xây dựng hồ sơ thông tin).

Thứ nhất, thu thập dữ liệu. Thông qua các cuộc trao đổi, đối

thoại giữa lãnh đạo với nhân viên; trong các cuộc thảo luận nhóm hay cuộc họp để tìm hiểu cách mọi người thực sự sử dụng và quản lý thông tin trong công việc hàng ngày và những vấn đề, thách thức gặp phải; loại thông tin họ làm việc, cách họ làm việc với thông tin và tại sao họ làm theo cách đó, từ đó giúp nắm giữ các chìa khóa cho VHTT.

Thứ hai, phân tích dữ liệu. Cần tập trung vào ba điểm chính: cách giải quyết, thể loại và cơ sở hạ tầng để làm nổi bật các khía cạnh khác nhau của VHTT theo khung VHTT ba cấp độ theo hình kim tự tháp.

- *Cấp độ 1 (đáy kim tự tháp):* giá trị thông tin; sở thích thông tin; cơ sở hạ tầng công nghệ, đây là những thông tin có ảnh hưởng cơ bản đến cách thức thực hiện và thường là những ảnh hưởng sâu sắc, khó thay đổi nhất. Chẳng hạn, nhận thức về giá trị của thông tin và trách nhiệm của mỗi người, mỗi bộ phận đối với thông tin; sở thích sử dụng thông tin lời nói thay vì văn bản; thói quen giữ riêng thông tin cho cá nhân hoặc bộ phận của mình mà không muốn chia sẻ; có biết về Hệ thống quản lý hồ sơ và tài liệu điện tử (Electronic document and records management System - EDRMS) nhưng không thực hành lập hồ sơ trên hệ thống...

Cấp độ 2 (giữa kim tự tháp): năng lực liên quan đến thông tin; nhận thức về các yêu cầu. Cấp độ này liên quan đến các kỹ năng và chuyên môn liên quan để làm việc với thông tin và sử dụng công nghệ cũng như kiến thức về quy định và quy trình làm việc. Các yếu tố ở cấp độ này có thể cải thiện, chẳng hạn bằng hoạt động đào tạo, tập huấn.

Cấp độ 3 (đỉnh kim tự tháp): quản trị công nghệ thông tin. Cấp độ này đại diện cho các khía cạnh của văn hóa tổ chức, có liên quan đến quản lý thông tin và dễ thay đổi nhất. Điều này bao gồm mức độ mà mọi người tin tưởng vào các hệ thống lưu trữ hồ sơ đến đâu và do đó, họ có xu hướng sử dụng cũng như các quyết định quản trị công nghệ thông tin có ảnh hưởng đến các hệ thống lưu trữ hồ sơ, chẳng hạn như kích thước email, cấu hình tường lửa,...

Thứ ba, xây dựng hồ sơ thông tin: nội dung của hồ sơ thông tin bao gồm: (1) Mô tả các hệ thống, công cụ, cách thức đang được sử dụng; (2) Chỉ ra thực trạng, thói quen sử dụng văn bản, tài liệu giấy: các bản sao kỹ thuật số cá nhân được lưu giữ ngoài Hệ thống quản lý hồ sơ và tài liệu điện tử EDRMS; sử dụng các thư mục Outlook cho email thay vì EDRMS; thường đề nghị đồng nghiệp cung cấp thông tin hơn là tìm kiếm EDRMS; áp dụng phân loại bảo mật văn bản, tài liệu không cần thiết... (3) Phân tích lý do của hiện trạng: thiếu nhận thức, sự tin tưởng vào EDRMS; ngại thêm thao tác khi làm việc với EDRMS; chất lượng, tốc độ truy cập mạng...

Để thực hiện chính sách CDS của Chính phủ và của mỗi cơ quan, tổ chức, cơ quan, đơn vị lưu trữ chịu trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn và hướng dẫn để hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quyền hạn của mình nhằm đáp ứng các mục tiêu của môi trường làm việc không giấy tờ. Trên cơ sở khung VHTT, cơ quan, đơn vị lưu trữ phải xem xét thực tế và mức độ ảnh hưởng của từng cấp độ để xây dựng và phát triển các chiến lược và giải pháp phù hợp với bối cảnh.

VHTT đang chuyển đổi từ mô hình giấy sang môi trường kỹ thuật số với hai thái cực đặc trưng. Một mặt, có sự chống lại các công cụ kỹ thuật số và sự thay đổi nói chung; mặt khác, là ủng hộ sự đổi mới, sáng tạo và lãnh đạo thực sự. Vì vậy, nhà lãnh đạo CDS hay người đứng đầu cơ quan, tổ chức, có tầm nhìn, thiết lập được sứ mệnh cho tổ chức, có niềm tin là công nghệ số, CDS giúp giải quyết những vấn đề của tổ chức mình do đó cần kiên định với mục tiêu đặt ra. Một chiến lược quan trọng là phải thiết lập một tiêu chuẩn tối thiểu về kiến thức kỹ thuật số nhất quán trong toàn bộ cơ quan, tổ chức. Việc triển khai các công cụ kỹ thuật số, công nghệ và các chính sách phù hợp hỗ trợ làm việc trên thiết bị di động sẽ là một thành phần thiết yếu khác để CDS thành công□

Chú thích

1. *Cẩm nang chuyển đổi số*. <http://dx.mic.gov.vn>

Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Tú Bảo. *Chuyển đổi số và những khái niệm liên quan*. Tạp chí Thông tin và Truyền thông, số 1, tháng 4/2020.
2. *Hội đồng Lưu trữ Quốc tế - ICA*. <http://www.ica.org>
3. Nguyễn Thị Lan Anh, *Quản lý thông tin trong môi trường kỹ thuật số - Bài học từ các nước Bắc Âu*. Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam, số 2,3/2019.
4. *Cẩm nang chuyển đổi số cơ quan nhà nước*. <http://bvhttdl.gov.vn>, ngày 15/01/2021.

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.- 2021.- Số 306.- Tr.114-117.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

PGS, TS NGUYỄN THỊ THU VÂN
Học viện Hành chính Quốc gia

NGÀY NHẬN: 19/8/2021 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/9/2021
NGÀY DUYỆT: 18/10/2021

Trước yêu cầu chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, ngành Giáo dục, đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học xác định sứ mệnh tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ này, góp phần rút ngắn quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Bài viết đưa ra một số vấn đề về chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học hiện nay.

Từ khóa: Chuyển đổi số; cơ sở giáo dục đại học; nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo.

The education sector is faced with the pressing requirements of digital transformation. Higher education institutions has determined its mission in pioneering digital transformation which helps shortening the transformation process, improving the education and training quality, and actively contributes to the national digital transformation process. The article discusses a number of issues of digital transformation in higher education institutions at present.

Keywords: Digital transformation; higher education institutions; improve the education and training quality.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số (CĐS) là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi tổng thể và toàn diện cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất của cá nhân, tổ chức⁽¹⁾. Hay nói theo cách khác, CĐS chính là quá trình chuyển từ mô hình truyền thống sang mô hình số bằng cách ứng dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud computing)... và các phần mềm công nghệ để thay đổi phương thức quản lý, điều hành, thay đổi quy trình, phương thức làm việc và thay đổi văn hóa tổ chức. Quá trình phát triển của CĐS gồm các giai đoạn: Số hóa (Digitization) là chuyển thông tin thực sang dạng số để dễ dàng lưu trữ, tìm kiếm, chia sẻ, ứng dụng kỹ thuật số vào các quy trình nghiệp vụ, sử dụng phần mềm để làm cho các hoạt động trở nên đơn giản và hiệu quả hơn. CĐS (Digital transformation) là sử dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Big Data, IoT... để thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu một cách toàn diện và triệt để, từ đó dẫn đến sự thay đổi mô hình và cách thức hoạt động của tổ chức.

CĐS tác động sâu rộng, bao trùm lên tất cả các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, góp phần tăng năng suất lao động, chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh theo hướng đổi mới sáng tạo, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Trong Chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 đã xác

định giáo dục và đào tạo là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong triển khai thực hiện.

2. Nội dung chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học

Thời kỳ cách mạng công nghiệp (CMCN) 4.0, CDS được nhận định là chìa khóa nâng cao hoạt động, gia tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, tổ chức thông qua những ưu điểm nổi bật mà nó mang lại như tối ưu chi phí hoạt động, nâng cao năng suất chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ,

Đối với giáo dục nói chung, giáo dục đại học (GDDH) nói riêng, CDS mang lại cơ hội áp dụng công nghệ để tạo ra những thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy - học.

Các lớp học truyền thống với những nhược điểm như chi phí tổ chức cao, không gian phục vụ hạn chế, thời gian cố định... sẽ được thay thế bằng các lớp học trực tuyến, từ xa, lớp học ảo. Không gian học tập đa dạng hơn, thay vì những phòng thí nghiệm hay phòng mô phỏng truyền thống thì người học có thể trải nghiệm học tập bằng không gian ảo, có thể tương tác người với người, người với máy như thật thông qua các phần mềm mô phỏng công nghệ thực tế ảo (Virtual reality - VR).

Dữ liệu lớn sẽ là nguồn dữ liệu vô tận để học tập trải nghiệm về phân tích, dự đoán xu hướng hay dự báo kinh doanh ở mức chính xác cao. Tài nguyên học tập số trong điều kiện kết nối không gian thật và ảo sẽ vô cùng phong phú, không gian thư viện không còn là địa điểm cụ thể, mà thư viện có thể khai thác mọi lúc mọi nơi. Chương trình

dạy học được thiết kế đa dạng hơn, cụ thể hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu giáo dục cá nhân hóa.

Công nghệ điện toán đám mây với đặc điểm là mô hình dịch vụ lưu trữ thông tin quy mô lớn, dữ liệu có liên quan với công việc nghiên cứu khác nhau, dự án hoặc thông tin có thể tái sử dụng, có thể được giao cho các đám mây lưu trữ quản lý và có thể được truy cập theo yêu cầu, vì vậy, được ứng dụng cao trong các hoạt động quản lý và đào tạo. Nhà trường có thể hợp tác với các cơ sở giáo dục khác để xây dựng một kho lưu trữ thông tin (thư viện số, học liệu, công trình nghiên cứu khoa học...) theo mô hình lưu trữ tập trung ảo nhằm giảm chi phí lưu trữ để duy trì kho dữ liệu giáo dục.

Như vậy, CDS cho phép giáo dục được thực hiện toàn diện và đầy đủ mà không có gặp mặt, giao tiếp trực tiếp, có nghĩa là phương thức chuyển tải thay đổi từ trực tiếp sang từ xa, đòi hỏi thay đổi ở nhiều khía cạnh. CDS trong giáo dục - đào tạo tập trung vào hai nội dung là CDS trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học và CDS trong quản lý giáo dục (QLGD).

Trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá gồm số hóa các học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng E-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, xây dựng các trường đại học ảo (cyber university). CDS không chỉ là số hóa bài giảng, hay ứng dụng các phần mềm vào xây dựng bài giảng mà còn là sự chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ

thông tin để tổ chức giảng dạy thành công. Bên cạnh đó, toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của người học cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ chứ không phải thông qua hệ thống hồ sơ sổ sách thông thường.

Trong QLGD bao gồm số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ số để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác.

Trong quản lý đầu ra, cần sử dụng những công nghệ mới nhất để hỗ trợ bảo đảm việc đào tạo, đánh giá, kiểm tra, công nhận kết quả và cấp bằng, chứng chỉ là đúng đối tượng. Không chỉ kết quả đánh giá được số hoá, mà quá trình đánh giá cũng phải được triển khai, thực hiện bằng ứng dụng công nghệ trên máy tính.

CĐS kéo các thay đổi cơ chế quản lý, thay đổi cơ cấu tổ chức bên trong, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, chuyển đổi các mối quan hệ, quy trình xử lý thông tin, ra quyết định và giải quyết công việc từ môi trường truyền thống sang môi trường số, cũng như thay đổi việc quản trị các nguồn lực trong cơ sở GDĐH.

3. Điều kiện bảo đảm thực hiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học

Thúc đẩy CĐS trong các cơ sở GDĐH có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ trong ngành Giáo dục mà còn góp phần lan tỏa sang những lĩnh vực khác của nền kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

Thứ nhất, CĐS mang lại hiệu quả cho chính cơ sở GDĐH, sẽ

khuyến khích nhà trường xem xét lại mọi quy trình, quá trình của mình từ các ý tưởng về quản trị, sự vận hành của các khoa, ban giảng dạy như thế nào, tăng cường năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý để làm sao gia tăng được hiệu quả trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế trong nhà trường. Như vậy, CDS mang lại giá trị tích cực cho các bên liên quan, đặc biệt người học được hưởng lợi nhiều nhất⁽²⁾.

Thứ hai, khi cơ sở GDĐH thay đổi từ phương thức truyền thống sang việc sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm để cùng tạo dựng nên một cơ sở dữ liệu GDĐH đã được số hóa cũng là một sự đóng góp rất lớn hỗ trợ không chỉ công tác quản trị trong nhà trường mà còn hỗ trợ cho cả công tác quản lý nhà nước về GDĐH nói chung. Bởi vì, việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu như vậy, theo thời gian tích lũy thành nguồn, thành kho dữ liệu, sẽ giúp có được một cái nhìn tổng thể để xây dựng, sửa đổi, bổ sung các chính sách phù hợp với thực tiễn, với nhu cầu của thị trường lao động, của nền kinh tế, bắt kịp với sự thay đổi, sự tiến bộ của khoa học - công nghệ. Như vậy, công tác quản lý nhà nước cũng sẽ hiệu quả hơn⁽³⁾.

Thứ ba, khi hệ thống GDĐH gia tăng được mức độ CDS thì cũng góp phần nâng cao được năng lực và chất lượng đào tạo, góp phần tạo ra những sản phẩm đóng góp vào những lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, sẽ lan tỏa CDS sang những ngành nghề khác, đồng thời góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới của Việt Nam⁽⁴⁾.

Hiện đại hóa quá trình học tập và giới thiệu các công nghệ mới nhất trong lớp học khuyến khích người học phát triển các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được mục tiêu học tập chuyên nghiệp của họ, góp phần trang bị cho các thế hệ tương lai những kỹ năng và năng lực cần thiết cho sự tiến bộ nghề nghiệp trên bình diện quốc tế, giúp sinh viên thu được các kỹ năng thế kỷ XXI mà họ cần để cạnh tranh và thành công. Nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu làm đình trệ mọi hoạt động kinh tế - xã hội, sinh viên không thể đến trường thì CDS càng khẳng định thêm ý nghĩa và sự cần thiết, mở ra một diện mạo giáo dục - đào tạo hoàn toàn mới, với phương thức, cách thức, phương pháp, kỹ thuật, công cụ và phương tiện mới.

Để thực hiện CDS trong các cơ sở GDĐH cần có các điều kiện bảo đảm như sau:

(1) Thay đổi về cơ sở pháp lý, cần có hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và quy phạm nội bộ đầy đủ, đồng bộ. Việc xây dựng và ban hành chính sách đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng và khoa học. Đồng thời để chính sách đi vào đời sống, cần phải có hệ thống các công cụ giám sát, quản lý và bảo đảm chất lượng giáo dục - đào tạo trực tuyến và từ xa để bảo đảm tính giá trị của hình thức đào tạo này. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới.

(2) Thay đổi tư duy và năng lực quản lý, CDS tác động tới nhiều bên liên quan khác nhau, trong đó trực tiếp và chịu tác động lớn nhất

là người học và giảng viên, tiếp theo là đội ngũ cán bộ quản lý, phục vụ hỗ trợ là những người phải trực tiếp thao tác, vận hành hệ thống. Đặc biệt, lãnh đạo nhà trường với vai trò xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược đổi mới cần phải thay đổi tư duy và nâng cao năng lực quản lý.

(3) Bảo đảm về hạ tầng công nghệ mới, trang thiết bị mới cho cả người học, người trực tiếp giảng dạy, cơ sở GDĐH và cơ quan quản lý. Đi kèm thiết bị phần cứng là các ứng dụng phần mềm thống nhất, các nền tảng tương thích và kết nối, tích hợp với nhau để toàn bộ mọi hoạt động GDĐH và quản lý của các cấp diễn ra trên đó. Đường truyền internet ổn định là yếu tố cần phải có để các nền tảng này hoạt động.

(4) Kỹ năng sử dụng công nghệ của giảng viên và sinh viên. Giảng viên là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của đào tạo trực tuyến, từ xa và quá trình CĐS. Giảng viên cần có những kỹ năng mới để tổ chức hoạt động giảng dạy, duy trì sự tập trung và thu hút sự tham gia của sinh viên vào các nhiệm vụ và hoạt động học tập.

(5) Văn hóa số trong nhà trường, gồm các vấn đề thái độ học tập, hiểu biết về đạo đức học thuật, tính tự giác, ý thức về tự học. Đối với đào tạo trực tiếp, việc kiểm soát quá trình đào tạo phần lớn thuộc về cơ sở GDĐH và giáo viên, trong khi đối với đào tạo trực tuyến và từ xa, người học cũng phải chia sẻ nhiệm vụ này.

4. Một số vấn đề đặt ra

Một là, quán triệt và khẩn trương triển khai thực hiện Chương

trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 749/QĐ-TTg với nội dung mục tiêu kép là: “vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu”⁽⁵⁾. Trong đó triển khai thực hiện CDS trong lĩnh vực giáo dục là một trong 8 lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu, đó là: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triết để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”⁽⁶⁾.

Hai là, một trong các nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định đối với ngành Giáo dục và các cơ sở GDĐH: “Xây dựng các mã ngành đào tạo mới và cập nhật chương trình đào tạo nhân lực chuyên nghiệp ở đại học và các trường cao đẳng, dạy nghề với các nội dung liên quan đến dữ liệu và công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, điện toán đám mây, Internet vạn vật, chuỗi khối, dữ liệu lớn; Xây dựng trung tâm nghiên cứu, đào tạo nhân lực về trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số liên quan để đào tạo nhân lực chuyên đổi số”⁽⁷⁾. Như vậy, các trường đại học cần đi đầu trong công tác ứng dụng công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho

CĐS, chuyên giao công nghệ cho các cơ quan, tổ chức đơn vị bên ngoài thực hiện hiệu quả.

Ba là, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ) cùng với Chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số sẽ được ban hành tới đây là nền tảng pháp lý quan trọng trong việc triển khai chương trình CĐS quốc gia. Những nhiệm vụ đề ra cho thấy Chính phủ đã xác định được những lĩnh vực cần ưu tiên và đã thấy được những thách thức chung về nhận thức, thể chế, chính sách, về hạ tầng và nền tảng số, về nguồn nhân lực và kỹ năng số, để đề ra những biện pháp, giải pháp thực hiện cụ thể. Do đó, khi xây dựng kế hoạch CĐS của mình, ngoài những thách thức chung, các cơ sở GDDH cũng cần xem xét đến những thách thức riêng trong lĩnh vực GDDH. CĐS là chiến lược đang được đặt ra ở mọi quốc gia trong xu thế toàn cầu hóa và CMCN 4.0. Trong các trường đại học, CĐS được đặt ra phải xem xét lại không chỉ vấn đề về ứng dụng công nghệ mà toàn bộ các vấn đề của tổ chức lại hoạt động đào tạo mà đặc biệt là chiến lược và nội dung chương trình đào tạo, bởi vì công nghệ số tạo sự thay đổi cơ bản của thị trường lao động, cạnh tranh công nghệ gay gắt giữa các quốc gia.

Bốn là, công nghệ thay đổi nhanh chóng khiến cho kiến thức những chuyên ngành đào tạo chuyên sâu trở nên lạc hậu nhanh hơn. Theo dự báo của Diễn đàn kinh tế thế giới, sẽ có khoảng 49% công việc hiện nay biến mất trong 20 năm tới. Ở Việt Nam có đến 70%

lao động trong các ngành nghề sản xuất có nguy cơ mất việc⁽⁸⁾. Những ngành nghề từ trước đến nay có thể được yêu thích chưa chắc sẽ có nhiều nhu cầu tuyển dụng trong tương lai, đồng thời nhu cầu nhân lực về công nghệ thông tin, tự động hóa, công nghệ sinh học... sẽ tăng cao. Thời đại công nghệ 4.0 mở ra, tạo cho mỗi người trẻ có những cơ hội và thách thức nhất định trong vấn đề việc làm. Cần lưu ý, không chỉ nghề nghiệp bị lạc hậu mà còn cả các kiến thức và kỹ năng cũng lạc hậu, kinh nghiệm không còn giúp giải quyết các vấn đề mới. Trong điều kiện này, nguồn nhân lực được đánh giá thông qua kiến thức, kỹ năng rộng và liên ngành; thông qua phương pháp tư duy và năng lực tự học. Nhu cầu về nguồn nhân lực có tay nghề cao, tư duy sáng tạo, thực hiện những công việc phức tạp, làm chủ máy móc sẽ tăng lên. Con người hiện đại là trở thành kiến trúc sư chứ không phải là thợ xây dựng. Năng lực cạnh tranh thể hiện ở khả năng thường xuyên thích ứng và lĩnh hội được những kiến thức và kỹ năng mới.

Tất cả các quá trình này diễn ra trong xu hướng hậu công nghiệp của quá trình toàn cầu hóa và phát triển kinh tế linh hoạt. Các sản phẩm, dịch vụ đào tạo nếu không thích ứng và đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động dẫn đến mất ổn định về xã hội và người lao động không được bảo vệ trên thị trường lao động. Một bộ phận có thể có tấm bằng đại học nhưng không có cơ hội nghề nghiệp trong điều kiện CDS và sẽ dẫn đến nhiều tác động tiêu cực khác. Giáo dục hiện tại có thể mất đi tính ưu việt và gây ra sự bất định của tương lai, khủng hoảng quan hệ lao động như là kết quả của sự bùng nổ về công nghệ và hậu quả tiêu cực của toàn cầu hóa. Kết quả của quá trình thúc

đẩy thay đổi các hình thức tổ chức lao động trên môi trường số là nhu cầu trang bị văn hóa và phương pháp làm việc mới nhưng người lao động chưa đáp ứng kịp.

Năm là, CDS trong GDDH không chỉ là thay đổi về công cụ, phương pháp, quy trình đào tạo và quản lý đào tạo mà còn là chiến lược thay đổi cơ bản trong ngành nghề đào tạo, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo. Các trường đại học với yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu, học liệu hiện đại cũng cần trở thành các trung tâm đổi mới. Trường đại học tương lai cần kết hợp giữa giáo dục và khoa học. Điều này lại dẫn đến cần tổ chức lại các viện nghiên cứu, các trường đại học đầu ngành. Phát triển các chương trình đào tạo trực tuyến và từ xa cũng là thách thức cho các trường. Phát triển các chương trình đào tạo từ xa cũng là thách thức cho nhà trường. Bất cứ sinh viên nào cũng đều có thể lựa chọn để được học từ giảng viên có uy tín trong trường, cũng như dễ tiếp cận hơn để được học tại trường đại học danh tiếng ở trong nước và trên thế giới, vì giáo dục sẽ vượt khỏi khuôn khổ khuôn viên một lớp học hay một nhà trường. Các ứng dụng dịch thuật cũng đã xóa đi ranh giới rào cản về ngôn ngữ. Điều này có nghĩa là cạnh tranh giáo dục sẽ ở bình diện toàn cầu. Bên cạnh đó, các trường đại học trong nước cũng cần liên kết, hợp tác với nhau trong sử dụng các nền tảng số dùng chung để giảm chi phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ số.

Thách thức không nhỏ nữa đó là sự thay đổi từ phía sinh viên, học viên và giảng viên.

Nếu như trước đây giáo dục là trải nghiệm mang tính đại trà thì

hiện nay, giáo dục lại là trải nghiệm mang tính cá thể hóa. Phương pháp và tài liệu giáo dục cần linh động hơn, cho phép thay đổi để thích nghi với cách học và tốc độ tiếp thu kiến thức của từng sinh viên, chứ không theo như cách cũ trước đó là buộc sinh viên phải thay đổi để tuân theo phương pháp giảng dạy trên lớp.

Vai trò của người thầy “truyền thống” cần thay đổi, từ người truyền thụ kiến thức chuyển sang người tổ chức, hướng dẫn sinh viên tiếp nhận tri thức. Vì vậy, giảng viên nâng cao năng lực chuyên môn, ngoại ngữ, các phương pháp giảng dạy thu hút sự tham gia kết hợp với các công cụ hỗ trợ kỹ thuật của công nghệ thông tin. Đây cũng là thách thức không nhỏ với đội ngũ giảng viên hiện nay và cũng đặt ra vấn đề lãnh đạo nhà trường cần có những chính sách quản lý và khuyến khích động viên, tạo động lực cho giảng viên tích cực sáng tạo và ứng dụng những phương pháp dạy học hiện đại vào thực tiễn của nhà trường để khuyến khích sự đam mê và tâm huyết của giảng viên.

5. Kết luận

Hiểu đúng về CDS, đánh giá đúng thực trạng, xác định và dự báo đúng các thách thức và vấn đề đặt ra để xây dựng lộ trình thực hiện CDS hợp lý nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa rất quan trọng với nhà trường đại học trong giai đoạn hiện nay. CDS trong cơ sở GDDH cần được xem là giải pháp lâu dài, mang tính chiến lược, gắn với những cải cách mạnh mẽ, triệt để trong giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo, chứ không phải là giải pháp tình huống ứng phó với Covid. Trong CDS thì quan trọng nhất

không phải công nghệ, cũng không phải là đầu tư kinh phí mà chính là quyết tâm chính trị cao của người đứng đầu cơ sở GDĐH và nhận thức sẵn sàng thay đổi của đội ngũ viên chức, giảng viên trong nhà trường□

Chú thích:

(1) Bộ Thông tin và Truyền thông. *Cẩm nang chuyển đổi số*. H. NXB Thông tin & Truyền thông, 2020, tr.15

(2), (3), (4) *Thúc đẩy chuyển đổi số trong đại học: Từ nhận thức đến hành động*. Thời sự 17h00 ngày 09/6/2021. <https://radio.voh.com.vn>

(5), (6), (7) *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*

(8) Bộ Khoa học và Công nghệ. *Báo cáo về cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, tháng 3/2017

Tài liệu tham khảo:

1. *Chuyển đổi số trong giáo dục: Những thách thức và nguy cơ*. <https://tiasang.com.vn>, ngày 05/02/2021.

2. Internet vạn vật (IoT). *Chuyển đổi số hay là chết*. H. NXB Thông tin & Truyền thông, 2020.

3. Mark Raskino - Graham Waller. *Chuyển đổi số đến cốt lõi - Nâng tầm năng lực lãnh đạo cho ngành nghề, doanh nghiệp và chính bản thân bạn*. H. NXB Thông tin & Truyền thông, 2020.

4. *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*.

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.-2021.- Số 309.- Tr.8-13.

**CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH GIÁO DỤC:
THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT TRONG THỜI GIAN TỚI**

TS NGUYỄN VĂN THỦY
Học viện Ngân hàng

Ngày nhận bài: 10/3/2023; Ngày phản biện: 25/3/2023; Ngày duyệt đăng: 05/4/2023

Tóm tắt

Những năm qua, chuyển đổi số trong giáo dục đã có một bước tiến dài, hướng đến mục tiêu “Việt Nam tiên phong và trở thành một trong những quốc gia đi đầu trong chuyển đổi số về giáo dục và đào tạo”. Tuy nhiên, để chuyển đổi số trong giáo dục là một hành trình, trong đó ngành giáo dục hướng tới người học là trung tâm, cung cấp các sản phẩm dịch vụ đào tạo, hỗ trợ đào tạo một cách thuận tiện nhất cho người học thông qua nền tảng số, thì rất cần một hệ thống giải pháp đồng bộ và sự thay đổi tư duy của các cấp lãnh đạo, quản lý giáo dục đến từng thầy giáo, cô giáo, giảng viên và học sinh, sinh viên.

Từ khóa: chuyển đổi số, ngành giáo dục, học trực tuyến

Summary

In recent years, digital transformation in education has taken a long step towards the goal of “making Vietnam a pioneer and one of the leading countries in digital transformation in education and training”. However, for digital transformation in education to become a journey, in which the

learners is the focus of the education **system** and are provided with training products and services in the most convenient way through a digital platform, it is necessary to have a synchronous solution system and changes in the mindset of all people from educational leaders and managers to the teachers, lecturers and students.

Keywords: digital transformation, education sector, online learning.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH GIÁO DỤC

Chuyển đổi số

Chuyển đổi số (Digital transformation) là một khái niệm được thế giới đề cập tới nhiều từ năm 2015. Tại Việt Nam, khái niệm này bắt đầu được nhắc đến từ năm 2018 và tới năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số” quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ). Có nhiều khái niệm về chuyển đổi số, nhưng khái niệm chuyển đổi số là “thay đổi tổng thể và toàn diện của tổ chức, cá nhân về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên công nghệ số” được phổ biến rộng rãi nhất hiện nay.

Chuyển đổi số trong giáo dục

Chuyển đổi số trong giáo dục là việc ứng dụng triệt để các giải pháp công nghệ trong công tác quản lý, đổi mới phương thức giảng dạy nhằm nâng cao trải nghiệm của người học, đồng thời giúp các tổ chức đào tạo vận hành hiệu quả và tinh gọn hơn.

Có thể khái quát, chuyển đổi số trong ngành giáo dục tập trung vào 3 lĩnh vực: (i) Đổi mới phương pháp dạy và học: thông qua các nền tảng số hoạt động dạy và học thay đổi thông qua đào tạo e-learning, đào tạo qua thực tế ảo, lớp học thông minh...; (ii) Quản lý giáo dục: công cụ vận hành và quản trị (quản lý hồ sơ, tài sản, tra cứu thông tin...); (iii) Công nghệ trong lớp học: cải tiến công cụ giảng dạy và cơ sở vật chất.

Các xu hướng công nghệ được ứng dụng trong chuyển đổi số ngành giáo dục

Trong lĩnh vực giáo dục, các xu hướng công nghệ cũng đã bắt đầu thâm nhập và đáp ứng tốt các yêu cầu về công tác quản lý và đào tạo. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI - Artificial Intelligence). Tích hợp AI vào giảng dạy giúp cá nhân hóa quá trình học tập, giảm bớt khối lượng công việc cho giáo viên và cán bộ nhân viên trong trường. Điển hình là: Công nghệ chuyển tài liệu thành giọng nói (voice-to-text) giúp học sinh khiếm thính tiếp cận tri thức dễ dàng hơn; Nền tảng giáo dục trực tuyến NUADU ứng dụng AI để cá nhân hóa nội dung chương trình đào tạo dựa trên năng lực người học (adaptive learning); Phân tích kết quả bài kiểm tra bằng AI, giúp giáo viên dễ dàng đánh giá năng lực từng học sinh để điều chỉnh phương pháp và chương trình dạy phù hợp; Chấm công di động sử dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt Face ID.

Thứ hai, dùng chatbot như “giáo viên ảo” giải đáp thắc mắc cho học sinh, sinh viên về các vấn đề trong trường học. Với từng nhu cầu

khác nhau, chatbot có thể chủ động cung cấp các tài liệu học tập, chủ đề thông qua tin nhắn văn bản, hình ảnh, video, file tài liệu...

Ngoài ra, Chatbot còn có chức năng như một hệ thống kiểm tra kiến thức bằng việc đặt các câu hỏi và yêu cầu người học trả lời. Kết quả phản hồi của học sinh sẽ được ghi lại và nộp cho giáo viên. Một trong các công cụ nổi bật của Chatbot trong giai đoạn gần đây là Chat GPT. Chat GPT tương tác ở dạng đối thoại đàm thoại và đưa ra những phản hồi có vẻ giống con người như trả lời các câu hỏi, hỗ trợ thực hiện các tác vụ như soạn email, viết luận, ngôn ngữ lập trình và viết nội dung. Dựa trên nền tảng AI, Chat GPT ngày càng thông minh mang lại nhiều lợi ích cũng như thách thức với ngành giáo dục.

Thứ ba, công nghệ thực tế ảo AR/VR. Khi ứng dụng công nghệ thực tế ảo (virtual reality - VR) và thực tế tăng cường (Augmented Reality - AR), người học được đắm mình trong một môi trường thực tế cao, vừa tạo hứng thú học tập vừa giúp ghi nhớ kiến thức tốt hơn,

Thứ tư, sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) nhằm lưu trữ, chia sẻ hồ sơ học tập và các chứng chỉ và bằng cấp của học viên. Từ đó cải thiện hệ thống đánh giá năng lực, định hướng nghề nghiệp và đề xuất các phương pháp giảng dạy phù hợp với người học.

Ngoài ra, nhiều trường học đã bắt đầu ứng dụng công nghệ này nhằm kiểm soát, lưu trữ, luân chuyển hồ sơ giáo viên rất hiệu quả. Với khả năng phân loại chi tiết dữ liệu, lưu trữ không giới hạn, các phần mềm đã giải quyết triệt để tình trạng thất lạc thông tin, tiết kiệm phần lớn chi phí văn phòng phẩm, in ấn.

THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC TẠI VIỆT NAM

Một số chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục

Đối với chuyển đổi số trong ngành giáo dục, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nêu rõ: “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình, ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”.

Như vậy, việc chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tập trung vào 2 nội dung chính: chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá.

Chuyển đổi số trong quản lý là số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định trong lãnh đạo, điều hành.

Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá là số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí

nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến...; chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công.

Còn theo mục tiêu đặt ra của Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 131/ QĐ-TTg, ngày 25/01/2022, thì đến năm 2025, đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học. Cụ thể, về tiếp cận giáo dục trực tuyến, 50% học sinh, sinh viên và nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

Về môi trường giáo dục trực tuyến, hình thành một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh, sinh viên sử dụng; hình thành kho học liệu trực tuyến quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông; hơn 50% cơ sở giáo dục đại học cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) hình thức từ xa, trực tuyến.

Về quy mô hoạt động trực tuyến, tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học; tỉ trọng lớp học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học đạt trung bình 20%; trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo hình thức

trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

Kết quả đạt được

Với những chính sách khuyến khích và thúc đẩy chuyển đổi số từ Chính phủ, ở cấp ngành, ngành giáo dục Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định. Theo báo cáo của Cục Công nghệ thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội thảo Chuyển đổi số trong giáo dục tổ chức vào ngày 9/12/2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của 53.000 trường học, từ mầm non đến phổ thông, gồm trường, lớp, học sinh, giáo viên.

Cụ thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thông tin chi tiết của tất cả các trường học từ mầm non đến phổ thông, tổng hợp thông tin dữ liệu từ 63 sở giáo dục và đào tạo, 710 phòng giáo dục và đào tạo. Dữ liệu bao gồm các câu phân cơ sở thành phần, như: trường, lớp, học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính... Ngành giáo dục đã hoàn tất việc số hóa, gán mã định danh cho hơn 53.000 cơ sở giáo dục đào tạo, 24 triệu học sinh, sinh viên và 1,4 triệu giáo viên. Đồng thời, xây dựng và phát triển kho học liệu số dùng chung (bao gồm cả học liệu mở) với khoảng 5.000 bài giảng e-learning, 2.000 video bài giảng trên truyền hình, 200 thí nghiệm ảo, 200 đầu sách giáo khoa, 35.000 câu hỏi trắc nghiệm và trên 7.500 luận án tiến sĩ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã kết nối thành công cơ sở dữ liệu ngành giáo dục với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư (do Bộ Công an quản lý). Qua đó đã kết nối, đồng bộ, xác thực mã căn cước công dân và chia sẻ dữ liệu của hơn 1,5 triệu giáo viên (đạt 95%) và

gần 21 triệu hồ sơ học sinh (đạt 92%).

Bên cạnh đó là việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học, phục vụ kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, xây dựng hệ thống học liệu điện tử với hơn 7.000 bài giảng...

Trước đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ tổng hợp được con số, không biết độ chính xác thế nào, không cụ thể. Với hồ sơ số hóa chi tiết hiện nay, việc khai thác thông tin từ cơ sở dữ liệu rất linh hoạt.

Việc này giúp cải thiện công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ của ngành giáo dục trong thời gian tới.

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục được thực hiện theo chủ trương của Chính phủ về chuyển đổi số. Việc này bao gồm chuyển đổi cách dạy và học, cách quản trị và quản lý dựa trên công nghệ số, hướng tới một hệ thống giáo dục chất lượng tốt và tiếp cận dễ dàng với người dân.

Đặc biệt, trong thời gian xảy ra dịch Covid-19 từ năm 2020, các trường học phải tạm dừng đóng cửa, với phương châm “dừng đến trường, không ngừng học”, có đến 80% trường học đã nhanh chóng chuyển sang dạy học trực tuyến. Theo đó, hình thức dạy học trực tuyến, thi trực tuyến đã được đánh giá tích cực. Báo cáo PISA của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận xét, việc học trực tuyến để phòng, chống Covid-19 của Việt Nam có nhiều điểm khả quan so với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác. Việt Nam có 79,7% học sinh được học trực tuyến. Tỷ lệ này cao hơn mức trung bình chung của các nước OECD (67,5%). Ở bậc đại học, có trên 50% cơ sở giáo dục cũng dạy học từ xa, trong đó nhiều trường áp dụng trực tuyến

hoàn toàn, một số cơ sở kết hợp giữa đào tạo trực tuyến và trực tiếp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2020).

Dạy học trực tuyến đã giúp rút ngắn thời gian thực dạy khi học sinh trở lại trường học, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục học sinh. Hình thức dạy học này cũng giúp giáo viên, học sinh làm quen và tăng cường hơn các kỹ năng công nghệ thông tin, thích ứng với những hình thức học tập mới của giáo dục tiên tiến trong thời đại công nghệ 4.0.

Ngành giáo dục đã phối hợp chặt chẽ với Hệ tri thức Việt số hóa của Chính phủ để ứng dụng các nền tảng số, huy động cộng đồng chung tay, đóng góp cho ngành giáo dục: Nền tảng antoancovid.vn nhằm công khai minh bạch các điều kiện sẵn sàng ứng phó dịch covid ở các nhà trường; Nền tảng inhandao.vn để huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ, tài trợ cho những học sinh, giáo viên, nhà trường còn đang khó khăn trong tổ chức dạy học. Như vậy, công nghệ số còn giúp cộng đồng hỗ trợ ngành giáo dục khắc phục những khó khăn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

Ngoài ra, đối với giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 4740/QĐ-BGDĐT, ngày 30/12/2022 về Bộ chỉ số, tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học gồm 02 nhóm tiêu chí: Chuyển đổi số trong đào tạo; Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục đại học.

Một số khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, chuyển đổi số trong giáo dục cũng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn. Cụ thể như: việc chưa

hoàn thiện về hành lang pháp lý, chưa có sự phối hợp thống nhất giữa kế hoạch triển khai của Bộ và các sở giáo dục và đào tạo, các phần mềm còn chồng chéo... Các sở giáo dục và đào tạo cũng bày tỏ sự lúng túng trong các vấn đề liên quan, như: sử dụng chữ ký điện tử, số hóa học bạ, kết nối dữ liệu, lựa chọn phần mềm, việc chuyển trường của giáo viên và học sinh...

Ngoài ra, việc cơ sở vật chất và trang thiết bị lạc hậu, hạ tầng mạng và đường truyền internet chưa đảm bảo đến công tác đào tạo nhân lực triển khai thực còn hạn chế... Nhiều nhà lãnh đạo ở các cơ sở giáo dục vẫn còn loay hoay chưa biết nên bắt đầu chuyển đổi số từ đâu, áp dụng phần mềm nào cho phù hợp và hiệu quả. Đây cũng là những rào cản với các đơn vị đào tạo khi tiến hành số hóa.

GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Chuyển đổi số giáo dục toàn diện là một hành trình dài, rất cần một hệ thống giải pháp đồng bộ và sự thay đổi tư duy của các cấp lãnh đạo, quản lý giáo dục đến từng thầy giáo, cô giáo, giảng viên và học sinh, sinh viên. Theo tác giả, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp như sau nhằm đẩy mạnh và ứng dụng có hiệu quả chuyển đổi số trong ngành giáo dục:

Một là, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tiếp tục phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc ký kết Chương trình hợp tác triển khai Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, theo đó, 2 bộ sẽ cùng các doanh nghiệp số phát triển các nền tảng số dùng chung trong giáo dục; huy động các doanh nghiệp chung tay hỗ trợ các nhà trường, giáo viên và học sinh những điều kiện để triển khai chuyển đổi số thông

qua đầu tư hiện đại hóa và đồng bộ hóa hạ tầng công nghệ cho các cơ sở giáo dục như: đường truyền internet, phần mềm quản lý, phần mềm dạy học trực tuyến, trang thiết bị đầu cuối...

Hai là, các cấp chính quyền quan tâm, ưu tiên nguồn lực đầu tư thích đáng cho các hoạt động chuyển đổi số ngành giáo dục. Ngoài ra, Nhà nước cần chuyển sang cải cách và đổi mới giáo dục từ cấp nhà trường trở xuống, trong đó quan trọng nhất là nâng cao năng lực kỹ thuật số cho tất cả các thành viên từ lãnh đạo cơ sở giáo dục... cho đến giảng viên, giáo viên và học sinh.

Bên cạnh đó, cần phải phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về tư tưởng, quyết tâm thực hiện chuyển đổi số trong ngành giáo dục. Phổ biến đến từng địa phương, nhà trường, giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý. Cùng nhau xây dựng văn hóa số trong giáo dục. Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên kiến thức, kỹ năng công nghệ để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Ba là, cơ sở dữ liệu toàn quốc về giáo dục và đào tạo cần được hoàn chỉnh đầy đủ phục vụ công tác phân tích, dự báo và ra chính sách quản lý ngành; kho học liệu số, học liệu mở được xây dựng đầy đủ nội dung theo chương trình giáo dục của tất cả các môn học; các cơ sở đào tạo phải lên được kế hoạch tổ chức đào tạo trực tuyến và nâng cao tỷ trọng đào tạo trực tuyến; các cơ sở giáo dục đào tạo sẽ đẩy mạnh, tận dụng tối đa lợi thế công nghệ số để đổi mới các mô hình, cách thức tổ chức dạy học để việc học sẽ trở nên dễ dàng hơn với học sinh, nâng cao tính cá thể hóa học tập, cơ hội học tập được mở rộng đối với những học sinh ở khu vực còn khó khăn.

Bốn là, thay đổi tư duy và thói quen dạy và học tại các cơ sở đào tạo. Hiện nay, việc giáo dục công nghệ ở nước ta còn quá chậm. Một trong những nguyên do dẫn tới điều này là do đội ngũ giáo viên. Đang có một khoảng cách rất lớn giữa thế hệ thầy và thế hệ trò. Thế hệ người học hiện nay chủ yếu là sinh từ năm 2000 thuộc thế hệ gen Z, họ đã được tiếp cận công nghệ từ rất sớm. Còn thế hệ thầy, phần lớn là những người sinh trước năm 1980 thì lại có ít kiến thức về công nghệ. Những người hiểu biết về công nghệ rất kém, rất yếu lại lên lớp giảng cho học sinh rất giỏi về công nghệ, đây chính là trở ngại lớn nhất trong việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục. Vì vậy, cần thay đổi tư duy và cách thức từ chính các cơ sở đào tạo trong chuyển đổi số□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tin giáo dục và đào tạo quý IV/2020*.
2. Cục Công nghệ thông tin (Bộ Giáo dục và Đào tạo) (2020), *Báo cáo tại Hội thảo Chuyên đổi số trong giáo dục, tổ chức vào ngày 9/12/2020*.
3. Phi Khanh (2020), *Chuyển đổi số trong giáo dục: Con người phải thay đổi để thích nghi, trường đại học phải trở thành một quốc gia thu nhỏ*, truy cập từ <https://baoquocte.vn/chuyen-doi-so-trong-giao-duc-con-nguoi-phai-thay-doi-de-thich-nghi-truong-dai-hoc-phai-tro-thanh-mot-quoc-gia-thu-nho-131168.html>
4. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 3/6/2020 ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
5. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 131/QĐ-TTg, ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”

Nguồn: Tạp chí Kinh tế và Dự báo.- 2023.- Số 10.- Tr.23-26.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC LĨNH VỰC BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG

PGS.TS NGUYỄN THỊ TRƯỜNG GIANG

**Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
Email: truonggiangbmdt@yahoo.com**

Ngày nhận 15 tháng 12 năm 2021; chấp nhận đăng tháng 1 năm 2022.

Tóm tắt: Nhu cầu báo chí - truyền thông (BC-TT) nói chung và sản xuất nội dung BC-TT nói riêng đang và sẽ bùng nổ trong kỷ nguyên số. Các tổ chức công và tư đều cần phải tương tác và gắn kết với nhiều nhóm khách hàng và đối tác khác nhau trên các nền tảng số, mạng xã hội. Hiện nay, các tổ chức, doanh nghiệp đang rất “khát” nhân sự làm về truyền thông và nội dung, nhu cầu này được dự báo sẽ gia tăng mạnh trong những năm tới. Điều này đặt ra nhiều cơ hội, nhưng cũng nhiều thách thức cho các cơ sở đào tạo trong lĩnh vực BC-TT. Chuyển đổi số trong đào tạo BC-TT không chỉ dừng lại ở việc số hóa (digitization) và ứng dụng công nghệ (digitalization) mà đang buộc các cơ sở đào tạo phải tư duy lại toàn bộ phương thức hoạt động của mình cũng như các sản phẩm đào tạo cung cấp cho thị trường, cho xã hội nói chung.

Từ khóa: giáo dục và đào tạo; BC-TT; chuyển đổi số.

Abstract: The demand for journalism - communication in general and its content production in particular is growing rapidly and continues to develop in the digital era. Both public

and private organizations need to interact and engage with different groups of customers and partners via digital platforms and social media. Currently, organizations and businesses are in “hunger” for communication and content-creating employees. This demand is forecasted to skyrocket in the coming years. For journalism - communication training institutions, this presents both opportunities and obstacles. Digital transformation in journalism - communication training is not limited in digitization and technology application, but also involves urging training institutions to reassess their performance as well as training products provided to the market and the society in general.

Keywords: education and training; journalism and communication; digital transformation.

1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực BC-TT

Chuyển đổi số (Digital transformation) là việc tích hợp sự biến đổi không ngừng của công nghệ và kỹ thuật số vào việc giải quyết các vấn đề, từ đó gia tăng hiệu quả vận hành, hướng tới những đối tượng mục tiêu khác nhau và tạo được lợi thế cạnh tranh trên thị trường, thay đổi mọi mặt của tổ chức. Đây là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện về cách sống, cách làm việc, phương thức sản xuất của mỗi cá nhân, tổ chức và tiến tới là toàn xã hội dựa trên công nghệ số⁽¹⁾. Khái niệm này ra đời và trở nên phổ biến trong thời đại bùng nổ Internet, đặc biệt mô tả đổi mới một cách mạnh mẽ và toàn diện trong cách thức hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp ở tất cả những khía

cạnh như cung ứng, sản xuất, hợp tác, mối quan hệ khách hàng hoặc thậm chí là tạo ra những doanh nghiệp mới với cách thức hoạt động mới hoàn toàn.

Các tổ chức, đơn vị trong các lĩnh vực khác nhau đang áp dụng công nghệ kỹ thuật số cho các mục đích khác nhau. Có những mô hình đánh giá hiệu quả chuyển đổi số qua các yếu tố sau đây: chiến lược năng động (có thể thay đổi liên tục), khai thác tất cả các nguồn lực sẵn có (con người, công nghệ) và đo lường định lượng mức độ thành công của quá trình chuyển đổi số (xác định các mục tiêu có thể đo lường và đạt được)⁽²⁾. Vai trò của các cá nhân tham gia trong quá trình chuyển đổi số của tổ chức là vô cùng quan trọng.

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia tiên phong xây dựng chương trình chuyên đề về chuyển đổi số quốc gia. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII là “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh của nền kinh tế”⁽³⁾. “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 với các mục tiêu khá cụ thể như: Phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động, đến năm 2030, Việt Nam sẽ thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chính phủ điện tử, phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của

nền kinh tế, kinh tế số đóng góp 30% GDP, tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%...⁽⁴⁾. Điều này chứng tỏ, xu hướng chuyển đổi số là không thể đảo ngược trong tiến trình phát triển hiện nay của thế giới và Việt Nam.

Sự bùng nổ công nghệ, đặc biệt sự ra đời của Internet đã cách mạng hóa cách thức thu thập, sản xuất, lưu trữ, phân phối thông tin, thay đổi khối lượng và tốc độ phát tán của các luồng thông tin trên khắp thế giới, và tạo ra một thế giới phẳng với biển thông tin đa dạng. Việt Nam được đánh giá là một trong 20 nước có tỉ lệ sử dụng Internet nhiều nhất thế giới với 72 triệu vào tháng 1/2021, tương đương 73,7% tổng dân số⁽⁵⁾. Chỉ cần một thiết bị di động và kết nối Internet, mỗi người dùng - “nhà báo công dân” đều có khả năng đăng tải, cập nhật và lan tỏa thông tin trên mạng xã hội. Họ có thể sáng tạo ra sản phẩm báo chí dưới nhiều hình thức: video, mẫu tin, ảnh hiện trường..., hoặc tham gia vào quá trình sản xuất báo chí, hay quá trình phát hành báo chí bằng nhiều công cụ khác nhau. Bên cạnh những giá trị về tăng cường kết nối, chia sẻ, tiếp cận thông tin, tạo ra một “ngôi làng toàn cầu” thì cũng tạo ra sự hỗn loạn thông tin với nhiều hệ lụy đối với xã hội. Vấn nạn tin giả, xấu, độc đang làm ảnh hưởng lớn tới nhận thức của người tiếp nhận thông tin, làm cho nhiều người trong số họ có cách nhìn thiên lệch, gây chia rẽ và để lại những “vết sẹo” trong xã hội.

Với tư cách là một ngành năng động, bám sát sự phát triển của thời cuộc, BC-TT đang chuyển đổi mình, tích hợp công nghệ số, thay

đổi toàn diện từ nội dung đến cách thức thực hiện nhằm góp phần thay đổi thói quen và đáp ứng nhu cầu của công chúng mục tiêu. Về phía sản xuất, những người làm BC-TT ngày càng tích hợp nhiều kỹ năng mới để có thể tương tác tích cực với công chúng trong quá trình đồng sáng tạo, đồng sản xuất⁽⁶⁾. Về mặt tiếp nhận, công chúng trong thời kỳ truyền thông kỹ thuật số tiêu thụ nội dung trực tuyến bằng nhiều thiết bị khác nhau, đòi hỏi nhà sản xuất phải cân nhắc tới các định dạng, kỹ thuật tương ứng. Từ thực tiễn sinh động trên thế giới, cơ quan BC-TT nào hiểu đúng bản chất thời cuộc, sớm có những định hướng bài bản và giữ được bản sắc của mình trong quá trình chuyển đổi số thì sẽ có cơ hội đi trước đón đầu, tăng sự phủ sóng trong thị trường và chiếm được lượng công chúng của mình trong tương lai.

Nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng trong quá trình chuyển đổi số. Một nghiên cứu với nhiều tòa soạn lớn ở Mỹ đã chỉ ra rằng các nhà báo tích hợp đa kỹ năng đang được săn đón nhiều hơn khi các tòa soạn đang thực hiện quá trình chuyển đổi kỹ thuật số và mô hình kinh doanh⁽⁷⁾. Cụ thể, trong 4 nhóm kỹ năng (các kỹ năng truyền thống, các kỹ năng sáng tạo, các kỹ năng thích ứng và các kỹ năng giao tiếp), mặc dù nhu cầu tuyển dụng của các tòa soạn lớn vẫn thiên về các kỹ năng truyền thống, đặc biệt là kỹ năng viết, nhưng nhu cầu về các kỹ năng sáng tạo, đặc biệt là các kỹ năng đa phương tiện là yêu cầu của bất kể loại hình báo chí nào. Các kỹ năng sáng tạo khác, bao gồm xuất bản sản phẩm đa phương tiện trên mạng xã hội, phát triển web, phân tích nội dung và đối tượng công chúng cũng như việc sử dụng ngôn ngữ lập trình Python cũng thường xuyên được yêu

cầu. Phát hiện này cũng chỉ ra rằng, trong xu hướng chuyển dịch sang môi trường truyền thông tập trung vào công chúng, khi mà họ có nhiều kênh để tìm kiếm thông tin như là mạng xã hội thì các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác giữa công chúng với BC-TT cũng đặc biệt được chú trọng. Nhiều nghiên cứu khác cũng chỉ ra các nhà báo ngày càng được kỳ vọng sẽ thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ và vai trò khác nhau⁽⁸⁾.

Chuyển đổi số còn thể hiện ở các hoạt động mang tính cốt lõi của tòa soạn, đó là sự đổi mới trong cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động cũng như tư duy, ý chí và cam kết thay đổi của lãnh đạo các cơ quan báo chí. Nhiều cơ quan báo chí trên thế giới và ở Việt Nam đã có các hành động cụ thể như: xây dựng mô hình tòa soạn hội tụ và cơ quan báo chí đa phương tiện, lấy hoạt động xuất bản số làm trung tâm; tăng cường sự tham gia và tương tác của công chúng...

Với mô hình tòa soạn hội tụ ưu tiên báo điện tử và kênh thông tin số, cơ cấu tòa soạn được thay đổi hoàn toàn, phóng viên là đa năng, viết cho tất cả loại hình. Điển hình nhất là tòa soạn Daily Telegraph (Anh) rất tích cực trong việc xây dựng tòa soạn hội tụ và cho “ra đời” nhiều sản phẩm truyền thông hội tụ. Khi đưa tin về một sự kiện, tòa báo này sử dụng cùng lúc nhiều hình thức: bài viết, hình ảnh, âm thanh, video, đồ họa... đồng thời còn liên kết đến các trang mạng xã hội để đăng tải thông tin một cách đầy đủ và có hệ thống, giúp công chúng tiện theo dõi và dễ nắm bắt thông tin. Nhiều tòa soạn lớn trên thế giới đã dần phát triển theo mô hình tích hợp các nền tảng truyền thông khác nhau như: New York Times (Mỹ), Österreich (Áo),

Expressen (Thụy Điển)...

Ở Việt Nam, báo điện tử VietnamPlus là một trong những đơn vị đi đầu trong chuyển đổi số với việc ứng dụng các công nghệ mang tính mở đường trong lĩnh vực BC-TT, như sử dụng Chatbot nhằm tương tác với độc giả, bên cạnh những sản phẩm đột phá như RapNewsPlus, Timeline, NewsGame, Podcast... VietnamPlus cũng là đơn vị tiên phong thực hiện việc thu phí nội dung chất lượng cao tại Việt Nam, kỳ vọng việc thu phí sẽ hỗ trợ báo trong nỗ lực chuyển đổi người dùng từ những độc giả thông thường thành độc giả trả phí⁽⁹⁾.

2. Thời cơ, thách thức trong chuyển đổi số trong đào tạo BC-TT

Sự thành công của các nền tảng học tập như Coursera, AcademyX..., các kho dữ liệu như ResearchGate, JSTOR... cho thấy “giáo dục số” hoàn toàn có đủ điều kiện và tiềm năng để trở thành tương lai của giáo dục, đặc biệt là giáo dục cấp đại học. Chuyển đổi số trong ngành giáo dục, nghĩa là việc áp dụng công nghệ số, dựa vào mục đích, cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục và được ứng dụng dưới 3 hình thức chính: ứng dụng công nghệ trong lớp học (cơ sở vật chất lớp học, công cụ giảng dạy); ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học (áp dụng các xu hướng giáo dục công nghệ như Lớp học thông minh, Game hóa (Gamification), Lập trình... vào giảng dạy); và ứng dụng công nghệ trong quản lý (công cụ quản lý và vận hành).

Đại dịch Covid-19 là một cú hích khiến các cơ sở đào tạo, từ các trường phổ thông đến các trường đại học dịch chuyển nhanh sang môi

trường số. Nếu trước đây người học chỉ có thể học một cách thụ động qua các nền tảng như Youtube thì hiện nay các nền tảng như Zoom, Microsoft Teams... ngày càng khiến việc học tập trực tuyến dễ dàng hơn, có tính tương tác cao và trải nghiệm học tập ngày càng được cải thiện. Trong vài năm tới với sự phát triển của các công nghệ như 5G, AR/VR trải nghiệm học tập sẽ được đẩy lên một cấp độ lớn, thậm chí sẽ tạo ra nhiều hình thái đào tạo mới và trải nghiệm học tập trực tuyến được tái tạo giống như học trên một lớp học trực tiếp. Việc học tập trên các nền tảng số như Zoom, Microsoft Teams, hay hệ thống LMS như Canvas, Blackboard càng cho thấy xu hướng flip training là tất yếu, theo đó vai trò của giảng viên đã thay đổi, từ việc giảng dạy trực tiếp và người học là bên tiếp nhận tri thức thụ động sang vai trò hướng dẫn thúc đẩy người học tự học, tự nghiên cứu...⁽¹⁰⁾.

Hiện nay, Việt Nam đã ban hành nhiều quy định và triển khai các hoạt động nhằm tăng cường năng lực, tạo cơ sở thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời ban hành nhiều văn bản liên quan đến triển khai đào tạo, đánh giá từ xa và đảm bảo chất lượng nhằm ứng phó với dịch Covid-19, tiếp tục rà soát, hoàn thiện phương thức dạy học trực tuyến và đào tạo từ xa; phát triển nguồn học liệu điện tử, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu của phương thức này. Các khía cạnh đánh giá như hướng dẫn xây dựng hệ thống đề thi, bài kiểm tra, ngân hàng câu hỏi phục vụ tổ chức thi, kiểm tra đánh giá theo hình thức trực tuyến cũng đã được đề cập. Đặc biệt, các thông tư mới ban hành trong năm 2021 đã cho phép đào tạo trực tuyến

trong đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ⁽¹¹⁾.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng ban hành hướng dẫn về sử dụng an toàn các phần mềm, công cụ dạy học trực tuyến; chỉ đạo các tập đoàn, doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin nghiên cứu, phát triển các giải pháp, nền tảng dạy và học trực tuyến, học liệu số; hỗ trợ các nhà trường, giảng viên tiếp cận hạ tầng số, dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao, an toàn, dễ sử dụng; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông xem xét miễn giảm giá cước truy cập Internet cho người dạy, người học và hệ thống phục vụ, quản lý của các nhà trường, giá dịch vụ thuê máy chủ, băng thông phục vụ đào tạo từ xa cho các trường đại học⁽¹²⁾.

Bên cạnh đó, theo dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, cơ sở xuất bản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đến năm 2030, 100% cơ quan báo chí thực hiện chuyển đổi số. Trong đó, các cơ quan báo chí sẽ đổi mới toàn diện hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ, đa phương tiện phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới. Báo chí tận dụng quá trình số hoá để có những sản phẩm báo chí chất lượng, ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI)... để tạo ra các trải nghiệm hấp dẫn cho công chúng, lan tỏa và chiếm thế thượng phong trên không gian thực và không gian mạng, trở thành dòng thông tin chủ lưu quan trọng trong đời sống xã hội⁽¹³⁾.

Đây là điều kiện thiết yếu và nền tảng quan trọng để phát triển

môi trường giáo dục, đào tạo BC-TT, có những chính sách quan trọng để phát triển, cải tiến môi trường, hạ tầng và các trang thiết bị. Với một lĩnh vực đòi hỏi sự thích ứng và chuyển động cao, các cơ sở đào tạo BC-TT được kỳ vọng là nhanh chóng tiếp cận với xu hướng số hóa, chuyển đổi số của cả nền giáo dục nói chung.

Trước hết là những thay đổi về *các yếu tố đầu vào*. Việc chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo BC-TT chỉ có thể thực hiện được khi toàn bộ đầu vào cho quá trình giáo dục phải được số hóa, trong đó quan trọng nhất là học liệu (tài liệu, giáo trình, bài giảng...) và dữ liệu về người học để thực hiện quy trình quản lý và đánh giá quá trình, kết quả học tập. Chuyển đổi số không đơn giản chỉ là số hoá các nguồn tài liệu mà còn bao gồm việc chuyển đổi phần cứng như trang thiết bị, cơ sở vật chất và việc quản trị các nguồn lực dành cho giáo dục, đào tạo cũng thay đổi.

Thứ hai, chuyển đổi số làm cho *quá trình giáo dục đào tạo BC-TT* có những thay đổi căn bản, từ cách thức thực hiện, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học trên không gian số, đến khai thác công nghệ thông tin để tổ chức và triển khai phương pháp giảng dạy, linh hoạt trong vận dụng và sử dụng các tính năng của thiết bị sao cho việc giảng dạy đạt kết quả kỳ vọng. Các giảng viên và sinh viên sử dụng linh hoạt các nền tảng học tập điện tử tương tác và các nền tảng truyền thông xã hội như Facebook, Twitter và Instagram để việc dạy và học được tốt hơn.

Toàn bộ dữ liệu về quá trình học tập của sinh viên cũng được theo dõi và lưu trữ bằng công nghệ chứ không phải thông qua hệ

thống hồ sơ sổ sách thông thường. Công việc này đòi hỏi phải có sự nghiên cứu và ứng dụng các kiến thức về khoa học xã hội, các triết lý giáo dục mới vào thiết kế nội dung cũng như công cụ thực hiện giảng dạy, tận dụng thế mạnh của công nghệ để thực hiện cá nhân hoá chương trình đào tạo.

Tiếp đó, về *kết quả đầu ra*, chuyên đổi số đảm bảo việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện trong quá trình giáo dục, kể cả đánh giá kết quả đào tạo. Không chỉ kết quả đánh giá được số hoá, mà quá trình đánh giá và lưu trữ kết quả cũng phải được triển khai, thực hiện bằng ứng dụng công nghệ trên máy tính.

Cuối cùng là *môi trường giáo dục*, cần có hệ thống chính sách cấp vĩ mô và cấp cơ sở giáo dục phù hợp để khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình giáo dục đào tạo mới dựa trên các nền tảng số; công nhận tính hợp pháp của đào tạo trực tuyến với hệ thống các công cụ giám sát, quản lý và đảm bảo chất lượng.

Tuy nhiên, có rất nhiều khó khăn, thách thức trong việc tạo ra những thay đổi đáng kể và bền vững trong giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực cho lĩnh vực BC-TT. *Thách thức đầu tiên* đến từ mức độ sẵn sàng chuyên đổi số. Không phải cơ quan đào tạo BC-TT nào cũng đủ nguồn lực để đầu tư vào hạ tầng, trang thiết bị hiện đại. *Thách thức thứ hai* là các cơ sở đào tạo BC-TT có theo kịp các xu hướng, định dạng truyền thông mới. Truyền thông ngày càng gắn với dữ liệu và phân tích dữ liệu hơn. Hành vi của người học, nhất là thế hệ Zen Z và sau Zen Z ngày càng khó nắm bắt, ví dụ, để tương tác tốt với sinh viên, nhà trường có phải xuất hiện trên Tiktok, Instagram... không?

“Không phải bàn cãi rằng công nghệ sẽ ngày càng tiến hóa hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học. Tuy nhiên, điều đáng quan tâm là hành vi của người học đang thay đổi rất nhanh và trong nhiều trường hợp các cơ sở đào tạo vẫn chưa kịp thích ứng với sự thay đổi này”⁽¹⁴⁾. *Thách thức thứ ba* là về nguồn nhân lực (cả người dạy và người học). Chuyển đổi số hiệu quả trong công tác đào tạo đòi hỏi sự thay đổi tư duy của các cấp quản lý, đội ngũ giảng viên để thích ứng với bối cảnh mới, hành vi và nhu cầu mới của người học. Ví dụ, một bộ phận giảng viên không kịp thay đổi, chỉ đơn giản là đưa kế hoạch bài giảng, bài giảng từ môi trường vật lý lên môi trường số, không hề có sự thay đổi về cách soạn bài giảng hay cách tương tác với sinh viên. Ở một khía cạnh khác, với một lĩnh vực, ngành nghề đòi hỏi sự thích ứng với công nghệ - kỹ thuật cao, làm sao để giữ chân được giảng viên giỏi, đồng thời thu hút được đầu vào chất lượng cao để đào tạo một nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng sẵn sàng tham gia vào môi trường BC-TT sôi động nhưng cạnh tranh khốc liệt là yếu tố thiết yếu.

3. Một số giải pháp để chuyển đổi số trong đào tạo BC-TT

Trong thời gian sắp tới, để quá trình chuyển đổi số diễn ra nhanh chóng, mượt mà, thay đổi cả về tổ chức, hoạt động và tư duy của người dạy và người học, các cơ sở đào tạo BC-TT cần tập trung thực hiện các hành động sau đây:

Một là, phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm, hợp lực thực hiện chuyển đổi số.

Hai là, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên có kiến thức, kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin, an toàn thông tin để làm việc trên môi trường số; tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Ba là, đổi mới chương trình đào tạo trong đó tích hợp nhiều học phần, đảm bảo đầu ra là những nhà hoạt động BC-TT có bản lĩnh chính trị, đạo đức, thực hiện được nhiều nhiệm vụ và kỹ năng tốt. Để quá trình đào tạo đạt hiệu quả cao, các chương trình đào tạo BC-TT cần cân bằng giữa khối kiến thức nền tảng, lý thuyết và kỹ năng thực hành. Trước khi thực hành nghề, các phóng viên, nhà báo chuyên nghiệp phải được đào tạo căn bản, dần dần đào tạo nâng cao, bổ sung và cập nhật kiến thức, kỹ năng mới. Nếu chương trình đào tạo hàn lâm, người học sẽ thiếu kiến thức thực tế và tốn thêm thời gian tích hợp kỹ năng sau khi ra trường. Nếu chương trình học chỉ đào tạo kỹ năng, người học sẽ thiếu kiến thức nền tảng, kiến thức xã hội và đặc biệt là phương pháp luận, phương pháp phân tích và giải quyết vấn đề dẫn đến có thể viết những bài sáo rỗng, không có chiều sâu và góc nhìn riêng.

Các chuyên gia truyền thông không hạ thấp tầm quan trọng của các kỹ năng “truyền thông” như đưa tin, viết, hiểu biết về lịch sử, luật pháp, đạo đức và hiểu biết về tin tức⁽¹⁵⁾ trong quá trình số hóa báo chí nhưng cũng nhiều người tin rằng “các nhà báo trong thời đại mới nên được trang bị toàn bộ các kỹ năng, cả truyền thông và kỹ thuật số”⁽¹⁶⁾.

Trong xu hướng hội tụ của các tòa soạn trên khắp thế giới, nhà báo phải tiếp cận với các kỹ năng BC-TT mới để đưa tin phù hợp với

nhu cầu và thị hiếu của công chúng, sẵn sàng sử dụng thiết bị di động để tạo ra các nội dung phù hợp với điện thoại thông minh, máy tính bảng; tập trung vào kỹ năng viết, kỹ năng làm video (biết quay, xử lý và đưa video lên mạng), biết ghi âm và chỉnh sửa các file âm thanh, thực hiện báo chí dữ liệu, tương tác với công chúng, thiết kế web và phân tích website (đo lường, thu thập, phân tích và báo cáo dữ liệu web nhằm mục đích hiểu và tối ưu hóa việc sử dụng web)⁽¹⁷⁾. Trong số những kỹ năng này, kỹ năng sử dụng, “biến” những dữ liệu phức tạp thành những câu chuyện hấp dẫn, dễ hiểu bằng hình ảnh là một kỹ năng quan trọng mà nhiều hãng truyền thông sẵn đón. Đồng thời, mỗi thành viên của tòa soạn không phải là những cá nhân chuyên biệt mà phải làm việc theo nhóm. Điều này cần phải được chuẩn bị tốt cho người hành nghề ngay từ khi còn học trên giảng đường đại học.

Bốn là, triển khai các hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS - learning management system) tiên tiến để toàn bộ đội ngũ giảng viên, cán bộ làm quen với các công nghệ, công cụ số hỗ trợ giảng dạy trực tuyến hiệu quả; thực hiện số hóa triệt để dữ liệu người dạy và học, kể cả kiểm tra, đánh giá và phản ánh quá trình quản lý sinh viên trực tiếp trên môi trường mạng; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn cũng được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng.

Năm là, hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, nâng cấp những thiết bị công nghệ thông tin thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng.

Sáu là, thúc đẩy phát triển học liệu số cho việc dạy - học, đáp

ứng nhu cầu tự học; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, liên kết với quốc tế, khuyến khích học tập suốt đời. Học tập, nghiên cứu cũng chỉ là một phần trong toàn bộ hành trình của sinh viên khi theo học một trường đại học nào đó. Thời gian của sinh viên cho các hoạt động ngoại khóa, cộng đồng cũng chiếm phần khá quan trọng trong hành trình của mỗi sinh viên. Giống như các doanh nghiệp, các trường đại học cần quan tâm đến hành trình khách hàng (customer journey) của sinh viên và cố gắng tạo ra những trải nghiệm tốt cho sinh viên trên hành trình của họ.

Bây là, triển khai mạng xã hội giáo dục có sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo môi trường số kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý giáo dục, nhà tuyển dụng, nhà trường, giảng viên, sinh viên; tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với các doanh nghiệp, tạo ra các trung tâm khởi nghiệp và sáng tạo, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận với các công nghệ mới trong BC-TT.

Như vậy, để đáp ứng các yêu cầu của thời đại mới trong bối cảnh số, các cơ sở đào tạo BC-TT sẽ phải chuyển đổi một cách căn bản và toàn diện□

(1) Bộ Thông tin và Truyền thông (2020), *Cẩm nang chuyển đổi số*

(2) J. Bughin, T. Catlin, and L. LaBerge, “A winning operating model for digital strategy,” McKinsey&Company, 2019, <https://www.mckinsey.com/business-functions/digital-mckinsey/our-insights/awinning-operating-model-for-digital-strategy?>

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG Sự thật, T.2, tr.335.

(4) <https://moit.gov.vn/tin-tuc/doanh-nghiep/chuyen-doi-so-giup-doanh->

[nghiep-co-suc-chong-chiu-tot-hon.html](#)

(5) <https://ecommage.com/toan-can-h-digital-tai-viet-nam/>

(6) Malmelin, Nando, and Mikko Villi. 2016. “Audience Community as a Strategic Resource in Media Work.” *Journalism Practice* 10 (5): 589–607. doi: 10.1080/17512786.2015.1036903

(7) Guo, L., & Volz, Y. (2019). (Re)defining Journalistic Expertise in the Digital Transformation: A Content Analysis of Job Announcements. *Journalism Practice*, 1-22. doi:10.1080/ 17512 786.2019.1588147

(8) Bakker, Piet. 2014. “Mr. Gates Returns: Curation, Community Management and Other New Roles for Journalists.” *Journalism Studies* 15 (5): 596-606. doi:10.1080/ 1461670X. 2014. 901783

(9) <https://vtv.vn/xa-hoi/vietnamplus-insider-hop-tac-thuc-day-chuyen-doi-so-trong-bao-chi-20210106123023139.htm>

(10), (14) Phỏng vấn TS Phạm Anh Tuấn, Phó Viện trưởng Viện Sáng tạo và Chuyển đổi số, Liên hiệp các hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

(11) <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=7502>

(12) <http://baochinhphu.vn/Utilities/PrintView.aspx?distributionid=445274>

(13) <https://kiemsat.vn/phan-dau-den-nam-2030-100-co-quan-bao-chi-thuc-hien-chuyen-doi-so-62383.html>

(15) Lynch, D. (2015). *Above & beyond-Looking at the future of journalism education*. Miami, FL: Knight Foundation

(16) Finberg, H. (2014a). Journalism needs the right skills to survive. Poynter Institute. Retrieved from <https://www.poynter.org/news/journalism-needs-right-skills-survive>

(17) Finberg, H. (2014b). New newsroom training report shows gaps, some progress. Retrieved from <https://www.poynter.org/news/new-newsroom-training-report-shows-gaps-some-progress>

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.- 2022.- Số 1.- Tr.70-75.

**CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG KỶ NGUYÊN SỐ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

PGS. TS PHẠM ĐỨC CHÍNH
Học viện Hành chính Quốc gia

Ngày nhận bài 21/3/2022 Ngày biên tập: 18/5/2022 Ngày duyệt đăng: 15/6/2022

Tóm tắt: Chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước được hiểu là việc tích hợp, áp dụng công nghệ số vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm tạo ra các giá trị mới, là quá trình chuyển đổi ở cấp độ hệ thống nhằm thay đổi hành vi trên quy mô lớn, giúp các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng có thể hợp tác chia sẻ tất cả các loại thông tin, tài liệu dễ dàng. Bài viết khái quát những luận cứ và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số; đào tạo, bồi dưỡng; quản lý nhà nước.

Abstract: Digital transformation in state management training and fostering is understood as the integration and application of digital technology into training and fostering activities in order to create new values, aiming at changing the behavior on a large scale, and helping training and fostering

units to cooperate and share all kinds of information and documents easily. The article summarizes the arguments and offers a number of solutions to improve management capacity and effectiveness of state management training and fostering in the existing period in Vietnam.

Keywords: Digital transformation; training and fostering; state management.

Trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, chuyển đổi số không chỉ đơn giản là ứng dụng, áp dụng công nghệ số, mà cần kết hợp với chuẩn hóa các khâu, công đoạn trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng như các thủ tục, quy trình, quản lý... các hoạt động của chuyển đổi số được hợp thành, từ việc số hóa dữ liệu quản lý, hoạt động của tổ chức; áp dụng công nghệ số để tự động hóa, tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý, hoạt động đào tạo bồi dưỡng, phối hợp công việc đến chuyển đổi toàn bộ mô hình đào tạo, bồi dưỡng tạo thêm giá trị mới cho đơn vị đào tạo, bồi dưỡng. Chuyển đổi số là quá trình kết nối, tích hợp đồng bộ trong hệ thống quản lý và tổ chức thực thi đào tạo, bồi dưỡng trên môi trường số với các công nghệ số. Các mô hình và quá trình đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn kết nối, chia sẻ thông tin sẽ đặt ra cho tổ chức về tập trung đầu tư nhiều cho sáng kiến, sáng tạo, đổi mới để đạt được “đơn vị đào tạo, bồi dưỡng số”; là động lực để nâng cao tầm nhìn cũng như giá trị của đơn vị. Như vậy, chuyển đổi số giúp nhân sự trong mỗi đơn vị đào tạo, bồi dưỡng có quyền truy cập vào lượng dữ liệu lớn. Nắm bắt tất cả các thông tin về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

và dựa trên các dữ liệu này, các nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định chính xác, nhanh chóng hơn.

1. Mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước

Sự thống nhất các tổ chức quản lý và tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước sau khi hoàn thiện các điều kiện “cần” về các chương trình, tài liệu sẽ là cơ sở để khi ứng dụng chuyển đổi số, đơn vị đào tạo, bồi dưỡng có thể tự động hóa các thao tác nghiệp vụ và thủ tục, quy trình, tiết kiệm tối đa chi phí cho các hoạt động mà trước đây được thực hiện theo cách thủ công và tốn rất nhiều thời gian, đồng thời cũng luôn coi trọng những sáng kiến làm tăng hiệu quả của đơn vị. Vì vậy, cần đưa ra các quan điểm về mục tiêu và nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa cho điều kiện “đủ” này làm cơ sở định hướng cho các tổ chức liên quan.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm hoàn thiện về hình thức, nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng, cũng như phân công tổ chức hoạt động quản lý và cấp chứng chỉ chương trình bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ nhà nước; công chức các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội trong giai đoạn hiện nay. Từ cuối quý I năm 2022, chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức và chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý đang được Học viện Hành chính Quốc gia tiếp tục

ngiên cứu, tham mưu để hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đưa vào tổ chức thực hiện trong năm 2022. Đây không chỉ đảm bảo sự thống nhất trong quản lý về điều kiện “cần”, mà còn là cơ hội để hoàn thiện đáp án cả về điều kiện “đủ” trong chuyển đổi số về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với đội ngũ cán bộ, công chức trước yêu cầu đặt ra của nền quản trị công quốc gia.

Vì vậy, chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước cần đặt ra mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể mang tính hệ thống, đồng thời xác định các hoạt động chủ trì, phối hợp nhằm tập trung nguồn lực tổ chức, triển khai thực hiện theo lộ trình đặt ra theo kế hoạch, đề án thiết lập.

1.1. Về mục tiêu

Hình thành nền tảng số về đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, tạo cơ hội tiếp cận tốt nhất cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập, góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng trong các cơ quan nhà nước, đồng thời đổi mới hệ thống quản lý, quản trị cũng như phương thức giảng dạy, học tập nhằm mang lại những giá trị mới, chất lượng, hiệu quả mang tính đồng bộ trong hệ thống hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước.

1.2. Về nhiệm vụ

Triển khai hệ thống thông tin quản lý về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến các dữ liệu và chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, các chương trình nâng cao năng lực khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước, chú

trọng các thủ tục, quy trình ứng dụng công nghệ số, các dịch vụ hỗ trợ trong hệ thống, tạo nên các kho học liệu chia sẻ trực tuyến và một phân tài liệu học tập, cần ứng dụng công nghệ tự động hóa, tạo nền tảng chung về sử dụng cơ sở dữ liệu, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, nhằm phục vụ tốt nhất cán bộ, công chức, viên chức tham gia học tập suốt đời.

Như vậy, nhiệm vụ đặt ra là xây dựng Cổng thông tin điện tử và xây dựng hệ thống phần mềm, ứng dụng công nghệ điện tử và cơ sở dữ liệu chuyển đổi. Việc xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu cần triển khai ở tất cả các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước (từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, chương trình, tài liệu, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên...) và các tổ chức quản lý nhà nước về hoạt động này. Từ đó kết nối trong toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương nhằm thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý nhà nước theo quy định. Ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới môi trường kết nối, hoàn thiện nền tảng kết nối. Khai thác và ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), các dữ liệu nền tảng lớn để đưa vào ứng dụng, chia sẻ dữ liệu, quản lý mã định danh, xác định người dùng trên môi trường số kết nối, thực hiện số hóa các nguồn lực trên mạng internet vạn vật (IoT); bên cạnh đó ứng dụng công nghệ thông tin cũng hướng tới quản lý toàn bộ các bộ phận hoạt động đào tạo, bồi dưỡng mang tính kết nối liên thông, nhằm chia sẻ những tiến bộ trong quản trị thiết thực, hiệu quả.

Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, xác định việc đổi mới mô hình dạy và học phù hợp với điều

kiện, hoàn cảnh cụ thể, tổ chức các hội thảo, tọa đàm về tiêu chuẩn, kỹ năng số để thúc đẩy ứng dụng, hướng tới sự đổi mới, sáng tạo, nhất là các bài giảng điện tử, các kho học liệu chia sẻ và các tài liệu khác; đồng thời phát triển các ứng dụng nền tảng số, nhất là các hoạt động dạy, học, kiểm tra, thi trực tuyến. Kết hợp nền tảng dạy học với nền tảng quản lý của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng, IoT đảm bảo hoạt động hiệu quả.

Xây dựng các chính sách về cơ sở dữ liệu từ thiết lập, quản lý, chia sẻ, khai thác, các chế tài về khóa học, nội dung, hình thức, phương pháp dạy và học cũng như quyền lợi và nghĩa vụ trong hoạt động phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nhằm thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và hiệu quả hoạt động quản lý. Tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quản lý và đội ngũ giảng viên về làm việc trên môi trường số, đảm bảo yêu cầu về nhân lực chuyển đổi số, theo đó đưa ra quy định thống nhất về năng lực số cho người dạy, người học và người quản lý. Thiết kế một ngôi nhà chung về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước đảm bảo thực hiện số hóa triệt để, đẩy mạnh các dịch vụ công trực tuyến để các hoạt động hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước được thực hiện chủ yếu trên môi trường mạng kết nối, chia sẻ, minh bạch, đồng thuận và trách nhiệm, đồng nghĩa với một thiết chế chung về hoạt động này dưới dạng một văn bản quy phạm pháp luật sớm được ban hành từ Chính phủ.

2. Một số hoạt động chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước thời gian qua

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-

NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó nhấn mạnh yêu cầu cấp bách để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển công nghệ số Việt Nam; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030. Đây là những cơ sở chính trị, pháp lý để các ngành, lĩnh vực ở Trung ương và chính quyền địa phương đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo lộ trình, định hướng để thực hiện triển khai chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo nói chung được xác định là một trong tám lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Về chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước, cần tập trung vào hai nội dung cơ bản là chuyển đổi số trong công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng và chuyển đổi số trong công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Về chuyển đổi số quản lý, việc chuyển đổi để số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu trong hệ thống quản trị liên thông, trên môi trường ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, blockchain, phân tích dữ liệu...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác trong quản lý hoạt động phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, quản trị của đơn vị đào tạo, bồi dưỡng và quản lý nhà nước đối với đơn vị đào tạo, bồi dưỡng. Về chuyển đổi số trong giảng dạy, học

tập và nghiên cứu khoa học, gồm số hóa chia sẻ học liệu về chương trình, tài liệu điện tử, phần mềm bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tình huống, thư viện số, hệ thống đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến, các hoạt động, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học, đề tài, đề án... Các hoạt động này, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng bước đầu có những kinh nghiệm trong giai đoạn phòng, chống dịch bệnh COVID-19 vừa qua.

Thực trạng về tiếp cận với chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng hiện nay, nhiều chuyên gia giáo dục và công nghệ cho rằng, khó khăn cần vượt qua trong giai đoạn tới sẽ không chỉ là việc đầu tư vào công nghệ và hạ tầng cơ sở mà cần giải bài toán về nguồn nhân lực. Bởi vì, trong bối cảnh hiện nay, việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là chìa khóa giúp nâng cao khả năng chuyên gia và hấp thụ công nghệ. Việc thay đổi tư duy của đội ngũ nhân sự quản lý và phương pháp dạy học của đội ngũ giáo viên, giảng viên là điều không hề dễ dàng, ngay cả đến đối tượng người học cũng khó khăn trong tiếp cận, khi hàng năm vẫn được bồi dưỡng nâng cao kỹ năng truyền thống. Trong bối cảnh đó các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương đã chủ động trang bị cho mình các kiến thức về chuyển đổi số, mục tiêu và cách tiếp cận cũng đa dạng.

Diễn hình trong năm 2021, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (Văn phòng Chính phủ) phối hợp với Cơ quan Hợp tác kỹ thuật quốc tế Pháp (Expertise France), Đại học Bách khoa Paris và Trường Hành chính công Pháp hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo về “Chuyển đổi số trong cơ quan quản lý nhà nước”. Học viên là lãnh đạo quản lý, công

chức của một số bộ, cơ quan trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng phát triển chính phủ điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Khóa học bao gồm ba phần: Công nghệ phục vụ quản lý; Đổi mới cùng và lấy người dùng làm trung tâm; Đồng hành, hỗ trợ quá trình chuyển đổi. Chương trình cung cấp kiến thức căn bản và chuyên sâu về chuyển đổi số, về trí tuệ nhân tạo và dữ liệu cho quản lý, xác thực định danh trên môi trường số, các vấn đề về an toàn thông tin, trước khi tiếp cận nội dung đổi mới trong chuyển đổi số cùng người dùng ra sao, cách thức đổi mới lấy người dùng làm trung tâm, đơn giản hóa quản lý công và đánh giá quá trình đổi mới.

Tại một số địa phương, triển khai nhiều cách tiếp cận chuyển đổi số về nhiệm vụ quản lý nhà nước. Ví dụ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 26/7/2021 về việc đào tạo, tập huấn 02 khóa: nâng cao nhận thức, định hướng và triển khai chiến lược chuyển đổi số cho lãnh đạo các cấp và xây dựng văn hóa chính quyền số năm 2021. Mục đích, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và định hướng phát triển lâu dài; xây dựng và nâng cao năng lực kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh; định hướng và xác định được lộ trình cũng như chiến lược chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh; xây dựng giá trị cốt lõi của văn hóa chính quyền số, văn hóa với đồng nghiệp, với người dân thông qua chiến lược thực hiện chuyển đổi số trong quản trị công; hình thành nên giá trị cốt lõi, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt tự tin vào tầm nhìn, sứ mệnh và tôn chỉ định hướng của đơn vị trong hiện tại và tương lai; nhận biết và ứng

dụng được ưu thế của trí tuệ nhân tạo (AI) và quản lý dữ liệu lớn trong quản trị công. Đây được cho là hàm ý tương đối đầy đủ về mục tiêu đặt ra.

Khi nghiên cứu vấn đề chuyển đổi số trong giáo dục nói chung cũng như chuyển đổi số đối với hệ thống đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước mang tính quốc gia, nhiều ý kiến cho rằng phải xem xét đến các yếu tố ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến hoạt động bồi dưỡng, theo đó cần chú trọng đến các lĩnh vực cơ bản như: chiến lược, môi trường, văn hóa, công nghệ, các bên liên quan và điều quan trọng nhất là yếu tố con người - từ nhận thức đến các tư duy khởi động.

3. Những định hướng về chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước trong giai đoạn tới

3.1. Về cơ quan chủ trì và phối hợp quản lý

Nghị định số 89/2021/NĐ-CP quy định: Bộ Nội vụ xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý. Như vậy, Bộ Nội vụ có thể nghiên cứu, xây dựng hình thành một Đề án về “Chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà nước” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tổ chức thực hiện sau khi hoàn thiện các chương trình bồi dưỡng. Theo đó, Bộ Nội vụ là đơn vị chủ trì, tổ chức triển khai theo quyết định phê duyệt; trách nhiệm phối hợp triển khai là Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông (ví dụ, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nội dung chuyên môn về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; Bộ Tài chính về cấp

ngân sách cho các bộ thực hiện chuyển đổi số), cùng sự tham gia vào cuộc của các bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh (cơ quan quản lý các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tương ứng).

3.2. Về vị trí trung tâm và phối hợp của tổ chức đào tạo, bồi dưỡng

Nghị định số 89/2021/NĐ-CP quy định Học viện Hành chính Quốc gia là cơ sở tổ chức bồi dưỡng các chương trình về ngạch, vị trí việc làm cho công chức nhà nước (cấp cao và trung), nhất là phương pháp sư phạm giảng dạy quản lý nhà nước trong hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Điều này khẳng định vai trò thực tế trong thời gian qua với vị trí là “Trung tâm quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước” (thuộc Bộ Nội vụ) là đầu mối với các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành Trung ương và các trường chính trị cấp tỉnh có chức năng tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương, tổ chức thực hiện. Việc thiết lập vị trí trung tâm và phối hợp của các tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước tạo nên một hệ thống mạng lưới liên thông, không chỉ chia sẻ rộng rãi kho dữ liệu bài giảng, tài liệu, chương trình, kinh nghiệm về công tác quản lý, thiết kế mô hình, phương pháp dạy và học, cũng như sự đa dạng hình thức khóa học, mà còn thống nhất về hệ thống tiêu chí trong kiểm định, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng theo công nghệ mang tính thời đại.

Nếu đề án được triển khai sẽ là sự khởi nguồn về cơ sở lý luận, thực tiễn, làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể cho các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản về chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng về quản lý nhà

nước, trong hệ thống từ Trung ương đến địa phương. Chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước cần có sự phối hợp đồng bộ của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động đào tạo, bồi dưỡng quản lý nhà nước, nhằm khai thác hiệu quả các nguồn lực chất lượng mới từ chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong kỷ nguyên số, từng bước thực hiện các nguyên lý của quản trị công quốc gia□

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.*
2. Thủ tướng Chính phủ, *Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 về thúc đẩy phát triển công nghệ số Việt Nam.*
3. Chính phủ, *Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 và Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.*
4. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.*
5. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030.*
6. Nguyễn Mạnh Hùng, *Kinh nghiệm phát triển kinh tế số ở một số quốc gia và giá trị tham khảo với Việt Nam*, Báo điện tử Học viện Chính trị Công an nhân dân, ngày 15/4/2021.
7. Lữ Đăng Nhạc, *Một số vấn đề về chuyển đổi số trong hoạt động bồi dưỡng ở cơ sở giáo dục đại học*, Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông tháng 4/2021.

Nguồn: Tạp chí Tổ chức nhà nước.-2022.- Số 6.- Tr.25-29.

LƯU TRỮ TRỰC TUYẾN VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NGÀNH LƯU TRỮ

PGS, TS DUƠNG VĂN KHẨM

TS NGUYỄN KIM DUNG

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước

Trường Cán bộ quản lý giao thông vận tải

Hiện nay, hoạt động của các ngành, các cấp đang bước vào thời kỳ chuyển đổi số (CDS), ngành Lưu trữ cũng nằm trong xu thế đó. Vì vậy, thời gian qua, đã có nhiều nghiên cứu về khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ (TLLT) trực tuyến, trong đó Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước đã tổ chức thực hiện khai thác, sử dụng TLLT trực tuyến tại các lưu trữ lịch sử, cụ thể là:

1. Khai thác, sử dụng tài liệu lưu trữ trực tuyến

Xét về mặt công nghệ, có thể phân ra hai hình thức khai thác, sử dụng TLLT, đó là: hình thức truyền thống và hình thức trực tuyến.

Các hình thức sử dụng TLLT truyền thống được áp dụng phổ biến tại lưu trữ lịch sử, bao gồm:

- (1) Sử dụng TLLT tại phòng đọc của lưu trữ cơ quan, lưu trữ lịch sử.
- (2) Xuất bản ấn phẩm lưu trữ với thông tin cấp I và thông tin cấp II TLLT.
- (3) Giới thiệu TLLT trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử.
- (4) Triển lãm, trưng bày TLLT.

(5) Trích dẫn TLLT trong các công trình nghiên cứu.

(6) Cấp bản sao TLLT, bản chứng thực lưu trữ.

Đứng trước xu hướng của xã hội bước vào thời kỳ CDS, ngày 22/4/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 505/2022/QĐ-TTg về Ngày CDS quốc gia. Theo đó, ngày 10/10 hàng năm được lấy là “Ngày chuyển đổi số quốc gia”. Vì vậy, yêu cầu khai thác, sử dụng hình thức trực tuyến TLLT tại các lưu trữ lịch sử là cần thiết.

Hiện nay, yêu cầu khai thác, sử dụng trực tuyến TLLT đã được triển khai ở các trung tâm Lưu trữ quốc gia đối với một số phòng lưu trữ. Còn các trung tâm Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì chưa làm được nhiều. Do đó, để thực hiện khai thác, sử dụng TLLT theo hình thức trực tuyến, các điều kiện đặt ra đối với lưu trữ lịch sử như sau:

Một là, phân loại TLLT, lựa chọn những phòng lưu trữ và những TLLT có tần số sử dụng cao nhất.

Hai là, thực hiện số hóa TLLT.

Ba là, phân loại giá trị TLLT để lựa chọn những TLLT được sử dụng trực tuyến, vì không phải tất cả TLLT được sử dụng rộng rãi đều được khai thác, sử dụng trực tuyến.

Dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin, hình thức khai thác, sử dụng TLLT trực tuyến được cụ thể hóa bằng hình thức tổ chức phòng đọc trực tuyến. Đây là hình thức tổ chức khai thác sử dụng hiện đại và mới nhất hiện nay.

Tổ chức Phòng đọc trực tuyến là một cổng thông tin điện tử do các cơ quan lưu trữ tổ chức và quản lý, cho phép người sử dụng truy cập vào các cơ sở dữ liệu lưu trữ để tìm kiếm, khai thác và sử dụng TLLT.

Phòng đọc trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện sau:

(1) TLLT chứa trong Phòng đọc trực tuyến ở dạng số, thông tin TLLT được tổ hợp trong các cơ sở dữ liệu TLLT.

(2) TLLT được truy cập, tìm kiếm, sử dụng trên một cổng thông tin điện tử, qua mạng máy tính.

(3) Phòng đọc trực tuyến được đặt trong môi trường điện tử do lưu trữ lịch sử quản lý.

(4) Phòng đọc trực tuyến có cùng mục tiêu, chức năng như một phòng đọc truyền thống (trong đó, mục tiêu quan trọng nhất là phát huy giá trị của TLLT đối với đời sống xã hội bằng công nghệ mới).

Các cơ quan quản lý nhà nước và Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước cần hoàn thiện cơ sở pháp lý và quy định đối với phòng đọc trực tuyến. Trên thực tế, các văn bản pháp luật liên quan tới việc xây dựng phòng đọc trực tuyến đã được ban hành, như: Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ, trong đó khuyến khích việc thực hiện dịch vụ sử dụng TLLT điện tử trực tuyến; Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản TLLT điện tử.

Tuy nhiên, các văn bản này vẫn ở tầm vĩ mô, chưa có những

quy định chi tiết cho tổ chức phòng đọc trực tuyến. Bên cạnh đó, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cũng được ban hành nhưng chỉ dừng lại ở việc quy định về một số việc trong quy trình xây dựng Phòng đọc trực tuyến.

Để góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý trong lĩnh vực này, các cơ quan có thẩm quyền, như: Bộ Nội vụ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước cần tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ.

2. Chuyển đổi số trong ngành Lưu trữ

CĐS (Digital Transformation) trong ngành Lưu trữ cũng như các ngành khác, là đề cập nhiều hơn đến công tác quản lý các hoạt động sự nghiệp lưu trữ.

CĐS trong ngành Lưu trữ khác với việc ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin trong lưu trữ vì không thể giải quyết các công việc cụ thể, mà còn chú ý đến yêu cầu đổi mới thể chế, công tác nhân sự, công tác tổ chức... để thay đổi hiện trạng bằng các phương pháp công nghệ số, công nghệ thông tin.

Thuật ngữ chuyển đổi số được Thủ tướng Chính phủ đề cập trong Diễn đàn cấp cao Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam lần thứ 8, năm 2018 với chủ đề: “Chính phủ số, kinh tế số trong thời kỳ chuyển đổi số”. Tiếp đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược CĐS quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các

doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam và có tầm cỡ toàn cầu.

CĐS khác với kỹ thuật số. Đối với kỹ thuật số, chỉ giới hạn ở vận hành công nghệ thông tin hoặc rộng hơn là kỹ thuật cụ thể của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, như: trí tuệ nhân tạo (AI); vạn vật kết nối (IoT) và dữ liệu lớn (Big Data). Còn CĐS là công việc quản lý, chỉ đạo việc ứng dụng kỹ thuật số vào các hoạt động xã hội. CĐS trong lưu trữ thể hiện tập trung trong công tác quản lý lưu trữ, như:

Thứ nhất, chuyển đổi “Hệ thống lãnh đạo lưu trữ theo định hướng công nghệ số”, trước tiên là ở cấp trung ương, như lãnh đạo Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước, các trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Trung tâm hoặc Kho lưu trữ của các ngành Công an, Quốc phòng, Ngoại giao và các cơ quan, tổ chức có tài liệu chuyên môn khác.

Ở địa phương, là lãnh đạo các trung tâm Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để hướng tới khai thác sử dụng thông tin tài liệu, TLLT theo phương thức trực tuyến nhằm giải hóa được việc phải sử dụng giá trị vật lý của tài liệu, TLLT.

Để thực hiện được yêu cầu này, chúng ta phải xác định được giá trị tài liệu ngay từ khi chúng còn ở Lưu trữ cơ quan để lựa chọn được những tài liệu cần số hóa.

Thứ hai, chuyển đổi trong việc trang bị cho người sử dụng tài liệu chuyên môn những kiến thức của công nghệ số.

Mục đích cuối cùng của mọi hoạt động lưu trữ chuyên môn đều hướng tới khai thác, sử dụng có hiệu quả tài liệu, TLLT mà với kỹ năng CĐS thì có hiệu quả hơn.

Thứ ba, thay đổi cấu trúc dữ liệu thông tin của tài liệu và TLLT phù hợp với yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu số, đặc biệt là tài liệu chuyên môn.

Ở đây phải hiểu là, đối với tài liệu truyền thống, đơn vị tài liệu nhỏ nhất là hồ sơ thuộc một phong lưu trữ theo “Nguyên tắc xuất xứ”. Còn đối với công nghệ số, đơn vị sử dụng là thông tin xuyên phong, nhiều phong cùng một lúc, với mục tiêu là có được thông tin theo chủ đích.

Thứ tư, chuyển đổi mô hình quản lý, vận hành tài liệu của các cơ quan lưu trữ.

Đây là công tác tổ chức. Yêu cầu phải rất linh hoạt. Bất kể hoạt động của cơ quan nào, kể cả Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao đều hình thành ra hai loại tài liệu: tài liệu hành chính và tài liệu chuyên môn. Vậy phải căn cứ vào tính chất, số lượng tài liệu chuyên môn, để có thể tách ra “Kho lưu trữ chuyên ngành” riêng, nhất là khi tài liệu chuyên môn đã được “lưu trữ hóa”, khi thời hạn bảo quản ở giai đoạn lưu trữ cơ quan 30 năm đã kết thúc và trở thành TLLT.

Thứ năm, chuyển đổi nguồn nhân lực làm lưu trữ.

Đây là công tác cán bộ. Tài liệu chuyên môn có được quản lý, sử dụng hiệu quả hay không, đều do con người. Người làm lưu trữ phải hiểu điều này để chủ động trang bị cho mình những kiến thức về CDS. Đồng thời, yêu cầu các cơ quan, tổ chức trong ngành Lưu trữ phải lập kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ về kiến thức CDS trong lưu trữ với mục tiêu những người làm lưu trữ đều có vốn kiến thức về CDS tốt nhất.

Vì vậy, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực là việc làm bắt buộc và rất cấp thiết, là một trong những yếu tố tiên quyết để ngành Lưu trữ theo kịp bước phát triển CDS đang diễn ra.

CDS trong lưu trữ làm thay đổi kiểu quản lý lưu trữ theo chuỗi giá trị truyền thống - chuỗi tuyến tính, thứ tự, như: lập kế hoạch, phê duyệt, vận hành, đánh giá kết quả; phục vụ độc giả... Còn CDS, với sự phát triển của công nghệ số, công nghệ cảm biến thì quá trình phân tích dữ liệu không cần thứ tự theo kiểu tuyến tính, mà từng bước được số hóa các nguồn dữ liệu. Do đó, dữ liệu số trở thành tài sản trung tâm. Chuỗi giá trị tuyến tính được chuyển sang dạng mạng lưới, với trung tâm là dữ liệu số và phân tích dữ liệu để đưa ra quyết định một cách khách quan và nhanh nhất.

3. Đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong công tác lưu trữ

Một là, giải pháp xây dựng văn bản pháp luật về lưu trữ.

Đối với ngành Lưu trữ, căn cứ Luật Lưu trữ năm 2011, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước đã biên soạn trình Bộ Nội vụ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, như: Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của các cơ quan, tổ chức; Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.

Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước cần lập một dự án phân loại,

số hóa toàn bộ TLLT có tần số sử dụng cao, trước hết là của 4 trung tâm Lưu trữ quốc gia, sau đó, là các lưu trữ lịch sử khác ở trung ương và các tỉnh trực thuộc trung ương, để mở rộng khai thác, sử dụng TLLT với các giải pháp:

(1) Kết nối mạng quốc gia, mạng quốc tế tất cả thông tin cấp II TLLT.

(2) Chọn lọc TLLT, kết nối Mạng quốc gia hoặc Mạng nội bộ ngành Lưu trữ Thông tin cấp I TLLT.

Năm 2022, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước căn cứ sự chỉ đạo của Bộ Nội vụ, thực hiện dự án sửa Luật Lưu trữ năm 2011, trong đó căn cứ khoản 2 Điều 4: “Tập trung hiện đại hóa cơ sở vật chất, kỹ thuật và ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động lưu trữ” để quy định rõ hơn yêu cầu ứng dụng công nghệ số trong việc quản lý tài liệu và TLLT trong thời kỳ CDS.

Hai là, giải pháp đào tạo, tập huấn cán bộ, viên chức làm lưu trữ.

Theo đó, ngành Lưu trữ cần tổ chức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức CDS theo mức độ khác nhau cho từng loại nhân sự, bao gồm 3 chương trình cho các khóa đào tạo thuộc các đối tượng khác nhau:

Khóa thứ nhất, đào tạo, đào tạo lại cán bộ lãnh đạo tại các đơn vị thuộc Cục và các chi cục Văn thư Lưu trữ ở địa phương, các trường đào tạo nghiệp vụ văn thư lưu trữ với tri thức quản lý lưu trữ trong thời kỳ CDS. Khi vào học, người học cần xác định rõ quan niệm đối với cán bộ quản lý.

Khóa thứ hai, đào tạo các chuyên viên làm quản lý lưu trữ về

kiến thức CDS theo Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ, chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính.

Khóa thứ ba, đào tạo các viên chức lưu trữ ở các đơn vị sự nghiệp lưu trữ về kiến thức CDS mà hiện nay các viên chức này đang có chức danh lưu trữ viên chính, lưu trữ viên hạng II và Lưu trữ viên trung cấp theo quy định của Thông tư số 13/2014/TT-NV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ□

Tài liệu tham khảo

1. *Luật Lưu trữ* năm 2011.
2. *Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ.*
3. *Quyết định số 505/2022/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ngày chuyển đổi số quốc gia.*
4. *Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính.*
5. *Thông tư số 01/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý tài liệu điện tử trong công tác văn thư, các chức năng cơ bản của Hệ thống quản lý tài liệu điện tử trong quá trình xử lý công việc của cơ quan, tổ chức.*
6. *Thông tư số 02/2019/TT-BNV ngày 24/01/2019 của Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào và yêu cầu bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử.*
7. Hội thảo: “Khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ trực tuyến tại các lưu trữ lịch sử”. <https://www.archives.org.vn>, ngày 29/12/2022.

Nguồn: Tạp chí Quản lý nhà nước.- 2023.- Số 327.- Tr.123-126

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG LĨNH VỰC XUẤT BẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS HÀ VĂN HẬU

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Email: havanhau2008@gmail.com

Ngày ngày: 15 tháng 11 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 12 năm 2023

Tóm tắt: Chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản là một tất yếu, khách quan và cấp thiết. Các đơn vị xuất bản và kinh doanh xuất bản phẩm muốn phát triển cần sớm thực hiện việc chuyển đổi số. Để thực hiện việc chuyển đổi số thành công cần xây dựng kế hoạch, chiến lược tổng thể và lộ trình thực hiện phù hợp, khả thi; với các nhân tố tương ứng đảm bảo cho việc chuyển đổi số như: cơ chế, chính sách, nhân sự, cơ sở vật chất, công nghệ; đổi mới cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, công tác biên soạn, biên tập, phương thức phát hành, quảng bá, tiếp cận công chúng,...

***Từ khoá:** chuyển đổi số, xuất bản, phát hành xuất bản phẩm.*

Abstract: Digital transformation in the publishing sector is essential, objective, and imperative. Publishing entities and businesses in this domain need to promptly undergo digital transformation for development. To successfully achieve this, it is crucial to establish comprehensive plans, suitable strategies, and feasible implementation roadmaps, considering

corresponding factors ensuring this transformation such as mechanisms, policies, human resources, infrastructure, technology. This also involves innovation organizational structures, operational processes, editorial work, distribution methods, promotion, and public engagement.

Keywords: digital transformation, publishing, publication distribution.

1. Chuyển đổi số - xu thế tất yếu, khách quan và là nhiệm vụ cấp thiết đối với lĩnh vực xuất bản

Chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản là quá trình áp dụng những thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin và truyền thông nhằm thay đổi mô hình và quy trình hoạt động xuất bản, đa dạng hóa hình thức truyền tải nội dung và kênh phân phối, rút ngắn thời gian đưa sản phẩm đến độc giả, từ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội của hoạt động xuất bản. Chuyển đổi số được tiến hành trong tất cả các khâu, từ việc sáng tạo nội dung đến lựa chọn công nghệ sản xuất, phương thức truyền thông, marketing cho sản phẩm và cách quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm trên thị trường xuất bản phẩm. Chuyển đổi số không chỉ tác động mạnh mẽ đến các tổ chức, doanh nghiệp xuất bản mà còn tác động đến những nhóm đối tượng khác như các đối tác, cộng tác viên và khách hàng, gắn liền với những thay đổi về nhu cầu và phương thức tiếp cận xuất bản phẩm của công chúng. Đây là một quá trình phức tạp, diễn ra dưới sự tác động của nhiều yếu tố tích cực và tiêu cực, đan xen lẫn nhau.

Chuyển đổi số có thể mang đến những thay đổi ngày càng rõ nét

trong các khâu xuất bản, truyền thông, phát hành. Những công đoạn của xuất bản truyền thông sẽ được giảm tải và rút ngắn hơn để các xuất bản phẩm đến được với công chúng nhanh nhất và nhiều nhất có thể. Thực tế lĩnh vực xuất bản thể giới cho thấy các quốc gia có nền xuất bản phát triển hiện đại đều là những quốc gia đi đầu trong lĩnh vực xuất bản điện tử, xuất bản kỹ thuật số, các nước tiêu biểu như: Mỹ, Trung Quốc, Anh, Pháp, Đức...

Ở Việt Nam, chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản đã từng bước diễn ra trong các khâu của hoạt động xuất bản, thể hiện rõ nhất là trong các hoạt động marketing, bán hàng trên các trang thương mại điện tử, xuất bản điện tử. Hầu hết các nhà xuất bản, công ty sách đã thúc đẩy ứng dụng công nghệ vào trong hoạt động xuất bản, phát hành. Các kênh phát hành cũng được mở rộng, vượt ra ngoài khuôn khổ của các kênh phát hành truyền thống với các hệ thống phát hành trực tuyến được xây dựng theo công nghệ đa nền tảng, đa giao diện.

Ngành Xuất bản Việt Nam đã có nhiều cố gắng vượt qua khó khăn, thích nghi với cơ chế thị trường và từng bước hình thành thị trường phát hành sách đa dạng, phục vụ tốt nhu cầu của độc giả. Xuất bản và phát hành trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 cũng sẽ có sự kết hợp và tương tác mạnh mẽ của các nền tảng dịch vụ mạng xã hội khác nhau; đồng thời là khả năng tra cứu tức thời các nội dung quan tâm, hoặc người đọc cũng có khả năng dễ dàng đối chiếu nội dung với những phần mở rộng (ngoài nội dung chính của sách) được tích hợp ngay trong cuốn sách điện tử. Hiện nay, ở Việt Nam, ngành Xuất bản bước đầu đã có những chuyển động theo

xu hướng chuyển đổi số, khởi đầu bằng việc số hóa, xuất bản các dạng sách mới như sách điện tử (ebook), sách nói (audiobook), video book,... đã xuất hiện ngày một nhiều hơn trên thị trường xuất bản Việt Nam, không chỉ đáp ứng nhu cầu của bạn đọc thông thường mà còn đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng đặc biệt khác như học sinh, sinh viên, người khiếm thị.v.v.. Các hệ thống marketing, bán hàng tự động và bán tự động với trí tuệ nhân tạo như chatbot, tự động gửi thông tin marketing qua email, mạng xã hội theo sở thích, thói quen và nhu cầu riêng của từng khách hàng công chúng đang xuất hiện ngày một nhiều hơn. Vì vậy, cần coi chuyển đổi số là cơ hội phát triển cho ngành Xuất bản Việt Nam, tạo đà phát triển bắt kịp xu thế của thế giới.

2. Những khó khăn, thách thức và những vấn đề đặt ra đối với việc chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản

Đối với bất kỳ một công việc nào, để triển khai hiệu quả, chủ thể tiến hành đều cần phải nhận diện được những khó khăn và thách thức, trên cơ sở đó đưa giải pháp phù hợp nhất. Có thể nhận thấy có rất nhiều khó khăn, thách thức trên nhiều phương diện, nhiều chiều cạnh đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản gồm:

- 1) Sự chuyển biến chậm trong nhận thức, tư duy của các chủ thể, rào cản về tâm lý, ngại phải tiếp cận và đổi mới trước vấn đề khó, phức tạp;
- 2) Cơ chế, chính sách còn chưa thực sự đồng bộ, chậm đổi mới;
- 3) Nguồn nhân lực thực hiện công tác chuyển đổi số còn thiếu và

chưa thực sự đủ mạnh;

4) Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế; chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi số;

5) Công nghệ và việc tiếp cận, làm chủ công nghệ còn chậm đổi mới;

6) Vấn đề bảo mật và vấn đề bản quyền, sở hữu trí tuệ;

7) Cạnh tranh thị trường; thị trường phát hành sách trực tuyến phát triển chưa đồng bộ và thiếu cân đối;

8) Sự thay đổi về việc quảng bá và tiếp cận độc giả - công chúng;

9) Phương thức xuất bản và phát hành chậm được xác lập và cải tiến;

10) Còn thiếu sự đồng bộ, kết nối giữa các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài ngành để xây dựng và phát triển phần mềm vận hành quy trình chuyển đổi số;

11) Chưa tạo được sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận đọc sách cho toàn xã hội.

12) Công tác dự báo, nắm bắt xu thế còn chưa được đẩy mạnh,...

3. Một số giải pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản

Một là, thay đổi nhận thức và hành động của các chủ thể liên quan

Xã hội luôn vận động và biến đổi không ngừng. Mỗi chủ thể

trong xã hội đều bị chi phối bởi quy luật của sự vận động và biến đổi không ngừng đó. Trước cái mới, đặc biệt là cái khó, con người thường xuất hiện tâm lý ngại thay đổi. Đây là một nét tâm lý thường gặp nói chung của con người. Vì thế cần phải vượt qua “rào cản” tâm lý này để đạt được mục tiêu, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ thực tế đặt ra. Đối với công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành cũng vậy. Đó là vấn đề mới, vấn đề khó và phức tạp cần có sự tham gia của nhiều chủ thể. Để chuyển đổi số thành công và duy trì sự vận hành các hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành đảm bảo ổn định và phát triển thì buộc các chủ thể liên quan cần phải chủ động về tinh thần, đổi mới tư duy, sáng tạo, hiệu quả.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản có nhiều chủ thể liên quan: các cơ quan chức năng lãnh đạo, quản lý, các nhà lãnh đạo, quản lý, nhân sự làm trong nhà xuất bản, bạn đọc và các chủ thể liên quan khác... Vì vậy, các chủ thể liên quan cần có nhận thức, xác định rõ tư tưởng, muốn phát triển cần phải thích ứng với chuyển đổi số. Trước hết và cần tiên phong đó là sự thay đổi nhận thức và hành động của các nhà lãnh đạo, quản lý. Thay đổi nhận thức và hành động nghĩa là thay đổi cách nghĩ, cách làm, tìm ra cách làm mới, hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ vào vận hành yêu cầu thay đổi tư duy, cách nghĩ, cách làm của nhà lãnh đạo, quản lý đặc biệt là người đứng đầu đơn vị với vai trò đầu tàu, dẫn dắt quá trình xuất bản. Tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng đó là tiền đề quan trọng, tạo đà cho sự thành công của những công việc tiếp theo trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản.

Hai là, xây dựng cơ chế, chính sách và chiến lược phát triển phù hợp, khả thi trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản

Để chuyển đổi số thành công, cần nhận diện rõ những thuận lợi và khó khăn, thách thức; nhận diện nhu cầu về thực tiễn, những vấn đề đặt ra về đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực dự báo và đề xuất các giải pháp, chính sách đột phá để duy trì động lực đổi mới sáng tạo trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản, v.v... Trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện những kết quả đạt được trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Việt Nam về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó, tập trung phân tích, đánh giá các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách hiện hành về khuyến khích, hỗ trợ, ưu tiên, ưu đãi và nguồn lực tài chính đi kèm để các chủ thể liên quan trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật; có cơ chế, chính sách đặc thù, khuyến khích, ưu tiên, ưu đãi và bảo đảm các điều kiện thuận lợi cho chuyển đổi số hoạt động xuất bản, phát hành. Đồng thời sớm xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân lực chất lượng cao tham gia chuyển đổi số lĩnh vực Xuất bản; phát huy vai trò động lực của đổi mới sáng tạo trong quá trình chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản ở Việt Nam.

Chúng ta đều biết, có chủ trương đúng song cần có các cơ chế, chính sách tương ứng, phù hợp để thực hiện, hiệu quả chủ trương đó. Với phương châm hai chiều: chiều từ trên xuống, các cơ quan lãnh

đạo, quản lý xây dựng cơ chế chính sách để thực hiện và chiều các từ dưới lên, các đơn vị xuất bản và kinh doanh xuất bản phẩm trên cơ sở thực tế để đề xuất, kiến nghị với Nhà nước ban hành các chính sách phù hợp. Từ các mô hình cụ thể, có tổng kết, đánh giá để phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, đổi mới, sáng tạo. Mục tiêu là xây dựng được hành lang pháp lý đảm bảo an toàn và phát triển.

Ba là, xây dựng nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyển đổi số và vận hành, quản trị hệ thống xuất bản ổn định lâu dài

Nguồn nhân lực là nhân tố đặc biệt quan trọng trong quá trình chuyển đổi số và vận hành công tác xuất bản sau này. Để thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản cần có sự tham gia của nhiều chủ thể. Mỗi chủ thể có vai trò nhất định trong quá trình chuyển đổi này. Các chủ thể liên quan có kế hoạch, chiến lược để xây dựng đội ngũ thích ứng và thực hiện việc chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản. Cử cán bộ, nhân sự đi đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm về chuyển đổi số. Đối với các cơ quan lãnh đạo, quản lý nhà nước xây dựng đội ngũ đủ năng lực để lãnh đạo, quản lý hoạt động chuyển đổi số. Đối với đơn vị xuất bản, kinh doanh xuất bản phẩm cần chuẩn bị về đội ngũ nhân sự thực hiện và thích ứng nhanh với công tác chuyển đổi số. Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhân lực cho ngành xuất bản, in và phát hành, cần chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ, giảng viên đủ trình độ, năng lực giảng dạy các kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến chuyển đổi số.

Như vậy, có thể nói, để chuyển đổi số thành công, các chủ thể liên quan đều cần phải xây dựng đội ngũ của mình đảm bảo đủ năng

lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Công tác cán bộ, nhân sự được coi là vấn đề then chốt của chuyển đổi số lĩnh vực Xuất bản.

Bốn là, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho lĩnh vực xuất bản

Để thực hiện quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản hiệu quả, cần có sự tham gia đặc lực, sự “vào cuộc” của các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cho ngành xuất bản. Quá trình đào tạo nguồn nhân lực được cấu thành bởi nhiều yếu tố; quan điểm chủ trương của Đảng, chính sách, hệ thống pháp luật, các quy chế, quy định đào tạo của Nhà nước và cơ sở đào tạo, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, giáo trình, người học, cơ sở vật chất, công nghệ,...

Các nhân tố đó sẽ chi phối vào tạo nên chất lượng sản phẩm “đầu ra”, tức là người học sau tốt nghiệp. Trong các yếu tố đó, đối với cơ sở đào tạo, cần ưu tiên thực hiện tốt hai khâu (nhân tố) quan trọng của quá trình đào tạo, đó là thiết kế, xây dựng chương trình đào tạo và biên soạn hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập.

Trước hết, đó là việc các cơ sở đào tạo nhân lực ngành xuất bản cần thiết kế, đổi mới, hiện đại chương trình đào tạo ngành xuất bản đảm bảo cập nhật, đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ biên tập, xuất bản; gắn với việc chuyển đổi số phù hợp với chuyên ngành đào tạo đáp ứng với chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội. Nghĩa là trong chương trình đào tạo ngành xuất bản, cần phải xây dựng các khối kiến thức, các học phần có gắn với công nghệ, kỹ thuật liên quan đến việc chuyển đổi số.

Đồng thời với thiết kế chương trình đào tạo là việc biên soạn giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng. Giáo trình, tài liệu học tập chuyên ngành xuất bản cũng cần được cập nhật những kiến thức liên quan đến công tác chuyển đổi số. Cả hai vấn đề trên sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận, được trang bị các kiến thức, kỹ năng cơ bản liên quan đến công nghệ, chuyển đổi số. Để khi tốt nghiệp ra trường, họ thích ứng nhanh và tác nghiệp tốt, đáp ứng ngay được với các công việc, phù hợp với môi trường chuyển đổi số tại các đơn vị xuất bản, kinh doanh xuất bản phẩm.

Ngoài các nhân tố trên, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực cũng cần xây dựng chính sách, chiến lược, đầu tư nguồn lực một cách hợp lý để xây dựng đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành xuất bản, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội. Đồng thời, cần quan tâm, kết hợp xây dựng môi trường giáo dục, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ,... gắn với việc chuyển đổi số, nhằm tạo động lực, sự sáng tạo cho công tác đào tạo nhân lực ngành xuất bản phù hợp với xu thế chuyển đổi số hiện nay.

Năm là, đổi mới cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, kết hợp đổi mới công tác biên soạn, biên tập phù hợp với việc chuyển đổi số

Mỗi phương thức xuất bản, phát hành sẽ chi phối tới cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động của các đơn vị xuất bản, phát hành. Chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản cần nghiên cứu, đổi mới cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động kết hợp với đổi mới công tác biên soạn, biên tập để thích ứng và phù hợp với việc chuyển đổi số.

Hoạt động xuất bản gồm rất nhiều công đoạn, nhiều khâu,

song có thể nói công tác biên soạn, biên tập có vai trò đặc biệt quan trọng. Để thích ứng với việc chuyển đổi số, các nhà xuất bản cũng cần kịp thời đổi mới công tác biên soạn, biên tập, in, phát hành xuất bản phẩm phù hợp với nhu cầu xã hội và bối cảnh hội nhập quốc tế, đúng với chủ trương, sự lãnh đạo của Đảng và quy định pháp luật của Nhà nước, phù hợp với sứ mệnh, mục đích, tôn chỉ của mỗi đơn vị.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác biên soạn, biên tập, xuất bản, phát hành, cán bộ lãnh đạo, quản lý xuất bản có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn cao, có chính sách tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác biên tập, xuất bản, phát hành đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Ngoài ra, cần xây dựng chính sách ưu tiên, ưu đãi phù hợp nhằm thu hút đội ngũ cộng tác viên là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có kinh nghiệm... tham gia viết, biên soạn, biên dịch,... để xây dựng bản thảo có chất lượng tốt, nhằm thu hút công chúng, tăng hiệu quả xuất bản.

Sáu là, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng, công nghệ hiện đại

Cơ sở vật chất, hạ tầng, công nghệ là những điều kiện đặc biệt quan trọng của chuyển số nói chung, trong đó có chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản. Đi đôi với xây dựng việc cơ chế, chính sách phù hợp, xây dựng đội ngũ mạnh, Nhà nước cần đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành. Đa dạng hóa các thể loại sách và phương thức xuất bản, phát

hành, đặc biệt là xuất bản sách điện tử và phát hành sách trên mạng Internet. Triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về sách; cung cấp dịch vụ khai thác nội dung thông tin sách trên Internet. Cùng với đó, phương thức xuất bản và phát hành trên môi trường số phải được xác lập và nhanh chóng thay đổi cho phù hợp với bước tiến công nghệ; cần làm sinh động hơn phương thức xuất bản và phát hành sách điện tử... góp phần tích cực cho chuyển đổi số thành công.

Bây là, đổi mới cách thức quảng bá thị trường và tiếp cận bạn đọc - công chúng, xây dựng nền văn hóa đọc văn minh

Đối với chuyển số trong lĩnh vực xuất bản, ngoài các chủ thể như lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà xuất bản, nhân sự làm trong lĩnh vực xuất bản, cần có sự đồng hành thay đổi nhận thức và hành động của công chúng - bạn đọc. Nghĩa là bạn đọc truyền thống thường có thói quen đọc các sản phẩm xuất bản trên giấy, nay công nghệ thay đổi, thực hiện chuyển đổi số trong xuất bản thì công chúng cũng phải hình thành thêm hình thức, thói quen đọc các sản phẩm xuất bản với hình thức tồn tại mới, đó là bản điện tử, trên các thiết bị hiện đại như máy tính, điện thoại thông minh, thiết bị thông minh khác. Thực tế cho thấy, để thay đổi thói quen của con người cần có một khoảng thời gian dài. Thói quen đọc sách của công chúng từ các sản phẩm truyền thống sang các sản phẩm điện tử, hoặc các sản phẩm từ hoạt động chuyển đổi số nói chung cũng không nằm ngoài quy luật ấy, cần có thời gian, sự kiên trì và quyết tâm.

Mỗi loại hình xuất bản phẩm có cách tiếp cận công chúng riêng.

Đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản, cần kịp thời có cách tiếp cận mới đối với công chúng. Một số nhà xuất bản, công ty sách sớm chuyển dần hướng tiếp cận bạn đọc từ sách in sang sách điện tử. Đây cũng là một cách làm mới, minh chứng sinh động và rõ rệt nhất về chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản. Tính đến nay, cả nước ta đã có 12 nhà xuất bản và 6 doanh nghiệp phát hành được cấp xác nhận xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử.

Nhu cầu của người đọc ngày càng đa dạng là một tất yếu của xã hội hiện đại. Các nhà xuất bản và công ty phát hành cần nắm bắt và đáp ứng kịp thời sự đa dạng hóa nhu cầu người đọc. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc, Chính phủ vừa phê duyệt Chương trình sách Quốc gia với mục tiêu ứng dụng công nghệ số trong hoạt động xuất bản nhằm tăng cường cung cấp, phổ biến tri thức, nâng cao dân trí, phát triển văn hóa. Cục Xuất bản, In và Phát hành triển khai đưa chủ trương sách tinh gọn (sách tóm tắt) thành xu hướng mới, khai thác tiềm năng để phát triển lâu dài trong bối cảnh chuyển đổi số; tăng cường xây dựng, kết nối thư viện số phục vụ cộng đồng, nhằm xây dựng một xã hội học tập, góp phần nâng cao dân trí của Việt Nam.

Cùng với đổi mới cách quảng bá thị trường và tiếp cận bạn đọc - công chúng, kết hợp xây dựng thói quen đọc sách, cần có sự chung tay của toàn xã hội để xây dựng nền văn hóa đọc văn minh, góp phần nâng cao trình độ của người dân và toàn xã hội.

Tóm lại, tăng cường hợp tác, liên kết và xã hội hóa trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản; tăng cường tổ chức hội thảo, tọa đàm, trao đổi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm chuyển đổi số

Thực hiện xã hội hóa, liên kết giữa nhà xuất bản với các tổ chức kể cả các tổ chức nước ngoài được phép hoạt động ở Việt Nam đúng quy định của pháp luật. Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu xuất bản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng Internet và đội ngũ tuyên truyền các cấp. Đầu tư hợp lý cho ngành xuất bản tham gia triển lãm, hội chợ sách quốc tế ở trong và ngoài nước. Mở rộng giao lưu hợp tác, trao đổi xuất bản phẩm, kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam.

Chính là, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong chuyển đổi số sẽ giúp việc thực hiện chuyển đổi số được hiệu quả, kiểm soát được tiến độ, mức độ đạt được, thấy được những ưu điểm, hạn chế để từ đó đề xuất các biện pháp, giải pháp thực hiện hiệu quả hơn, giúp cho việc chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản ở Việt Nam thành công. Trong chuyển đổi số, vấn đề bản quyền luôn được quan tâm. Vì thế cần có quy định rõ ràng và thực hiện việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả để đảm bảo sở hữu trí tuệ, kích thích sự sáng tạo và phát triển.

4. Kết luận

Chuyển đổi số là một xu thế tất yếu và cấp thiết trong tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực xuất bản. Quá trình này mở ra hướng đi mới cho hoạt động xuất bản, nhằm lan tỏa tri thức một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất. Các đơn vị xuất bản và kinh doanh xuất bản phẩm muốn phát triển cần sớm thực hiện việc chuyển đổi số. Để thực hiện

chuyển đổi số thành công cần xây dựng kế hoạch, chiến lược tổng thể và lộ trình thực hiện phù hợp, khả thi; với các nhân tố đảm bảo cho việc chuyển đổi số như: cơ chế, chính sách, nhân sự, cơ sở vật chất, công nghệ; đổi mới cơ cấu tổ chức, quy trình hoạt động, công tác biên soạn, biên tập, phương thức phát hành, quảng bá, tiếp cận công chúng,... trong đó, yếu tố con người phải luôn giữ vai trò quyết định. Vì vậy, cần chú trọng đầu tư vào xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực xuất bản.

Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ phải được tiến hành liên tục và hiệu quả, cần có sự chung tay của toàn xã hội. Mức độ thành công của chuyển đổi số trong lĩnh vực xuất bản phụ thuộc vào sự nỗ lực, vượt qua những khó khăn, thử thách, đồng thời kiến tạo các giải pháp phù hợp với quyết tâm thực hiện của các chủ thể liên quan□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Trường Giang (2023), Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực báo chí - truyền thông. (<https://ajc.hcma.vn/Pages/nghien-cuu-hoahoc.aspx?ItemID=15956&CateID=705>).
2. Hà Huy Phụng (2023), Đổi mới hoạt động đào tạo báo chí trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay. <https://lyluanchinhtrivatruyen-thong.vn/doi-moi-hoat-dong-dao-tao-bao-chi-trong-boi-can-chuyen-doi-so-o-viet-nam-hien-nay-p27512.html> (29/9/2023).

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.- 2023.- Số 12.- Tr.52-57.

**BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG
TRONG XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

PGS, TS VŨ VĂN HÀ
Đại học Đại Nam

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu hiện nay diễn ra trong các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó có báo chí, truyền thông (BC-TT). Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực BC-TT cũng gặp không ít trở ngại, thách thức liên quan đến nhận thức và điều kiện, nguồn lực phát triển...

Xu thế tất yếu

Báo chí - truyền thông là một trong những ngành quan trọng trong hệ thống nền kinh tế quốc dân, một lĩnh vực luôn phản ứng nhạy bén với mọi biến động của đời sống kinh tế - xã hội. Để thực hiện tốt các chức năng của mình, BC-TT không thể nằm ngoài xu thế chuyển đổi số, thậm chí cần đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực BC-TT trước hết chính là việc sử dụng các công cụ, giải pháp công nghệ số để đổi mới mô hình, cách thức tác nghiệp, sản xuất và phân phối nội dung theo hướng tối ưu hóa mô hình tổ chức hoạt động của các cơ quan BC-TT. Đây chính là hoạt động ứng dụng công nghệ số để làm mới quy trình truyền thông trong sáng tạo và phân phối cũng như hưởng thụ các sản phẩm

và dịch vụ BC-TT. Để thực hiện bước chuyển này, các đơn vị, chủ thể hoạt động trong lĩnh vực BC-TT phải thực hiện số hóa thông tin liên quan đầu vào của hoạt động BC-TT và số hóa các quy trình tác nghiệp. Thực chất là chuyển đổi thông tin trên giấy và các quy trình thủ công thành định dạng kỹ thuật số, là sử dụng công cụ kỹ thuật số để tự động hóa và cải thiện cách làm việc hiện tại. Đây được xem là bước khởi đầu của quá trình chuyển đổi số và hiện nay nhiều cơ quan BC-TT ở Việt Nam đã và đang triển khai, góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, nhất là hoạt động kinh doanh sản phẩm và dịch vụ BC-TT.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng ở việc đầu tư vào công nghệ để số hóa các chức năng và quá trình hiện tại trong hoạt động BC-TT thì không đủ để chuyển đổi thực sự một đơn vị kinh doanh hay cả một lĩnh vực BC-TT.

Chuyển đổi số là việc triển khai một loạt những thay đổi về công nghệ và con người để tái cấu trúc cách thức hoạt động BC-TT, từ đó tạo ra những cơ hội và giá trị mới trong hoạt động kinh doanh BC-TT. Trên cơ sở dữ liệu và quy trình được số hóa từ môi trường diễn ra các hoạt động liên quan BC-TT, sử dụng các công nghệ số phân tích, đánh giá, đưa ra các quyết định để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của đơn vị kinh doanh. Nói cách khác chuyển đổi số thường được hiểu theo nghĩa là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây

(Cloud)... để thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty nhằm tạo những sản phẩm, dịch vụ mới cùng những giá trị và phương thức tiêu dùng mới.

ĐƯA LẠI NHIỀU LỢI ÍCH

Việc ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực BC-TT cho phép tự động hóa quy trình tác nghiệp làm giảm các chi phí hoạt động, nâng cao hiệu suất kinh doanh. Bên cạnh giảm chi phí còn rút ngắn, đẩy nhanh các công đoạn, đáp ứng kịp thời hơn nhu cầu của thị trường và sự quan tâm của công chúng.

Một là, trên cơ sở nguồn dữ liệu lớn với việc ứng dụng các công nghệ số không chỉ tự động hóa quy trình truyền thống mà còn cho phép hình thành quy trình mới trong sáng tạo sản phẩm và dịch vụ BC-TT mới để đáp ứng nhu cầu công chúng, đồng thời, tạo nhu cầu mới đối với thị trường, tăng tính tương tác giữa người làm báo với công chúng, giữa cơ quan báo chí với các cơ quan hoạch định và điều hành chính sách. Chẳng hạn, ứng dụng AI, Big Data, IoT tạo ra các sản phẩm mới: ứng dụng trả lời tự động (Chatbot), hay các sản phẩm báo chí dữ liệu, báo chí thị giác, mega story, infographic, Timeline, ảnh 360 độ, video 360 độ... Hoặc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giúp tăng lưu lượng người dùng, truyền tải thông điệp được cá nhân hóa đến từng bạn đọc với nhu cầu khác nhau, gợi ý các nội dung yêu thích của người đọc theo dạng Thư tòa soạn (Newsletter) hay tin tuyển chọn từ Ban biên tập (Editors Picks)...

Hai là, chuyển đổi số mở ra điều kiện tập hợp, thống nhất

các nguồn lực vào một mạng lưới trung tâm hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Trong quy trình truyền thống có sự tách biệt các nguồn lực, các bộ phận không chỉ về mặt vật lý mà cả về không gian. Với kinh doanh trên môi trường số, các nguồn lực được số hóa đồng bộ, được kết nối liên thông cho phép tối ưu hóa quy trình, phát huy hiệu quả cao nhất trong hoạt động sáng tạo và cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho nhu cầu công chúng.

Ba là, chính với chuyển đổi số tạo ra hệ thống để thu nhập số liệu khách hàng phù hợp, liên kết các dữ liệu làm cơ sở cho hoạch định chiến lược phát triển. Điều này sẽ gia tăng trải nghiệm cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng và tiện lợi của khách hàng trong kỷ nguyên số. Sản phẩm phải được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đây chính là cơ sở phát triển bền vững đối với mỗi đơn vị BC-TT trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Bốn là, đơn vị BC-TT hoạt động trên nền tảng số sẽ mở ra sự linh hoạt và kịp thời giải quyết nhiệm vụ trong những điều kiện môi trường kinh doanh biến động, khắc phục khoảng cách địa lý, bảo đảm hoàn thành tốt chiến lược kinh doanh.

Thực tiễn ở Việt Nam

Chuyển đổi số BC-TT hiện nay ở Việt Nam có nhiều thuận lợi, trước hết là quyết tâm chính trị và chủ trương thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở cấp chiến lược. Tháng 9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ngày 3/6/2020,

Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” hướng đến mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số”⁽¹⁾. Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng *Chương trình Hỗ trợ chuyển đổi số cho các cơ quan báo chí*, theo đó hỗ trợ 3 nền tảng giúp các cơ quan báo chí chuyển đổi số: 1) Nền tảng *Quản lý tòa soạn điện tử*, cho phép xây dựng tòa soạn hội tụ công nghệ hiện đại, đưa toàn bộ nghiệp vụ báo chí lên môi trường số; 2) Nền tảng *Phân tích thông tin, dư luận trên mạng xã hội*, giúp các cơ quan báo chí nắm bắt kịp thời thông tin, dư luận xã hội, nhờ đó nhận biết được nhu cầu thông tin, có tin bài đáp ứng đúng mong muốn của người đọc, đúng thời điểm người đọc cần; 3) Nền tảng *Hỗ trợ phòng chống tấn công và ứng cứu khẩn cấp* cho hệ thống thông tin của các cơ quan báo chí nhằm tạo lá chắn, bảo vệ hoạt động trên môi trường số cho cơ quan báo chí. Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn ngành giai đoạn 2021 - 2025 gồm 5 danh mục dự án: Hạ tầng số, nền tảng số, phát triển dữ liệu, ứng dụng - dịch vụ và an toàn thông tin. Việc triển khai kế hoạch này sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi số BC-TT - lĩnh vực quan trọng trong hoạt động thông tin và truyền thông nói chung.

Ở Việt Nam hạ tầng công nghệ thông tin viễn thông khá tốt, phủ sóng rộng, mật độ người dùng cao (hơn 70% người dân sử dụng Internet, thiết bị thông minh); dân số Việt Nam trẻ, sáng tạo, thích ứng nhanh, được đào tạo tương đối tốt, lao động chăm chỉ, có truyền thống hiếu học... là những lợi thế cho quá trình chuyển đổi số nói chung, trong lĩnh vực BC-TT nói riêng.

Ngoài ra, do điều kiện lịch sử trong phát triển, quá trình hiện đại hóa, số hóa muộn hơn so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam chưa bị trói buộc vào các công nghệ cũ và có tiềm năng để ứng dụng các công nghệ mới. Đây chính là lợi thế của nước đi sau trong tiến trình hiện đại hóa.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản trên, chuyển đổi số BC-TT cũng gặp khó khăn nhất định, đó là:

Thứ nhất, khó khăn trước hết là nhận thức về vai trò, sự cần thiết của quá trình chuyển đổi số. Chuyển đổi số hiện là xu thế mang tính tất yếu trong thời đại cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tuy nhiên không phải tất cả những người có trách nhiệm trong đơn vị BC-TT hiểu thấu đáo được vai trò, lợi ích của chuyển đổi số. Đây là một trong những nguyên nhân khiến cho quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan BC-TT của Việt Nam còn chậm; đa số các cơ quan báo chí, truyền thông mới bắt đầu ở giai đoạn ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình tác nghiệp...

Thứ hai, khó khăn, hạn chế trong nguồn lực đầu tư của không ít các cơ quan BC-TT đang là một trong những thách thức quan trọng

với quá trình chuyển đổi số. Cùng với quá trình chuyển sang thực hiện cơ chế thị trường trong sản xuất kinh doanh của nền kinh tế, BC-TT cũng đã có bước chuyển, tuy nhiên còn chậm, số các cơ quan báo chí tự chủ không nhiều. Theo Cục báo chí, năm 2019 số cơ quan báo chí tự chủ hoàn toàn về kinh phí mới đạt 39%, tự chủ một phần là 36%,... Những khó khăn trong nguồn thu ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư đổi mới cơ sở hạ tầng, các giải pháp kỹ thuật và thực hiện chuyển đổi số. Trong khi đó, năng lực công nghệ của nền kinh tế nói chung, của các đơn vị BC-TT nói riêng vẫn chưa cao, nhiều đơn vị báo chí, truyền thông chưa làm chủ được những công nghệ cốt lõi của chuyển đổi số.

Thứ ba, thách thức về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực công nghệ chất lượng cao cho quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực BC- TT. Để chuyển đổi số thành công, không chỉ cần đội ngũ phóng viên, biên tập viên có chuyên môn nghiệp vụ giỏi mà đi liền với đó là sự hiểu biết về công nghệ mới. Đây là điểm yếu trong khâu đào tạo thuộc hệ thống các trường BC-TT của Việt Nam, mặc dù trong những năm qua cũng đã có sự điều chỉnh khắc phục dần, song thực tế vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu. Hiện nay, mới có khoảng 30% số sinh viên tốt nghiệp CNTT đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp trong chuyển đổi số.

Thứ tư, việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương thành những quy định cụ thể trong các hoạt động chuyển đổi số diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra. Trong chuyển đổi số, dữ liệu là nguồn tài nguyên quan trọng, tuy nhiên việc dữ liệu có được coi là bí mật

kinh doanh hay không và cần có cơ chế bảo hộ như thế nào vẫn chưa được quy định rõ; vấn đề bảo hộ các loại tài sản trí tuệ trong kinh tế số cụ thể ra sao, bảo vệ dữ liệu và khai thác dữ liệu người dùng thế nào... cần phải được thể chế hóa. Để có thể thúc đẩy nền báo chí dựa trên công nghệ số, rất cần có nguồn dữ liệu lớn được kiểm chứng và tạo ra cơ chế để các cơ quan BC-TT kết nối, khai thác nguồn dữ liệu và làm giàu thêm nguồn dữ liệu số. Thực tế hiện nay, vẫn còn có sự tách biệt nguồn dữ liệu giữa các lĩnh vực, các bộ ngành trong nền kinh tế.

Thứ năm, chuyển đổi số có hiệu quả, thành công hay không, một trong những thách thức quan trọng là phải bảo đảm an ninh thông tin và thị trường BC-TT. Việc cập nhật các giải pháp tiên tiến, từ công nghệ, dịch vụ đến con người, quy trình nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin là vô cùng quan trọng. Trong lĩnh vực BC-TT, nếu an ninh thông tin không được bảo đảm thì không chỉ là mất dữ liệu, thiệt hại tài chính, mà còn bị chiếm quyền sử dụng, thay đổi giao diện, xuyên tạc nội dung thông tin, gây hoang mang, làm giảm niềm tin của công chúng vào đường lối, chính sách phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước.

Đề xuất một số giải pháp

Để bảo đảm điều kiện và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số BC-TT cần có hệ giải pháp đồng bộ, trước mắt tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tăng cường thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, làm rõ nội dung, vai trò và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số nói chung và trong lĩnh vực BC-TT nói riêng

đề tạo quyết tâm, đồng thuận. Các đơn vị BC-TT cần đẩy mạnh quá trình này, xem chuyển đổi số là chiến lược phát triển trọng tâm và hình thành chiến lược chuyển đổi số phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển chung. Đương nhiên việc chuyển đổi số trong lĩnh vực BC-TT không chỉ là công việc của các đơn vị BC-TT, mà là công việc chung cả xã hội, từ các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản và cộng đồng xã hội, những đối tượng thụ hưởng sản phẩm và dịch vụ BC-TT.

Hai là, nghiên cứu, xây dựng hệ thống thể chế liên quan đến hoạt động kinh doanh của BC-TT trong môi trường số. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới. Kinh doanh trên nền tảng số có những đặc điểm khác biệt, nên cần có quy định phù hợp, mở đường cho phát triển các mô hình mới, các dạng sản phẩm và dịch vụ mới, cũng như tạo cơ chế giao tiếp về nội dung, tài chính, quyền sở hữu tương thích trong môi trường số. Do là lĩnh vực mới, cần có thực tế để hình thành các quy định phù hợp, nên trước mắt trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm nước ngoài và đặc thù thị trường Việt Nam có thể triển khai các mô hình thí điểm, từ đó, tổng kết để có những quy định phù hợp bảo đảm hài hòa các lợi ích của các chủ thể trên thị trường.

Ba là, tổ chức đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực có chuyên môn, bản lĩnh, nắm vững kỹ năng tác nghiệp trên môi trường số.

Các cơ quan BC-TT cần thực hiện đào tạo bổ sung kiến thức về công nghệ thông tin để phóng viên chủ động ứng dụng các công nghệ

số trong tác nghiệp. Trước mắt nên hình thành bộ phận giỏi công nghệ làm hạt nhân để hỗ trợ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong mỗi cơ quan, đơn vị BC-TT.

Đổi mới cả nội dung đào tạo và phương pháp đào tạo gắn với yêu cầu tác nghiệp trong tòa soạn hội tụ. Đào tạo lý thuyết gắn liền với thực hành các kỹ năng tác nghiệp, thực hiện liên kết nhà trường với đơn vị BC-TT, nơi sử dụng lao động; đào tạo kỹ năng chuyên môn và công nghệ thông tin đi liền với giáo dục đạo đức và trách nhiệm, sứ mệnh người làm báo.

Bốn là, đầu tư nguồn lực hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, bảo đảm an ninh và điều kiện tác nghiệp trên môi trường số. Để phát triển hạ tầng dữ liệu, cần hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng cho chuyển đổi số; tập trung phát triển nền tảng để kết nối, chia sẻ, giám sát, phân tích và tổng hợp dữ liệu.

Năm là, hợp tác, liên kết giữa các chủ thể trên thị trường BC-TT trong thực hiện chuyển đổi số. Cần có sự gắn kết giữa các cơ quan BC-TT với các công ty công nghệ cũng như sự hỗ trợ của cơ quan chuyên ngành, việc liên kết, hợp tác mở ra cơ hội phát triển cho mỗi chủ thể và chính quá trình này làm giàu thêm hệ thống dữ liệu. Việc đầu tư tạo lập cơ sở hạ tầng mở gắn với việc làm giàu thêm dữ liệu số là hai động lực chính của quá trình chuyển đổi số BC-TT□

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2021, t.I, tr.213

Nguồn: Tạp chí Tuyên giáo.- 2022.- Số 2.- Tr.35-39.

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG TÒA SOẠN HỘI TỤ QUA PHÂN TÍCH CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI SỐ BÁO CHÍ HIỆN NAY

PGS. TS NGUYỄN THÀNH LỢI
Tổng Biên tập Báo Kinh tế và Đô thị;
Email: nguyenthanhloibc@gmail.com

Ngày nhận : 05 tháng 10 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 01 năm 2024

Tóm tắt: Chuyển đổi số báo chí trở thành xu thế tất yếu ở các cơ quan báo chí. Thực chất của chuyển đổi số báo chí là việc ứng dụng công nghệ ngày càng hiện đại vào hoạt động báo chí, làm cho hệ sinh thái báo chí số được bồi đắp thêm các tính năng mới, ưu việt, giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông. Tuy nhiên, chuyển đổi số báo chí là hoạt động mới và cũng khá khó trong tổ chức thực hiện, bởi trong quá trình vận hành các cơ quan báo chí phải phụ thuộc khá nhiều về công nghệ cũng như nguồn nhân lực mới. Tuy nhiên, trong bối cảnh của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thông tin cạnh tranh hiện nay, nội dung hay vẫn chưa đủ, mà cần phải tạo ra những trải nghiệm mới cho bạn đọc thông qua các ứng dụng công nghệ số. Bài viết phân tích một số vấn đề đặt ra đối với chuyển đổi số báo chí và cách thức xây dựng tòa soạn hội tụ hiện nay.

Từ khóa: xây dựng, tòa soạn hội tụ, chiến lược, chuyển đổi số, chuyển đổi số báo chí.

Abstract: The digital transformation of the press has

become an inevitable trend in media organizations. Essentially, the digital transformation of the press involves applying increasingly modern technology to media activities, enhancing the digital media ecosystem with new and superior features, thereby improving the quality and efficiency of communication. However, the digital transformation of the press is a new and challenging activity to implement because media organizations need to rely heavily on technology and new human resources during their operations. Nevertheless, in the context of the Fourth Industrial Revolution and current situation of competitive information, good content alone is not enough. There is a need to create new experiences for readers through digital technology applications. The article analyzes some issues related to the digital transformation of the press and the methods of building a converged newsroom in the present context.

Keywords: building converged newsrooms, strategy, digital transformation, digital media transformation.

Một số vấn đề đặt ra trong chuyển đổi số báo chí

Chuyển đổi số báo chí là sự tích hợp dữ liệu và công nghệ số vào tất cả các lĩnh vực hoạt động của một cơ quan báo chí. Do đó, việc sử dụng công nghệ số để thay đổi mô hình từ quản lý đến tác nghiệp, sản xuất, xuất bản, phân phối nội dung và kinh doanh..., tạo ra những sản phẩm, cơ hội, doanh thu và các giá trị mới, đó là mục tiêu mà các cơ quan báo chí luôn phải hướng tới.

Ngày 6/4/2023, Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 348/QĐ-TTg về Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Chiến lược nhằm mục tiêu xây dựng các cơ quan báo chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp nội dung số.

Mục tiêu đến năm 2030, 100% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước). 90% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động. 100% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

Hiện nay, đối với các cơ quan báo chí tại Việt Nam nói chung và Báo Kinh tế và Đô thị nói riêng, đang phải đối mặt với 4 vấn đề trong quá trình phát triển. *Một là*, nguy cơ bị tấn công mạng với quy mô lớn, có thể gây ra những tổn hại lớn. *Hai là*, ảnh hưởng đến thông tin từ mạng xã hội, thậm chí bị tác động bởi tin tức giả mạo, thiếu kiểm chứng... trong khi việc xác minh các nguồn tin cũng như xác định các trào lưu trên không gian mạng rất khó khăn, thậm chí là bất khả thi nếu không có các công cụ thích hợp, *Ba là*, xu hướng cá nhân hóa trong tiếp nhận thông tin cũng ngày càng cao. *Bốn là*, sự thay đổi vai

trò, vị thế của công chúng, đang từ thế bị động chuyển sang chủ động, vừa là người tiêu thụ các sản phẩm báo chí truyền thông, nhưng đồng thời cũng là người tham gia vào quá trình truyền tải thông tin.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của báo chí đa phương tiện, các loại hình truyền thông xã hội như trang thông tin điện tử, mạng xã hội (Facebook, Zalo, Twitter, youtube...) đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt cho hoạt động báo chí. Xu hướng hình thành các cơ quan truyền thông đa phương tiện ngày càng trở nên phổ biến cũng đặt ra những thách thức cần sự chuyển đổi số tại các cơ quan chí, chuyển đổi từ tập trung cho báo in sang tập trung cho báo điện tử. Đặc biệt, yêu cầu cập nhật thông tin nhanh nhạy, chính xác của bạn đọc. Vì vậy, đòi hỏi báo chí phải có sự đổi mới về công nghệ, tổ chức bộ máy để theo kịp xu thế đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao về yêu cầu nhiệm vụ chính trị.

Xu hướng tất yếu

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, hiện nay, hầu hết các cơ quan báo chí đã thay đổi cách thức làm việc, việc sản xuất nội dung thông tin và hệ thống quản trị kỹ thuật đổi mới sáng tạo sẽ giúp Ban Biên tập, lãnh đạo ban chuyên môn kịp thời nắm bắt chỉ đạo, điều hành thường xuyên, kịp thời. Với việc thay đổi về công nghệ, kỹ thuật, cách thức triển khai, quy trình làm báo, các cơ quan báo chí cần xác định rõ ràng và nhất quán muốn chuyển đổi số thành công thì vấn đề thay đổi tư duy, phong cách làm báo cho phóng viên, biên tập viên, thư ký trong tòa soạn phải thay đổi. Để thực hiện thành công chuyển

đổi số, trước hết các cơ quan báo chí cần phải tổ chức thường xuyên, liên tục các lớp đào tạo, hướng dẫn các phóng viên, biên tập viên, thư ký tòa soạn làm báo chí hiện đại trên mobile như quay, dựng video, chụp ảnh, infographic, emagazine, podcast...

Bên cạnh đó, việc xác định phát triển công chúng báo chí là mục tiêu quan trọng, nâng cao thương hiệu cơ quan báo chí trên các nền tảng số thu hút quảng cáo số trong thời đại thông tin số.

Để chuyển đổi số thành công, các cơ quan báo chí cần xây dựng hệ sinh thái với đa dạng các ấn phẩm và kênh thông tin trên các nền tảng mạng xã hội. Trong đó, kênh thông tin trên nền tảng Zalo, facebook, youtube...góp phần mở rộng kênh tương tác, mang đến cho bạn đọc nguồn thông tin tin cậy, nhanh nhạy bằng sản phẩm báo chí đa phương tiện. Đây được coi là bước tiến mới trong việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số báo chí, tạo nguồn thu quảng cáo số và tăng giá trị thương hiệu cho các cơ quan báo chí trong thời gian tới.

Ngoài ra, khi tiến hành chuyển đổi số, bộ phận kỹ thuật của các cơ quan báo chí phải thường xuyên có báo cáo, thống kê chi tiết các chỉ số quan trọng như độ tuổi, giới tính, vị trí địa lý, chuyên mục, tiêu mục, xếp hạng báo điện tử, các chuyên trang, nền tảng số định kỳ hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng để điều chỉnh nội dung phù hợp hướng đến đối tượng bạn đọc quan tâm và điều chỉnh những thông tin còn chưa được bạn đọc quan tâm... Từ thực tiễn của thế giới có thể thấy, tòa soạn hội tụ cần tập trung vào 4 yêu cầu cốt lõi: Đầu tư cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị hiện đại, thay đổi phương thức tác

nghiệp của cán bộ, phóng viên, biên tập viên; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu với nhiều ấn phẩm, quản lý dữ liệu tập trung tiến tới hình thành mô hình dữ liệu lớn; xây dựng hệ thống điều hành nội bộ kết nối với hệ thống quản lý nội dung thông minh; ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích hành vi và xu hướng người dùng để nâng cao chất lượng nội dung, phát triển bạn đọc, phát triển mô hình kinh doanh số trên các nền tảng số.

Trong đó, ứng dụng công nghệ hiện đại để xây dựng hệ thống phần mềm tòa soạn hội tụ thông minh, thiết kế dưới dạng module theo mô hình quản lý tập trung. Với mô hình quản trị mới, Ban Biên tập có thể điều hành toàn bộ hoạt động của tòa soạn thông qua một hệ thống phần mềm duy nhất, gồm đầy đủ các chức năng quản lý nội dung, quản lý phát hành, quản lý quảng cáo và văn phòng điện tử. Hệ thống quản lý nội dung được thiết kế hội tụ, gồm 3 trung tâm chính: Trung tâm thông tin, Trung tâm dữ liệu và Trung tâm thống kê, giúp quản lý toàn diện nội dung và xuất bản tất cả ấn phẩm báo in, báo điện tử cũng như đăng tải nội dung trên các nền tảng mạng xã hội; đồng thời sẵn sàng tích hợp quản lý xuất bản các ấn phẩm phát thanh, truyền hình trực tuyến trong tương lai. Trung tâm thông tin thu thập và hiển thị theo thời gian thực toàn bộ các thông tin về tiến độ thực hiện kế hoạch nội dung, hoạt động của các nhân sự, tình trạng tin, bài trong quy trình xuất bản của toàn bộ các ấn phẩm; các chủ đề mới, nóng trong nước, quốc tế, các từ khóa hot theo trend... sẽ giúp Ban Biên tập, Thư ký tòa soạn dễ dàng nắm bắt, điều hành công tác xuất bản các ấn phẩm. Trung tâm dữ liệu bao gồm toàn bộ nội dung tin, bài, ảnh, audio,

video, maket của tòa soạn, phục vụ xuất bản trên tất cả các ấn phẩm thông qua các quy trình xuất bản được thiết lập, phân quyền chặt chẽ. Thông qua Trung tâm dữ liệu, Thư ký tòa soạn có thể dễ dàng phân phối nội dung giữa các ấn phẩm, từ đó tạo ra những sản phẩm báo chí đa phương tiện chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thông tin đa dạng của bạn đọc.

Tòa soạn hội tụ - mục tiêu của chuyển đổi số

Tòa soạn hội tụ có sự hợp nhất giữa các phòng (ban) chuyên môn trong cơ quan, các phóng viên, biên tập viên cũng như lãnh đạo cùng làm việc trong một không gian mở trên một mặt phẳng, lấy trung tâm sản xuất và phân phối tin tức đa phương tiện làm hạt nhân - nơi có thể giúp lãnh đạo tòa soạn đưa ra “chỉ thị” nhanh nhất và thống nhất về nội dung đến từng nhân viên trong tòa soạn. Dù là mô hình tòa soạn nào, ban biên tập vẫn là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất. Tuy nhiên, trong mô hình tòa soạn hội tụ, mối quan hệ đa chiều và tính tương tác giữa các bộ phận trong tòa soạn thể hiện rất rõ ràng, bởi những người làm việc trong tòa soạn hội tụ phải vừa linh hoạt, sáng tạo, song phải phát huy tối đa tinh thần cộng tác, làm việc theo nhóm... Về nền tảng xuất bản trực tuyến cần xác định hệ thống quản lý nội dung (CMS) mà tòa soạn báo sử dụng để xuất bản nội dung trực tuyến; đánh giá trải nghiệm người dùng khi đọc nội dung trên trang web hoặc ứng dụng di động của tòa soạn; kiểm tra tính tương thích với các thiết bị di động và thiết bị khác; phân phối nội dung qua các kênh khác nhau xem xét cách tòa soạn tích hợp phân phối nội dung qua email, thông báo đẩy, tin nhắn SMS, ứng dụng di động, và các

nền tảng truyền thông xã hội. Qua đó có thể nắm bắt năng lực sản xuất nội dung của cơ quan báo chí và đội ngũ biên tập chuyên nghiệp. Tòa soạn hội tụ cũng giúp tạo ra một cộng đồng độc giả tích cực, thúc đẩy tương tác qua các kênh truyền thông xã hội hoặc hệ thống phản hồi.

Tiêu chí xây dựng tòa soạn hội tụ

Thứ nhất, thực tiễn trên thế giới cho thấy, muốn xây dựng tòa soạn hội tụ thành công, trước hết cần phải có đội ngũ phóng viên, biên tập viên có kỹ năng nghề nghiệp tốt, được đào tạo bài bản, có khả năng sử dụng nhiều thiết bị hiện đại như máy quay, máy ảnh, máy ghi âm và am hiểu lý thuyết cũng như thực tiễn về báo chí.

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực trên cơ sở nội lực và khai thác năng lực từ phía các cơ quan cấp trên, sự giúp đỡ của các tổ chức, bộ, ban, ngành bên ngoài, của các tổ chức phi chính phủ... Đồng thời ban hành các chế độ, chính sách, quy định nhằm khuyến khích động viên, bắt buộc, tạo điều kiện cho cán bộ phóng viên, biên tập viên thường xuyên tự đào tạo để không ngừng nâng cao trình độ và khả năng giao tiếp phục vụ công tác thương mại của báo. Tăng cường hợp tác nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cho cơ quan báo chí, nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên bằng cách có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng quản lý, vận hành để đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số. Học tập kinh nghiệm đối với các đơn vị có kinh nghiệm trong việc triển khai các đề án, dự án chuyển đổi số, từ đó ứng dụng vào việc triển khai chuyển đổi số của các cơ quan báo chí. Tuyển dụng nhân sự phù hợp với các

vị trí đòi hỏi về trình độ và năng lực trong quá trình triển khai chuyển đổi số, mạnh dạn sử dụng những nhân sự trẻ, có trình độ để có thể tiếp cận nhanh việc chuyển đổi số trong các cơ quan báo chí.

Thứ hai, để xây dựng được tòa soạn hội tụ, cơ quan báo chí cần xây dựng được đội ngũ nhân sự chuyên và mạnh về công nghệ thông tin để phục vụ tốt nhất cho tòa soạn. Ví dụ, đối với phóng viên ảnh, ngoài việc cung cấp phóng sự ảnh, họ còn có thể phỏng vấn, ghi âm, quay phim, biên tập âm thanh, hình ảnh video, thậm chí cả thiết kế đồ họa, flash... đây cũng là yêu cầu đối với phóng viên viết bài, phóng viên quay phim. Có người cho rằng, bản thân một nhà báo phải là một “cơ quan” cung cấp sản phẩm truyền thông đa phương tiện cho công chúng, nhờ biết ứng dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và công nghệ.

Thứ ba, cơ sở vật chất là yếu tố then chốt, bởi nội dung không tách rời công nghệ, kỹ thuật tốt sẽ giúp nội dung bút phá thể hiện sức mạnh của nó. Thực tế cho thấy, tòa soạn hội tụ cần phải có một trung tâm sản xuất tin, bài và một hệ thống quản lý nội dung chuyên nghiệp. Ngoài ra, kỹ thuật giải mã đa phương tiện nhanh chóng, dễ sử dụng được cài đặt sẽ giúp truyền đi âm thanh và hình ảnh tới các thiết bị xem tin đa phương tiện theo yêu cầu. Đồng thời, đảm bảo tin bài được truyền tải đến nhiều loại hình báo chí và được khai thác trên tất cả các loại thiết bị. Điều quan trọng là tòa soạn hội tụ phải có hệ thống bảo mật mạnh và hiện đại để tránh tin tặc. Nhìn từ thực tiễn đời sống báo chí của Việt Nam hiện nay có thể thấy, nhiều cơ quan báo chí in có một quy trình biên tập khá chặt chẽ, bài bản, chuyên nghiệp, thông

thường theo 3 cấp chỉ đạo từ Ban biên tập đến cấp trung gian (phòng, ban) và phóng viên. Với hình thức này, các phóng viên và biên tập viên làm việc ở các phòng nhỏ, riêng biệt, ít ồn ào, độ tập trung cao, chất lượng tin, bài khá tốt. Thông thường, các tin, bài được soát xét qua 3 cấp, nên chất lượng thông tin có chiều sâu, độ chính xác cao. Các phòng/ban chủ động được nguồn tin, cập nhật thông tin, tính ổn định và kỷ luật trong tòa soạn cao, ít có sự lộn xộn. Tuy nhiên, trong kỷ nguyên 4.0, với mô hình sản xuất riêng rẽ hiện nay ở một số cơ quan báo chí đa loại hình, dẫn đến tình trạng phóng viên thiếu tính chủ động và không linh hoạt trong xử lý các vấn đề phát sinh. Hầu hết các phóng viên chỉ chuyên sản xuất cho 1 loại hình báo chí (báo in/ báo điện tử), mà chưa có tư duy đa phương tiện trong quá trình tác nghiệp. Do đó, trong kỷ nguyên 4.0, nên chăng các cơ quan báo chí tái cấu trúc bộ máy “sản xuất” và xây dựng quy trình biên tập theo mô hình tòa soạn 3.0 hội tụ hoàn toàn sẽ tránh được hiện tượng chồng chéo nội dung và lãng phí nguồn tài nguyên hiện có, tiết kiệm chi phí trong quá trình hoạt động. Có thể chia thành các giai đoạn để xây dựng tòa soạn hội tụ như sau: Tập trung xây dựng tòa soạn đa loại hình báo chí, cung cấp thông tin trên các nền tảng khác nhau: Báo in, báo điện tử và các ứng dụng cho điện thoại di động cần phải quảng bá cho nhau, các tin/bài không được đăng độc quyền trên một loại hình mà phải được quảng bá chéo trên các loại thiết bị; sử dụng hiệu quả mạng xã hội trong tác nghiệp như việc kiểm chứng thông tin, thu thập thông tin, sản xuất và xuất bản tin, bài; xây dựng nhóm/ê-kíp với cơ cấu “mềm”, linh hoạt gồm các chuyên gia, phóng viên, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, có tính chuyên nghiệp, phụ trách các số đặc biệt,

chịu trách nhiệm các chuyên đề và bài viết “mũi nhọn”, “đặc sản” của cơ quan báo chí, tăng uy tín và vị thế của tòa soạn.

Phần kết

Các sản phẩm báo chí số là kênh thông tin quan trọng đối với các tòa soạn báo chí số hiện nay. Do đó, để xây dựng thành công tòa soạn hội tụ, các cơ quan báo chí cần thiết kế, sáng tạo các mô hình sản phẩm thông tin mới trên các nền tảng khác nhau để tăng độ tương tác với độc giả, phân phối nội dung thông tin nhanh hơn, rộng hơn và chính xác theo nhu cầu của độc giả. Phát triển sản phẩm báo chí số chất lượng cao, đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; xây dựng các gói sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng nhóm đối tượng độc giả. Ứng dụng cách thức làm báo công nghệ trong việc tự động hóa để thúc đẩy quá trình sản xuất nội dung đạt chất lượng cao. Ngoài các sản phẩm báo chí số, cần phải xây dựng và phát triển các sản phẩm số trong công tác điều hành, quản lý đối với các lĩnh vực quảng cáo, phát hành, tổ chức, văn phòng, tài chính. Ngoài ra, cần phát triển các nền tảng số và các dịch vụ kinh tế số. Cụ thể, các cơ quan báo chí cần xây dựng cơ sở dữ liệu độc quyền tiến tới triển khai hệ thống đọc báo thu phí trên các nội dung này. Mô hình thu phí bạn đọc theo hình thức thuê bao theo từng gói dịch vụ sẽ cũng cấp thông tin về các dịch vụ theo nhu cầu của từng khách hàng; xây dựng hệ thống marketing trên nền tảng video trực tuyến, đây là nền tảng mang lại doanh thu rất lớn từ hiển thị quảng cáo, giới thiệu sản phẩm và thương mại điện tử; liên kết các đài truyền hình để xây dựng dịch vụ truyền lại nội dung truyền hình số, mô hình các cơ quan báo chí trên thế giới đã thực hiện; đa

dạng hóa mô hình quảng cáo số trên các nền tảng báo điện tử: quảng cáo hiển thị trên các ứng dụng mobile, app, trên nền tảng video trực tuyến; hợp tác với các đối tác công nghệ để phân phối nội dung bài viết đến các nền tảng của bên thứ ba.

Qua nghiên cứu thực tiễn tại các cơ quan báo chí trong và ngoài nước, có thể rút ra quy trình sản xuất tin, bài hội tụ đối với tòa soạn hội tụ như sau: Sau khi có tin, bài do phóng viên (cộng tác viên) khai thác theo từng loại hình báo chí sẽ chuyển về phòng tin hội tụ (đầu vào). Khi tin, bài tập trung ở trung tâm tin của tòa soạn, các biên tập viên hội tụ (ban thư ký) tiến hành lọc bước 1 rồi chuyển đến bộ phận siêu biên tập (super desk) hoặc trung tâm điều hành thông tin. Đây là trung tâm tin của tòa soạn hoặc ở nơi các biên tập viên cao cấp có thể nắm bắt một cách nhanh nhất và đầy đủ nhất các thông tin, sự kiện được gửi về. Tại bộ phận siêu biên tập, các biên tập viên cao cấp tiến hành trao đổi, phân loại, điều phối và đưa ra quyết định nên sử dụng tin, bài đó ở loại hình truyền thông nào. Đây là cách cung cấp gói thông tin một cách nhất quán về mặt nội dung cho các phương tiện truyền thông (báo in, báo mạng, phát thanh, truyền hình hay điện thoại di động v.v.). Sau khi các biên tập viên ở bàn siêu biên tập xử lý và phân loại, tin, bài sẽ được đẩy lên hệ thống để tổng biên tập hoặc phó tổng biên tập phụ trách nội dung duyệt, xuất bản. Đối với các sản phẩm của phát thanh hay truyền hình, cần đến sự trợ giúp của đội ngũ kỹ thuật viên□

Nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông.- 2024.- Số 1.- Tr.74-78.